

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỜI SỐ 20 ★ 30.9.1959

- 1.— Văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam . . . Nguyễn-Vỹ 6 — 9
- 2.— Văn-lễ cá sấu: Hàn-Thuyên . . . Phong-Cầm 10 — 14
- 3.— Thi-hào Guillaume Apollinaire . . . Hoàng-Điệu-Tiên 15 — 18
- 4.— Con ngựa của Bác-Sĩ (chuyện ngắn quốc-tế) . . . Nguyễn-Tán-Bi 19 — 24
- 5.— Bên lề lịch-sử V.N.: Mượn cái đầu Vương-Đức-Hà 25 — 27
- 6.— Độc hành (thơ) Thuần-Nhu 28
- 7.— Một đời người (hồi ký) Thiệu-Sơn 29 — 31
- 8.— Những sai lầm trong quyền T.N.V.N. Hiện-Đại Nguyễn-hữu-Thứ 32 — 36
- 9.— Món hàng bịp bợm trong giới Văn-nghệ Nguyễn-khắc-Thiệu 37 — 40
- 10.— Norton I, hoàng đế nước Mỹ Tân-Phong 41 — 43
- 11.— Chuyện cũ người xưa: Đường-Minh-Hoàng Minh-Kha 44 — 46
- 12.— Văn-sĩ thi-sĩ tiền chiến: Huy-Thông và Nguyễn-nhược-Pháp Nguyễn-Vỹ 47 — 52

- 13.— Một giai thoại về Nguyễn-Bình Vũ-Huyền-Linh 53 — 55
- 14.— Mưa đêm, Tình yêu (thơ) . Thanh-Giang và Dương-Lưu 56
- 15.— Phê bình sách: Nguyễn-trung-Trực Thiệu-Sơn 57 — 60
- 16.— Giải thoát: Gởi gió mây (tùy bút) Nguyễn-Vỹ 61 — 62
- 17.— Tôi làm phim Thái-thức-Diên 63 — 67
- 18.— Tao đàn Phổ-Thông P.T. 68 — 74
- 19.— Minh ơi! Ở trên trăng được không? . Diệu-Huyền 75 — 82
- 20.— Cô gái điên (truyện dài) Vi-Huyền-Đắc 83 — 86
- 21.— Gia chánh: Món ăn Huế Cô Phương-Thu 87 — 88
- 22.— Tâm sự một sinh viên nghèo Lao-Dương 89 — 92
- 23.— Những người đời mười Nguyễn-thu-Minh 93 — 96
- 24.— Chàng rề tương lai (chuyện vui) Phong-Vũ 97 — 99
- 25.— Y học Phổ-Thông: tình trước ngày sanh Quang-Hoa 100 — 101
- 26.— Quan niệm của một bác-sĩ về Ma Bác-sĩ Phiệt 102 — 104
- 27.— Giới thiệu sách báo mới P. T. 105 — 107
- 28.— Kiên-Trinh (truyện dài) Cô Văn-Nga 108 — 111
- 29.— Đáp bạn bốn phương Bạch-Yến 112 — 124
- 30.— 4.000 năm ca-dao Ba-Tèo 125 — 127
- 31.— Hai cuộc hội thơ rất hào hứng trong hai đêm Trung-Thu ở Saigon Lệ-Liêu 128 — 137

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu. Cô Diệu-Huyền
 Bìa và các phụ bản. Họa sĩ Duy-Liêm
 Tranh vẽ Ngọc-Tài
 ✕ Bản kẽm Nguyễn-Điêu
 ✕ Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 • Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

CHƯƠNG I

VĂN-chương là nghệ thuật
phô-diễn tư tưởng của
người, bằng tiếng nói,
hoặc bằng chữ viết. Mỗi
dân-tộc trên địa-cầu có
một văn-chương riêng, và mỗi
văn-chương có một lịch-sử riêng,
cấu-tạo ra bởi nhiều yếu-tố:
tiếng nói, địa-thế, và hoàn-cảnh
sinh-hoạt.

Muốn tìm hiểu trình-độ văn-
minh tinh thần của một dân-tộc
và tính-chất tư-tưởng của dân-tộc
ấy, phải học hỏi văn-chương của
nó. Và muốn học hỏi văn-chương,
phải tìm hiểu trước nhất nguồn
gốc của lịch-sử và của tiếng nói.



Mảnh đất Việt-Nam là nơi hiện
dân-tộc Việt-Nam đang sống, từ
các dãy núi giáp giới với Tàu ở
phía Bắc cho đến Cà-Mau và vịnh
Thái-Lan ở phía Nam, trước đây
mấy ngàn năm có phải là quê cha
đất tổ của chúng ta không?
KHÔNG.

Theo lịch-sử nhân-loại, thì không
có Dân-tộc nào trên thế-giới là
một giống dân thuần-túy từ thời
thượng-cổ. Mỗi một Dân-tộc là kết
quả của cuộc hỗn-hợp vài ba
giống người do liên-hệ lịch-sử
hoặc ngôn-ngữ kết tụ nhau lại
trong một cuộc sống tập-thể để
tự bảo-vệ cho mình chống với
những trở ngại và những kẻ thù
chung.

Dân-tộc Việt-Nam ta cũng theo
định luật hiển nhiên ấy. Từ hồi
nguyên-thủy, ông bà chúng ta
cũng là giống người lai, 'hỗn-hợp

Nguồn gốc người Việt và tiếng Việt

- Người Việt-Nam từ đâu đến?
- Ở đây từ bao giờ?
- Nói tiếng gì?
- Viết chữ gì?

với vài ba giống người khác do
cuộc sống chung chạ quy tụ lại
với nhau.

Có thuyết cho rằng Tò-Tiên của
chúng ta từ hồi xưa hồi xưa là
những giống người ở rải rác vùng
TÂY TẠNG (bên Tàu), đã bị cuộc
xâm lược bành-trướng quá mạnh
của Hán-tộc mà phải di-cư lần
xuống thung-lũng sông HỒNG-HÀ.
Đến đây họ lại hỗn-hợp với các
giống người khác đã ở trên đất
này từ lâu, đồng-hóa với họ mà
dần-dần thành ra giống dân LẠC-
VIỆT.

Lại có thuyết cho rằng ở vào
khoảng 2.900 năm trước dương
lịch, nghĩa là cách nay đã hơn
4.000 năm, Tò Tiên chúng ta hãy
còn sống trong các thung-lũng
sông DƯƠNG TỬ và ĐÔNG ĐÌNH
HỒ, rồi bị Hán-tộc xua đuổi lần
lần xuống phía nam nước Tàu và
di-cư qua đất Bắc-Việt hiện nay,
tràn vào đến dãy núi Hoành Sơn,
hỗn hợp với thổ dân ở đây trước
tiên mà thành ra giống người LẠC
VIỆT.

Thổ dân ở Bắc Việt và Bắc
Trung Việt từ hồi đó là ai? Có
vài nhà khảo-cổ cho rằng họ là
giống người ở Nam Dương và Mã
Lai vượt biển Nam Hải qua ở rải
rác từ vùng Bắc - Sơn Cao Bằng,
Lạng Sơn vào đến Trung Việt.

Tất cả những thuyết trên đều
là những ức thuyết, căn cứ trên
những dữ kiện mập mờ. Có điều
chúng ta có thể BIẾT chắc chắn
là từ đời HỒNG BÀNG lập quốc,
người Việt Nam đã chiếm một
lãnh vực bao trùm từ biên giới
nước Tàu ở phía Bắc, gồm cả hai
tỉnh Tàu là Quảng Đông, Quảng
Tây, cho đến vùng thượng du của
giống dân Thái ở phía Tây, đến
dãy núi Hoành Sơn ở phía Nam, và
vịnh Bắc Việt ở phía Đông. Lãnh
thổ ấy chưa gọi là Việt Nam, mà
tên là VĂN LANG. Giống người
đã lập quốc ở đó chưa gọi là Dân
tộc Việt Nam, mà gọi là dân GIAO
CHỈ.



Dù ở các gò núi TÂY TẠNG kéo
xuống, hay ở vùng sông DƯƠNG
TỬ tràn qua, gốc tích của Dân tộc
Việt Nam ta ngày nay vẫn là ở
bên Tàu vậy. Nhưng chúng ta nên
nhớ rằng nước Tàu trong thời kỳ
ấy cũng không phải là một quốc
gia thuần nhất. Nó cũng là nơi tụ
hợp của nhiều giống dân khác
nhau: Hán, Mãn, Hồi, Tạng... Ấy là
định luật hiển nhiên chung của các
giống giống từ hồi khởi thủy. Trên
một địa cầu hời ấ, chưa có gì là
ổn định cả, cho nên có những
cuộc di chuyển vĩ đại của các khối
người từ đất này qua đất nọ, do

VĂN - CHƯƠNG

và TƯ TƯỞNG

Việt-nam

QUA CÁC THỜI ĐẠI

cuộc tranh giành xua đẩy lẫn nhau. Lịch sử các giống dân Saxons ở Tây-Bắc Âu - Châu; Latins ở Tây-Âu, Slaves ở Trung-Âu, Hy-Lạp, La-Mã, Chaldéens ở vùng Địa-Trung-Hải, Syriens và Bizantins ở Cận-Đông, v.v... đều chứng-minh các cuộc tản-mất và xáo-trộn của những giống người ô-hợp.

Cũng vào thời-kỳ dĩ-vãng quá xa-xăm ấy, trên bán-đảo còn hoang-vu ở giữa Ấn-Độ và Tàu, tức là bán-đảo Đông-Dương ngày nay, trước cuộc di-cư của Tô-Tiên ta từ bên Tàu qua lập nước Văn-Lang, đã có những cuộc di-chuyển tương tự của các giống dân CHÂM, KHMER, và MÔN, từ Ấn-Độ vào Nam-Dương vượt núi vượt biển tràn qua.

Người CHÂM thì cư - trú từ Đèo-Ngang dọc theo bờ biển Nam-Hải trở vào đến Phan-Rang, Phan-Rí.

Người KHMER hùng-cứ một địa-diềm rộng lớn bao gồm từ Thủy Chân-Lạp (Nam - Việt ta ngày nay) đến Lục Chân-Lạp (Cao-Miên).

Người MÔN trấn-ngự cả vùng Suvorma Bhumí (Xiêm).

Sau đó, giống THÁI từ phía Tây-Nam nước Tàu cũng bị xua đuổi, kéo xuống chiếm đất người Môn và lập thành THÁI—XIÊM trong lúc các đoàn người Thái khác tràn xuống phía bên hữu-ngạn sông Mékong, lập thành xứ THÁI—LÀO, hoặc tản

mất vào các vùng Lai-Châu và Điện-Biên-Phủ, tách ra thành các bộ-lạc THÁI, MUỜNG, THỜ, MÁN, ở khắp miền Thượng-du Bắc-Việt.

Tóm lại, trên bán-đảo Đông-Dương là một vùng đất rộng lớn còn hoang-vu hồi thời thượng-cổ, ở giữa hai khối tụ-tập đồ-sộ của các giống người Ấn-Độ và Tàu, đã có hai trào lưu di-cư vĩ-đại: 1) từ Ấn-Độ, Tích-Lan, Mã-Lai, Nam-Dương tràn qua, thành lập các dân-tộc Chàm, Khmers, Môn, rồi sau đó đến Thái, Thổ, Mường, Mán v.v... (cao nguyên miền Bắc), Sedangs, Radhés, Bahnars, Djarais, v.v.. (cao nguyên miền Trung).

2) Từ bên Tàu kéo xuống, thành lập một khối nòng-cốt của Dân-tộc Việt-nam.

Chúng ta nói : *nòng-cốt*, vì từ đời Hồng-Bàng, nước Việt-Nam hãy còn nhỏ hẹp trong lãnh-vực nguyên-thủy chưa vượt qua khỏi sông Gianh. Thế-kỳ XIV, ông cha chúng ta mới bắt đầu mở rộng bờ cõi, chiếm cứ nước Chàm, và tiến dần về Nam, đuổi người Chân-Lạp. Mãi đến cuối Thế-kỳ XVIII dân ta mới thu phục được toàn xứ, thành nước Việt-Nam đẹp-đẽ ngày nay.

Hai trào-lưu di-cư trên bán-đảo Đông-Dương đã tạo thành hai vùng ảnh-hưởng khác nhau; Việt-Nam chịu ảnh-hưởng văn-hóa của Tàu, các dân-tộc khác theo ảnh - hưởng của văn-minh cổ-Ấn, (Hindouisme). Về ngôn-ngữ cũng vậy.

Tuy mỗi dân-tộc có một tiếng nói riêng, nhưng xét về nguyên-thủy, các giống người đã cùng chung một liên-hệ địa-thể và lịch sử sơ-khai, đều có một nguồn-gốc ngôn-ngữ không xa nhau mấy. Vì vậy nên thế-giới loài-người gồm có một số các nhóm ngôn-ngữ quy-tụ lại từng vùng riêng biệt. Thí-dụ như nhóm Anglo — Saxons, và La-tinh, bao trùm các dân-tộc Anh, Mỹ, Pháp. Bỉ, Ý, Y-pho-nho, Bồ-Đào-Nha, v.v... ; nhóm Germaniques gồm các dân-tộc Đức, Hòa-Lan, v.v... ; nhóm Slaves gồm có Ba-Lan, Nga, Caucasie, v.v.. nhóm A-Rập gồm có dân-tộc Cận-Đông; nhóm Ấn-Độ gồm có Ấn, Tích-Lan, Mã-Lai, Khmers, Chàm. Xiêm.

Sự tích tháp Babel trong kinh-Thánh Gia-tô-giáo là một giải-thích tượng-trung của sự ngôn-ngữ bất-đồng của nhóm người ô-hợp từ sau khi có trận Đại-hồng-Thủy.

Các bày người tản-mác khắp mặt địa-cầu, và dần-dần những bộ-lạc có tiếng nói na ná như nhau đều tụ lại từng vùng rộng lớn.

Gốc tích ở nước Tàu, người Việt-Nam dĩ-nhiên là cùng một gốc-tích ngôn-ngữ với Tàu, cũng như Cao-Ly và Nhật-Bồn. Ngay trong nước Tàu, tuy các giống người Triều - Châu, Hải - Nam, Phúc-Kiến, Quảng - Đông, nói khác nhau, nhưng tựu-trung vẫn là do một nguồn gốc ngôn-ngữ mà ra. Tiếng Việt-Nam cũng là

một trong các biến thể của nguồn-gốc cổ-ngữ Tàu, dần-dần do khí-hậu, và các biến-chuyển của thời gian, của tập tục, mà đổi-thay, tiến-trìen, thành một tiếng nói trại hẳn, hoặc khác hẳn. Bằng chứng của sự cách biệt thường thường là bất ngờ của ngôn-ngữ xa dần nguồn gốc, là ngay người Việt-Nam ta ở ba miền cũng có nhiều tiếng nói khác nhau. Xin dẫn chứng một vài thí dụ :

Bắc : quả dưa ; Trung : trái thơm
Nam : trái thơm.

Bắc : cá quả ; Trung : cá tràu ;
Nam : cá lóc.

Hà-nội : xoi cơm ; Huế : thời cơm ;
Sài-gon : dăng cơm, v.v...

Ngay như từ tỉnh này qua tỉnh khác, tiếng nói cũng đã có thay đổi chút ít :

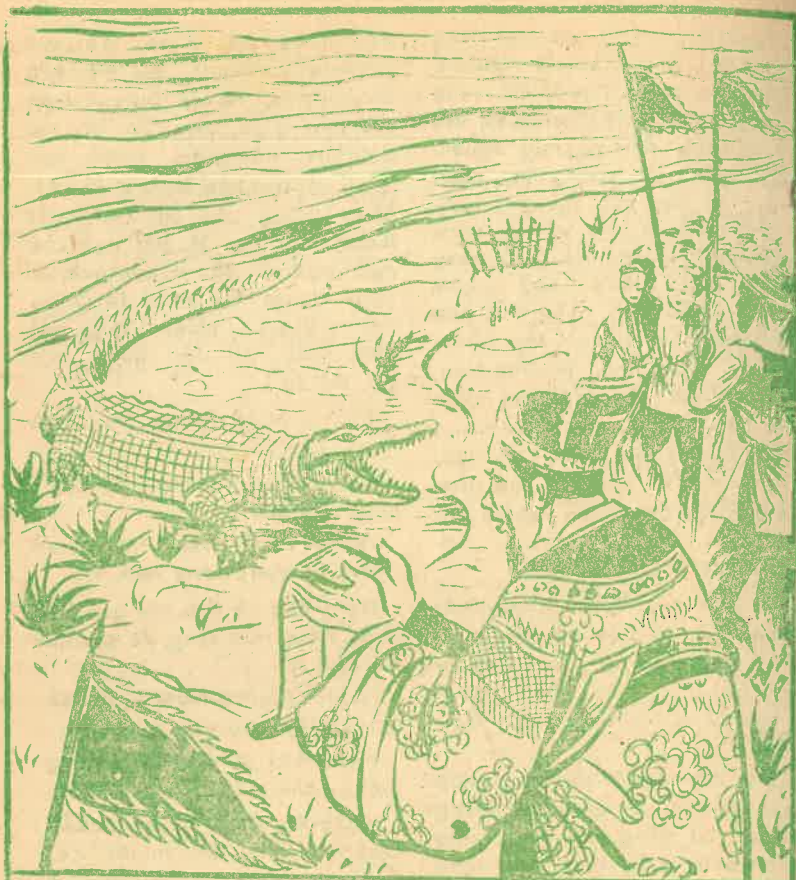
Huế và Quảng-Nam = đi mó ;
Quảng-Ngãi : đi dáu.

Nghệ-An : = bẻ choa ; Quảng-Bình = chùng tói.

Nghệ-An, Huế = một chắc ;
Quảng-Nam = Một mình, v.v...

Những sự cách biệt ấy vẫn thường có trong tất cả các ngôn ngữ của loài người, không riêng gì ở Việt-Nam hay ở Tàu, và đều do một đôi biến-cải và tập tục địa-phương, cũng như giọng nói có thể thay đổi tùy theo khí-hậu và địa thế từng vùng.

**CHƯƠNG I, kỳ sau
đăng hết.**



**VĂN TẾ
CÁ SẴU
của hàn-thuyên**



**SÁCH VIỆT-NAM
SỬ - LƯỢC** chép :
« Về đời Trần-nhân-
Tôn, chữ Nôm bắt
đầu xuất - hiện ở

nước ta. Người xướng - xuất ra
việc dùng thứ chữ này là Hinh-
bộ Thượng-thư Nguyễn-Thuyên
tức Hàn-Thuyên quê làng Lai-
hạ, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải-
đương).

Căn-cứ vào đó có người cho
rằng Hàn-Thuyên là thủy-tổ của
chữ Nôm. Thật ra, Hàn-Thuyên
không phải là thủy-tổ, ông chỉ
có sáng - kiến đem chữ Nôm
dùng vào thi-văn Việt-Nam.

Nói đến Hàn-Thuyên và chữ
Nôm ai cũng nhớ đến bài «**VĂN
TẾ CÁ SẴU Ở SÔNG NHỊ-HÀ.**»
là bài văn đầu tiên viết bằng
chữ Nôm. Tục truyền năm 1283
(nhằm năm Thiệu-Bảo thứ 4 đời
Trần Nhân-tôn) cá sấu tràn vào
sông Nhị-hà sát hại nhiều người,
Hinh - bộ Thượng - thư Hàn -
Thuyên (bắt chước Hàn-Dũ đời
Đường) làm văn tế ném xuống
sông, cá sấu bỏ đi. Do đó người
đời bây giờ gọi Nguyễn-Thuyên
là Hàn-Thuyên.

Riêng về bài «**VĂN TẾ CÁ SẴU
Ở SÔNG NHỊ-HÀ**» các nhà văn-
hóa quả quyết rằng : nó chỉ là
lời truyền tụng bông-lông mà
không có bằng cứ xác thật vì
lẽ không một ai tìm được bản
cảo của bài văn này (1). Còn

Hàn-Thuyên đã phỏng theo luật
thơ Nôm (có tên gọi là Hàn-luật)
Như vậy, Hàn -Thuyên không
phải là người đặt ra chữ Nôm.

Chữ Nôm là thứ chữ ghép lại
bằng chữ Nho, hoặc vay mượn
một phần làm thành chữ mới
để viết tiếng Việt-Nam theo thể
thơ sau đây :

- 1- Dùng nguyên nét chữ Nho ;
- 2- Ghép các chữ Nho thành một
thứ chữ mới của Việt-Nam ;
3. Ghép một chữ Nho chỉ ý
với một chữ Nôm chỉ âm .

Trong thời-kỳ phối-thai, chữ
Nôm chưa có một tiêu-chuẩn
vững chắc, một quy-chế thống-
nhất nên không có sự đồng nhất
trong các lối viết, mỗi người
tùy theo sở đắc hoặc ý thích mà
đặt chữ mỗi khi làm văn làm
thi. Rồi theo thời-gian và sự
cầu tiến của dân-tộc Việt-Nam
mà chữ Nôm dần dần phát -
triển, đến sau thi có cơ-sở vững-
vàng.

Chính vì những nhu-cầu tất-
yếu của sanh hoạt hằng ngày
mà chữ Nôm phát hiện do người
bình dân phát âm, truyền ý rồi
Truyền khẩu nhau mà thành hình
(như ca-dao, ngạn-ngữ). Bấy giờ,
Hàn Thuyên mới đem dùng vào
việc sáng tác thi văn như chúng
ta đã nghe nói đến trong bài
«**Văn tế cá sấu ở sông Nhị Hà.**»

CHỮ NÔM VỚI NỀN QUỐC HỌC

CHỮ NÔM ra đời đánh dấu một bước tiến của nhân dân Việt-Nam trên con đường tự chủ; thoát ly ảnh hưởng văn hóa Trung-Quốc du nhập vào xã-hội ta hàng mấy thế kỷ trong những thời kỳ Bắc thuộc.

Sự bành trướng của chữ Nôm ngày càng lan rộng, từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV thì nó có hệ thống và quy cũ rõ ràng, các triều đại đã biết dùng chữ Nôm để xây dựng một nền quốc học thuần túy Việt-Nam.

Từ nhà Trần đến nhà Hồ, có một cuộc cách mạng khá lớn về chữ-nghĩa; lần thứ nhất Hồ-quý Ly quyết định dùng chữ Nôm làm nền tảng của nền học vấn trong nước, nào dịch quyền *Kinh Thi* bằng chữ Nôm, nào ra lệnh cho các bộ máy của vương quyền phải dùng toàn chữ Nôm để thảo đơn tâu, yết thị, chiếu chỉ, sắc-phong v.v...

Nhưng triều đại của Hồ-quý-Ly không đứng vững được lâu dài, nên công việc dùng chữ Nôm củng cố nền quốc học, sang đến nhà Lê thì không được cổ-xúy mạnh mẽ. Tuy vậy, trên cái đà phát triển của nó, chữ Nôm vẫn là lợi khí dùng để trước tác của các nhà thơ, nhà văn.

Sang đến triều Tây-sơn, vua

Quang Trung đã làm sống lại cái hoài bão của Hồ-Quý-Ly dùng chữ Nôm củng cố chủ quyền quốc gia trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa ngoại giao, để lại một diễm son trên trang sử văn hiến nước nhà.

Tuy tôn sùng kẻ sĩ, trọng đạo Nho, vua Quang-Trung vẫn lấy chữ Nôm làm chủ đích phát huy văn hóa nước nhà, ngoài việc mở trường dạy chữ Nôm ở khắp các làng, các xã, Quang Trung còn nhờ danh sĩ Nguyễn Thiếp tức La Sơn phu tử phiên dịch quyền *Kinh Truyện* ra tiếng Nôm để truyền bá trong nhân dân. Đồng thời, Quang Trung còn ra lệnh cho các chủ khảo phải ra đề bài thi bằng chữ Nôm, mọi thứ thơ phú cũng đều bằng chữ Nôm.

Đề công kích Quang Trung về việc tôn trọng chữ Nôm, dùng chữ Nôm làm nền tảng cho nền học pháp, các cựu thần nhà Lê hay các tân quan triều Nguyễn có làm ra nhiều thơ phú để chế-diễu, biếm nhẽ đại ý cho rằng chữ Nôm là thứ chữ «nôm na mách quẻ.» Song đó là việc làm nông nổi, thiếu công tâm, thiếu sáng suốt.

Dầu sao, văn học sử nước nhà cũng không quên ghi nhận công trạng của Hồ Quý Ly và Quang-Trung trong việc phát huy toàn bộ chữ Nôm cho nền quốc học.

* CHỮ NÔM VỚI THI-VĂN VIỆT-NAM

THIÊN kia chúng tôi đã nói tổng-quát về nguồn gốc chữ Nôm và sự phát-triển của nó qua các triều - đại, bây giờ chúng ta hãy xét xem chữ Nôm đã mang lại cho văn-học sử nước ta những gì.

Sự tiến - triển của chữ Nôm chia ra làm ba thời-kỳ :

- 1.— Chữ Nôm còn phôi-thai ;
- 2.— Chữ Nôm thịnh hành ;
- 3.— Chữ Nôm có nền-móng vững vàng.

Thời-kỳ phôi-thai tức là từ đời Trần Nhân-Tôn (Hàn-Thuyên làm văn-tế cá sấu 1283), đến nhà Hồ (1400).

Thời-kỳ thịnh-hành kể từ nhà Hậu-Lê (1428) đến triều Tây Sơn (1792).

Thời-kỳ có nền móng vững-vàng là sau khi triều Nguyễn bỏ thi Hương, văn Nôm đã vùn vụt tiến, hầu hết người trong nước đều quay về với tiếng mẹ đẻ.

Từ lúc phôi-thai cho đến khi đặt được nền móng vững-vàng, chữ Nôm đã tạo cho văn-học sử nước nhà rất nhiều áng thi-văn giá-trị.

Các nhà thơ, nhà văn say-sưa quay về với tiếng mẹ đẻ, dùng tiếng mẹ đẻ vào các công cuộc phiên-dịch, sáng-tác, trau - giồi mọi văn-thể bằng bút pháp tinh-thông điêu-luyện vô cùng.

Trong vườn văn Nôm, từ Hàn Thuyên trở đi, chúng ta thấy xuất-hiện những văn tài lỗi-lạc như Trạng - Trình Nguyễn-Bỉnh-Khiêm (BACH-VĂN THI TẬP), Nguyễn-cư-Trình (truyện SÀI-VÀI), Nguyễn-Gia-Thiều (CUNG-OÁN ngâm-khúc), Đoàn-thị-Điễm (CHINH-PHỤ NGÂM), Nguyễn Huy-Tự (HOA TIÊN TRUYỆN), Hồ - Huyền - Quy (LÂM-TUYỀN KỶ-NGỘ), Nguyễn-Dữ (TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC), Hoàng - Quang (HOÀI NAM KHÚC), Nguyễn-Du (ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH), Nguyễn-Đình-Chiêu (LỤC VĂN-TIÊN) v.v..

Trên đây là những áng thi văn nổi tiếng nhưt mà phần đông độc giả đều biết, ngoài ra còn nhiều tác phẩm khác không kém phần giá trị như GIA HUẤN CA của Nguyễn Trãi, bài VĂN TẾ NGUYỄN BIỂU của vua Trùng-Quang, TỤNG TÂY HỒ PHÚ của Nguyễn huy - Lượng, CHIẾN TỤNG TÂY HỒ PHÚ của Phạm Thái, TỰ TÌNH KHÚC của Cao-bá Nhạ, bài VĂN TẾ VA QUANG TRUNG của Ngọc Hân Công-chúa HỒNG ĐỨC QUỐC ÂM THI TẬP của hội Tao đàn triều Lê-Thánh Tôn v.v...

Những tài thơ cũng rất đông đảo, ngoài những Nguyễn bình-Khiêm, Nguyễn Gia Thiều, Đoàn thị Điễm, vườn thơ Nôm còn có những thiên tài trác tuyệt sánh với Lý thái Bạch, Đỗ Phủ đời Đường như Chu Mạnh Trinh,

Cao bá Quát, Nguyễn văn Siêu, Hồ xuân Hương, bà Huyện, Thanh Quan, Trần Kế Xương, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Yên Đỗ, Nguyễn công Trứ, Lê Ngô Cát ... tất cả đã góp công xây dựng cho chữ Nôm có một địa vị vững vàng trong văn học sử Việt Nam.

Tuy nhiên đem phân tách chiều hướng đi lên của văn Nôm trải qua các thế kỷ, chúng ta thấy nó có hai loại, một loại vay mượn của Trung quốc, loại này gồm có kinh nghĩa, văn sách phú thơ như những bài «Tụng tây hồ Phú», «Bạch Vân thi tập» v.v. Và những thể văn hoàn toàn Việt-Nam: CHINH PHỤ NGÂM, CUNG OÁN, HOA TIÊN, ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH, LỤC VÂN TIÊN.

Sau ngày ngọn bút thần của miền Hồng-Lĩnh Lam-giang xuất hiện, thì các áng văn Nôm không còn tranh đua hơn kém, tất cả tinh hoa của văn Nôm đã đúc kết nên

một tác phẩm toàn bích bất-hủ, ấy là ĐOẠN - TRƯỜNG TÂN-THANH...

* KẾT LUẬN

KI Ễ M diêm các biến - chuyện của văn học Việt-Nam, các nhà văn hóa đều nhìn nhận tác-dụng mãnh - liệt của chữ Nôm trong công cuộc củng cố tinh thần tự chủ, mở mang nền độc-lập và nâng cao trình-độ văn-hóa của nhân-dân, giúp cho nhân-dân thông-cảm sâu-sắc nguồn-gốc của nền văn-học dân-tộc.

Tuy rằng, bước sang thế-kỷ XX chữ quốc-ngữ đã đến thay thế cho chữ Nôm, chữ Nôm đã phải nhường bước cho cái đã phát-triển không ngừng của chữ quốc ngữ, nhưng trong lịch-sử chữ Nôm đã làm tròn sứ-mạng cao cả: đem lại cho văn-học xứ sở sự vẻ-vang và vinh-quang đáng cho dân-tộc Việt-Nam tự-hào.

(1) Việt-Nam văn-hóa sử cương của Đào-Duy-Anh.

* DANH NGÔN

Sự khoái-lạc đối với người ta cũng như muối và giấm đối với thịt: người ta không lấy muối đầy tay cũng không uống giấm đầy cốc. (Les plaisirs sont à l'homme ce que le sel et le vinaigre sont aux viandes. On ne prend pas le sel à pleines mains, on ne bois pas aussi de pleines verres de vinaigre.)

J. J. ROUSSEAU

Thi hào

**Guillaume
APOLLINAIRE**
(1880 — 1918)



* HOANG DIỆU-TIÊN



Guillaume Apollinaire là một nhà cải cách tên tuổi của nền thi ca Pháp ở đầu thế kỷ này. Ông đã tham dự vào tất cả mọi phong trào tiên phong canh tân của thế hệ ông và đã góp phần với những thí-nghiệm liêu-linh của ông vào công cuộc khai hướng thi ca Pháp về những địa hạt hoang vu của tình cảm và cũng là cánh chim báo hiệu cho cơn bão táp siêu thực đã tung hoành trong sinh-hoạt tinh-thần của nước Pháp trong vòng ba mươi năm nay và hơn nữa.

Guillaume Apollinaire tên thật là Wilhelm Apollinaris de Kostrowitzki (cái tên sao mà lòng thòng, sao mà rắc rối thế!) sinh

ở La-Mã năm 1880, con của một sĩ quan Ý-Đại-Lợi và một thiếu-phụ Ba-Lan ly-hương. Ông theo học trường Saint-Charles de Monaco. Trong thời cấp sách này, ông kết bạn với René Dupuis, một người cùng lớp, sau trở thành thi sĩ René Dalize và là một người bạn đường văn nghệ vĩnh cửu của ông. Và cũng trong khoảng thời gian thơ mộng đó, hai gã học trò mê thơ này đã chung sức thành lập một tờ báo khuyh-hướng vô chính-phủ, tờ Le Vengeur (Kẻ trả thù).

Đến năm 1901, Guillaume, đã lên ở Bá-Lê từ hai năm rồi, trở thành trợ giáo viên của gia đình Milhau giàu có. Nhờ gia-đình này ông được du lịch các nước Áo,

Đức và Bohême. Ông yêu say đắm một thiếu nữ Anh cát lợi, nàng Annie cũng giúp việc cho gia đình Michau với tư cách quản gia. Nhưng đến lúc ông sang Luân-Đôn để xin cưới hỏi nàng thì ông bị gia đình nàng thẳng thắn từ khước và nàng Annie sang Mỹ-quốc. Nỗi đau đớn do mối tình đầu tan vỡ đã tràn ra khỏi tâm hồn đa cảm của Guillaume bằng một tiếng than dài bất hủ : đó là thi phẩm *Bài ca của kẻ thất tình* (La chanson du Mal Aimé) :

*Mon beau navire ô ma mémoire
Avons nous assez navigué
Dans une onde mauvaise à boire
Avons-nous assez divagué
De la belle aube au triste soir.*

*Adieu faux amour confondu
Avec la femme qui s'éloigne
Avec celle que j'ai perdue
L'année dernière en Allemagne
Et que je ne reverrai plus.*

Dịch :

*Con thuyền đẹp của ta, ôi trí
nhớ của ta
Chúng ta đã trôi gạt nhiều chưa
Trên một làn nước không uống
được
Chúng ta đã làm nhảm nhiều
chưa
Từ bình minh đẹp đến hoàng
hôn buồn
Vĩnh biệt nhé mối tình già mao
lăm lăm*

*Với một thiếu phụ đi xa
Với người mà tôi đã mất
Năm rồi ở Đức
Và chẳng bao giờ tôi gặp lại.*

Trở về Bá Lê, Guillaume liền kết với một nhóm thi sĩ thường hội họp ở hầm rượu Soleil d'or, bến Saint Michel, đi lại với bọn La Closerie des Lilas mà chủ sếp là Paul Fort và Jean Moréas và giữ chức chủ bút tạp chí *Festin d'Esopo* xuất bản được vài số. Ông còn giao du với những họa sĩ trang lứa với ông, Vlaminck, Derain và cuối cùng Picasso đã giới thiệu cùng ông, thi sĩ Max Jacob. Ông tham gia mọi hoạt động canh tân văn nghệ thời bấy giờ, chứng kiến buổi sơ sinh của chủ nghĩa dã thú trong hội họa giới thiệu với quần chúng những tài năng chớm nở, và cùng với Picasso, đề xướng thẩm mỹ lập thể và tán tụng nền điêu khắc da đen. Năm 1909, ông cho ra đời tác phẩm đầu tiên, cuốn *L'Enchanteur pourrissant* và năm sau, ông gom góp lại những chuyện ngắn phụng phú của ông thành tập *L'Hérésiarque et Cie* và năm 1911, thi phẩm *Festinaire* do Dufy minh họa. Tuy nhiên, phải đợi một thi phẩm khác giàu có hơn, đặc sắc hơn, xuất bản năm 1913, thi tài của Guillaume Apollinaire

mới xuất hiện rõ rệt, sáng chói và tên tập thơ, *Alcools* (rượu) biểu lộ niềm khao khát không thôi một cuộc đời nồng nhiệt :

*Et tu bois cet alcool brûlant
comme ta vie
Ta vie que tu bois comme une
eau-de-vie*

Dịch :

*Và người uống thứ rượu này
bồng chấy như đời người
Đời người mà người uống như
rượu mạnh*

Rồi trận thế chiến thứ nhất bùng nổ. Guillaume đầu quân. Và trong cuộc sống nay đây mai đó của người lính chiến, ở Nîmes, ông quen biết với nàng "Lou", một thiếu phụ mà tính kêu hãnh đã làm ông khổ sở nhiều, nên vào tháng tư 1915, ông tự ý xin chuyển chuyên ra tiền tuyến và được thăng chức thiếu úy pháo binh. Năm sau, ông bị trúng thương trong hầm trú bởi một mảnh đạn đại bác ở đầu và được đưa về Bá-Lê. Ông trở lại đời sống văn nghệ và sáng tác một vở kịch siêu thực, *Les Mamelles de Tirésias* và một truyện, *Le Poète assassiné*. Kế đến là một bài diễn thuyết *L'esprit nouveau* được coi như là bản hiến chương của nghệ thuật mới. Đến năm 1918, ông

xuất bản một thi phẩm nữa, tập *Calligrammes* trong đó xen lẫn giữa những hình ảnh đau buồn của một cuộc chiến tranh vô vọng, phi lý là hình ảnh nàng Lou, niềm si mê tha thiết của ông. Một vài bài thơ trong tập ấy là những hình vẽ hoặc những cách thức ấn loát cổ gọi lên trong trí người đọc hình ảnh, đề tài của bài thơ ấy. Ví dụ như bài *Il pleut* (trời mưa) được xếp chữ thành hàng nghiêng, song song từ trên xuống dưới như những hạt mưa.

Nhưng rồi bệnh hoạn cắt đứt nửa chừng công cuộc tìm tòi thẩm mỹ táo bạo ấy : Apollinaire, chưa lành hẳn vết thương, không chống chọi lại dịch cúm lan tràn khắp Âu châu khoảng 1918. Ông mất trước ngày đình chiến ít lâu. Một số thơ nói về nàng Lou chưa in của ông, về sau được gom góp lại thành tập *Ombre de mon amour*, xuất bản năm 1947.

Về chất thơ của Guillaume Apollinaire, nói chung thì dù đã đứng hẳn về phe cải cách, Apollinaire vẫn thụ hưởng truyền thống lãng mạn và cái di sản quý báu ấy đã chung góp với sự tìm tòi sáng chế của ông làm tiếng thơ ông trở thành một tiếng nói tình cảm thích hợp với thời đại

mới mẻ, một tiếng nói đầm ấm
tâm sự, một tiếng dội của nỗi lao
lung thắm kín, hậu quả của hai mối
tình tan vỡ cả hai và của một
cuộc chiến tranh đưa vãn mình
vào ngõ cụt.

Sau đây chúng tôi xin tạm
dịch một bài thơ của Guillaume
Apollinaire, trích trong tập Alcools
để bạn đọc có thể có một khái
niệm nào đó về thơ Apollinaire.

LE PONT MIRABEAU

*Sous le pont Mirabeau coule
la Seine*

Et nos amours

*Faut-il qu'il m'en souvienne
La joie venait toujours après
la peine*

*Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure*

*Les mains dans les mains res-
ton face à face*

Tandis que sous

*Le pont de nos bras passe
Des éternels regards l'onde si*

*lasse
Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure*

*L'amour s'en va comme cette eau
courante*

*L'amour s'en va
Comme la vie est lente*

*Et comme l'Espérance est
violente*

*Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure*

*Passent les jours et passent les
semaines*

Ni le temps passé

Ni les amours renaissent

*Sous le pont Mirabeau coule le
Seine
Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure*

CẦU MIRABEAU

*Dưới cầu Mirabeau sông Seine
chảy*

*Và những mối tình của đời ta
Có cần gì tôi phải nhớ chẳng
Niềm vui sướng bao giờ cũng
đến sau nỗi đau buồn*

*Đêm đến giờ điềm
Ngày đi tôi ở lại*

*Tay trong tay cứ để mắt nhìn
mắt*

Trong khi dưới

*Cầu của tay đôi ta trôi qua
Những cái nhìn vịnh cứu giòng
nước quá mới*

*Đêm đến giờ điềm
Ngày đi tôi ở lại*

*Tình yêu đi như nước chảy này
Tình yêu đi*

Sao mà đời chậm chạp

*Và sao mà Hy-vọng bạo cuồng
Đêm đến giờ điềm
Ngày đi tôi ở lại*

Ngày đi và tuần lễ đi

*Thời gian đã qua
Những mối tình đều chẳng trở về
Dưới cầu Mirabeau sông Seine
chảy*

*Đêm đến giờ điềm
Ngày đi tôi ở lại.*

TRUYỆN NGẮN

QUỐC
TẾ

Con ngựa

của Bác-Sĩ



Tchy Giao
NGUYỄN-TẤN-BI

N

GÀ Y mà bác-sĩ
Peter giết chết
con ngựa Charlie,
đối với những
người dân cư ngụ
trong vùng Winchester và luôn cả
miền quê Ontario rộng lớn hàng
mấy cây số ngàn, là cả một ngày
tang tóc, Riêng đối với Bác-sĩ,
ông xem việc ấy như là tấm thảm
kịch nhứt đời ông, vì chính tôi,
tôi đã mục kích Bác-sĩ giết chết
con vật khốn nạn kia với hai bàn
tay trắng của ông !

Chưa bao giờ, người ta thấy có
giống ngựa nào vừa đẹp, vừa cao

ráo như con Charlie. Nó
thuộc loại ngựa ô, cổ cao,
đầu nhỏ, lông mũi đen và
mướt như lụa. Mỗi lần
trông thấy dạng nó xuống
đường làng là chúng tôi
reo hò lên.

— Kìa ! Bác sĩ Peter !
kìa !

Rồi Charlie chạy qua
chỗ chúng tôi, chận nhấc
cao lên theo nhịp tế. Mỗi
lần như vậy. Bác-sĩ ở
trong xe lại dơ tay ra dấu
chào chúng tôi.

— Chào các thẻ-tháo-
gia tí hon !

Tiếng nói của ông có pha lẫn
giọng cười, nghe vui vẻ quá.

Đối với chúng tôi, những ngày
như hôm đó, thật là không có gì
thích thú cho bằng vì lâu rồi chúng
tôi cảm thấy giữa Bác-sĩ Peter với
vùng tráng rộng và tấm lòng bác
ái vô bờ và con ngựa Charlie, một
con ngựa hoàn toàn đẹp, hình như
đã có sợi giây thiêng liêng buộc
chặt họ vào nhau.

Sợi giây thiêng liêng ấy thật ra
đã có từ ngày con Charlie mới
chào đời.

Hồi đó, con Charlie mới sanh ra,
còn nhút nhát, bốn chân rung rầy
mỗi lần nó muốn đứng lên. Vị thú

y sĩ trong làng không thể nào tin Charlie có thể sống được. Nhưng bác-sĩ Peter, khi nhìn con vật đẹp đẽ ấy, lại nghĩ rằng biết đâu bộ vó yếu ớt bề ngoài kia, còn ẩn hiện bên trong lòng can đảm và nhiều tánh chất đặc biệt khác. Chính ông đã tự tay săn sóc cho nó, lo cho nó mọi phương diện để cố tạo cho nó một sức khoẻ.

Một kỷ niệm xa xưa của tôi về Charlie, bây giờ nhắc lại, vẫn còn làm cho tôi ghê sợ : lần ấy không hiểu con Charlie đã làm thế nào bị quấn vào trong kềm gai. Nó hí to lên, cố vùng ra, làm cho da thịt nó bị cào rách từng mảnh.

Tôi ở gần đấy, nghe tiếng hí của nó, vội chạy đến. Người ở của Bác-sĩ đã đứng đấy tự bao giờ rồi, nhưng lại lúng túng không biết làm thế nào giữ cho nó đứng yên lại để tháo kềm cho nó ra. Giữa lúc đó thì Bác-sĩ chạy đến, vừa nói như đề an ủi nó, vừa vuốt ve ra chiều như thông cảm nỗi đau đớn của nó.

Con vật khốn nạn ấy lại im lặng. Toàn thân nó rung bầy bầy, máu chảy có giòng, trong khi người bạn già của nó, Ông bác-sĩ Peter, dùng kéo cắt đứt kềm gai.

Sau khi đã khám xét bộ vó của Charlie, vị thú y sĩ lại khuyên Bác-

sĩ Peter nên giết Charlie đi. Lần ấy, tôi đã thấy Bác-sĩ Peter nhìn vị thú-y-sĩ trong làng với đôi mắt buồn thảm vô cùng, Bác-sĩ im lặng, không nói lấy nửa lời ; rồi cũng chính tự tay ông săn sóc đôi chân bị thương của Charlie. Mặc dù đau đớn và khó chịu, con ngựa vẫn ngoan ngoãn im lặng để cho Bác-sĩ săn sóc, cầm máu và băng bó vết thương, mỗi lần Bác-sĩ cố về muốn đi khỏi nó thì Charlie lại hí lên, như không bằng lòng.

Buổi chiều hôm ấy, tất cả bệnh nhân thường nhứt của Bác-sĩ đều được khám và chữa ngay tại chuồng ngựa và suốt cả đêm hôm ấy, Bác-sĩ Peter ở luôn bên cạnh Charlie cho đến rạng sáng hôm sau.

Bác-sĩ cố săn sóc, xoa bóp vết thương của Charlie trong suốt nhiều tuần lễ cho đến một hôm lại nghe tiếng nó dậm chân, nhai cỏ trong tàu.

Lần đầu tiên khi người ở dắt nó ra để sửa soạn thắng yên cương, hình như nó có vẻ sung sướng lắm như đề chứng tỏ rằng nó rất sẵn sàng giúp đỡ cho chủ nó và cho cả mọi người. Tuy nhiên, khi người ở đem yên cương ra, thì là cả một trận giặc ; nó lồng lên không chịu đứng yên, cho mãi đến lúc Bác-sĩ ra, vuốt ve lên cổ, lên mũi, con

vật ngoan cố lại yên lặng.

Khi mọi việc xong xuôi, Bác-sĩ leo lên xe, vớ lấy cương, rồi cả hai bên đường.

Trông người và vật như có vẻ triu mến nhau và quen với công việc từ mấy năm qua rồi cũng như những năm về sau này nữa...

Charlie không có tật lồng lên như những con ngựa khác, hơn thế nữa, trong khi phải chạy từ đường này sang nẻo khác suốt ngày đi nữa nó cũng vẫn ngoan ngoãn vâng theo mệnh lệnh Bác-sĩ.

Cũng có một đôi khi, nó suýt mang cả người lẫn xe xuống hố.

Những vị Bác-sĩ miền quê thường nhân nhả lăm, cho nên sau mỗi lần băng bó xong một vết thương hay giúp một sản phụ cho chào đời một hài nhi, Bác-sĩ Peter leo lên xe, vớ lấy cương ra lệnh « về nhà ! » rồi ngã xuống ngủ đề mặc tình cho Charlie kéo xe đi.

Về mùa đông, trên những nẻo đường làng thường hay có lỗ trùng sâu. Có lần Charlie đã hất chủ mình văng ra trên tuyết. Những lần như thế, chạy được bốn, năm trăm thước rồi Charlie mới biết chủ mình không còn ngồi trên xe nữa.

Có lần, Bác-sĩ kể lại tôi nghe, nó quay trở lại tìm ông. Nó hí

thật to như muốn gào lên « Bác-sĩ ơi ! ông ở đâu ? » Lúc gặp được Bác-sĩ nó lại hí lên nữa, như ra chiều như mừng rỡ. Bác-sĩ lại leo lên xe, vớ lấy tấm mền da phủ lên mình rồi Charlie lại kéo xe đi.

Mỗi khi phải chạy trên con đường lạ, nó hay ngoái nhìn lại bác sĩ, như muốn hỏi :

— Ông có chắc rằng chúng ta phải đi nẻo này không ?

Những lần như vậy, Bác-sĩ phải đáp :

— Đúng rồi, đây là lối đi tắt để chúng ta đến nhà ông Gregor đấy.

Thình thoảng, được đi theo Bác-sĩ, Bác-sĩ lại trao cương cho tôi cầm. Mặc dù kỷ niệm ấy cách đây hơn bốn mươi năm rồi, nhưng mỗi lần nhớ đến, tôi vẫn còn cảm động và sung sướng.

Không có gì vui bằng, ban đêm theo Bác-sĩ vào chuồng ngựa để thắng yên cương cho Charlie. Vừa thấy ông vào, tay cầm đèn bão, Charlie đã hí lên.

Tôi còn nhớ, một lần, bác-sĩ đã bảo nó :

— Chúng ta phải đến tận nhà James Stuart.

Charlie hí lên. Bác sĩ lại nói
— Dù sao chúng ta cũng phải

đi, nhưng hy vọng chúng ta sẽ đến nơi kịp buổi tối.

Được bác-sĩ cho đi theo, tôi không bỏ lỡ cơ hội tò mò hỏi bác-sĩ xem khi Bác-sĩ nói, con Charlie có hiểu gì không. Ông cười bảo có lẽ con Charlie chỉ nhìn miệng Ông nói mà đoán chừng mục đích của chuyến đi thôi. Hình như nó muốn nói thêm với ông : « Tại sao ông không bảo luôn cho tôi biết rằng Bà James Stuart sắp sanh một đứa bé ? »

Đoán được như thế, tôi nghĩ hẳn Bác-sĩ vui thích lắm. Nhưng trong thâm tâm tôi, bây giờ nghĩ lại câu nói ấy của Bác-sĩ, tôi thấy phân vân...

Tôi biết bác-sĩ rất hãnh diện vì con ngựa của mình và chắc chắn là không có điều gì làm cho Bác-sĩ hãnh diện hơn.

Có một đêm, Charlie chở Bác-sĩ qua một con sông ngập nước.

Trận mưa đầu mùa đã làm tan những khối tuyết to. Khi qua vùng « Sông Nước » chảy ngang cầu Cass, Bác-sĩ thấy nước dâng lên.

Bác-sĩ bảo Charlie :

— Mau lên ông bạn già ơi ! Làm thế nào, bạn chúng ta trở về, con đường này vẫn chưa ngập mất đấy.

Cả hai đều hồi hả, nhưng khi

họ đến gần cầu đã có nhiều người mang đèn bão đứng ở đấy rồi. Họ kêu lên :

— Bác-sĩ đi thế nào được, đường đã bị cắt đứt rồi và không có phương tiện gì cho chúng ta qua sông cả. Chắc phải ở lại đây đêm nay mất.

Bác-sĩ cho họ biết, dù thế nào ông cũng phải đi, vì hiện giờ bên kia sông có một sản phụ sắp « khai hoa », nếu ông không đến, người đàn bà ấy sẽ lo sợ đến thế nào.

— Chưa sao đâu, nước chỉ cao độ một thước thôi.

Rồi ông và Charlie lại đi vào đêm tối.

Lúc ấy Bác-sĩ chỉ còn đặt tin tưởng vào Charlie thôi. Những lúc như thế này, ông cần phải nói chuyện với nó. Nhưng lần này hình như Charlie không thể nào rỗi rãi để nghe Bác-sĩ nói chuyện với nó nữa, nó cố gắng lái chiếc xe đi và cần thận từng nhịp một vì đường trơn trượt và hư hao nhiều. Nó nhút nhát tiến tới, cố sức vượt qua những chỗ nước xoàng và chịu đựng những khối tuyết tan từ trong bóng tối trôi ra, chạm mạnh vào chân.

Một khối tuyết to, bất thần chạm mạnh vào xe làm cho xe chao đi, nhưng Bác-sĩ Peter đã nhanh

nhẹn nghiêng mình ra ngoài để giữ cho xe thăng bằng. Với điệu bộ một thê tháo gia lái thuyền đua, Bác-sĩ thúc xe vọt lên.

Sau cùng họ qua khỏi con sông nước.

Bạn về Bác-sĩ lại gặp những người cầm đèn bão ban này. Họ lại kêu lên :

— Trời ơi ! Sao Bác-sĩ liều thế.

Bác-sĩ xuống xe vồ nhẹ vào chân Charlie. May mắn quá, chân nó chỉ bị xây xước xoàng vì cạnh bên của mấy khối tuyết tan thôi.

Ông quay sang bảo một người cầm đèn bão :

Bác Hermann thấy không, mấy đứa nhỏ không bao giờ đổi khác : chúng nó chỉ chào đời vào mùa này thôi. Cho nên những trường hợp khó khăn thế này, chỉ có mình Charlie mới giúp tôi được việc.

Cho đến khi xe ô-tô được dùng làm phương tiện di chuyển mau chóng thì Bác-sĩ lại sắm một chiếc xe san sẽ cho Charlie bớt gánh nặng vì tuổi già chông chắt. Để đỡ bớt công việc cho Charlie về mùa đông, Bác-sĩ lại mua thêm một con ngựa khác.

Bác-sĩ Peter đã tận tụy hy sinh cho nhân dân miền Gia-nã-Đại suốt năm mươi lăm năm trời,

nhưng với Charlie thì chuỗi ngày tận tụy ấy lại ngắn hơn.

Suốt đời tôi, không thể nào tôi quên được cái chết của Charlie.

Độ ấy, trời đã vào tháng tám. Buổi sáng hôm đó trời oi bức khó chịu. Chiều lại có trận bão lớn rớt về. Charlie và bạn mới của nó đang ăn ngoài đồng cỏ phải bỏ dở, chạy nhanh về Cả hai phóng nước đại trên đường làng. Charlie dẫn đầu, bỏ bạn nó cách một khoảng xa. Lúc bảy giờ công trại đã đóng lại rồi. Charlie lấy hết sức phóng qua. Nhưng than ôi, Charlie đã quên mất rồi, nó bây giờ không thể nhảy rào như ngày xưa nữa. Hai chân trước nó vướng ngay vào công và cả thân mình nó nhào theo lăn ra mặt đất. Chúng tôi chờ nó đứng lên để nghe tiếng hí thân mật. Hình như nó cũng cố gượng đứng lên, nhưng nó cất đầu lên không nổi nữa.

Tôi chạy ngay đến phòng mạch của Bác-sĩ la to lên :

— Charlie bị thương nặng lắm, nó không đứng lên được.

Bác-sĩ Peter vội tức tốc chạy đi...

Charlie nằm rên rĩ, mồm sùi bọt trắng xóa. Bác-sĩ vồ về con.

vật ; ông xoa mình nó, chân nó, rồi như để an ủi nó, ông lấy tay thoa lên cổ nó, chiếc cổ cao mà ông rất hãnh diện. Bọn chúng tôi im lặng chờ...

Sau cùng Bác-sĩ buồn bã đứng lên, buông thông :

— Nó bề ốt rồi !

Một người trong bọn chúng tôi chạy đi tìm Jim Cooper, người thợ hớt tóc trong làng. Anh ta đến mang theo khẩu súng săn, nhưng anh ta không thể gết Charlie được. Bác-sĩ trở về phòng mạch, mang đến chai thuốc mê. Ông đổ thuốc ra rất nhiều trên miếng bông, rồi nghiêng mình xuống. Tôi nghe ông thì thầm :

— Thôi, vĩnh biệt Charlie !

Rồi Ông đặt miếng bông vào lỗ mũi của con vật khốn nạn. Ông đổ thêm thuốc mê vào miếng bông, cho đến lúc hơi thở dồn dập của Charlie, yếu dần, yếu dần...

Giữa lúc đó, nhiều người đã tụ đến xung quanh chúng tôi. Tôi thấy má tôi kéo vạt áo lên lau nước mắt và nhiều người khác nữa cũng làm giống theo má tôi.

Bác-sĩ Peter từ từ đứng lên, ném chai thuốc đi thật xa.

Chúng ta chôn luôn Charlie tại đây, chỗ nó đã té. Trông đáng điệu Bác-sĩ lúc ấy buồn bã vô cùng.

Chúng tôi đào một cái huyệt rộng và sâu. Bác-sĩ Peter vội vã bỏ đi về ra về hối hả như có một bệnh nhân đang chờ ông nơi phòng mạch. Riêng chúng tôi, chúng tôi biết Bác-sĩ không thể can đảm đứng nhìn từng xẻng đất tưới như mưa lên mình Charlie để vùi sâu nó vào lòng đất chết đời đời.

(Viết theo «Le Cheval du Docteur» của KEITH MUNRO)

Chim

* NGÀY THƠ

Con chạy vào nhà nói với mẹ :

— Mẹ ơi, có một bà lão cứ đứng chia cái nón ra trước cổng nhà ta kia mẹ.

— Ừ, bà lão ăn xin đấy, con có cho bà ấy tiền không ?

— Dạ không, con tưởng bà cho con cái nón, con không lấy.

BẠCH-YẾN

Bên lề lịch sử Việt Nam

★

Mượn

cái đầu

★ VƯƠNG-ĐỨC-HÀ



VUA TỰ-ĐỨC băng hà giữa lúc đất nước đang bị họa ngoại-xâm. Tình thế thật là rối beng.

Triều-đình hỗn-

loạn do sự phế-lập bất công của Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết. Vua Tự-Đức bị phế, Kiến-Phúc, Hiệp-Hòa chết một cách đau thương ? Triều thần chia làm 2 phe : một bên Tường, Thuyết nắm cả binh quyền đối nội và đối ngoại; một bên là phe đối-lập gồm các công-thần trung-trực. Họ phản uất vì chính-sách độc-tài của Tường, Thuyết. Trái lại, Tường, Thuyết cũng không ưa gì họ. Trong hai người chỉ có Tôn-thất-Thuyết là «gay» hơn cả.

Vì một sự bất đồng ý kiến, Thuyết lột chức đuổi ngay quan Ngự-sử Phan-đình-Phùng làm cho các trung-thần ở phe đối lập phải một phen lo sợ và im hơi lặng tiếng để Thuyết tự-do tung-hoành miễn sao đầu mình khỏi rơi thôi.

Trong các vị quan trung-trực ấy có Trần-tiền-Thành đã từng được Thuyết phong làm Tán-lý Quân-vụ hợp lực với Hoàng-kế-Viêm chống Pháp ở mạn Bắc. Đến sau, Thành thấy Thuyết ngày càng lộng-quyền nên ông mới xin từ-chức về quê an-phận. Nhưng vì câu «giao cho Trần-tiền-Thành phụng duyệt» của vua Hiệp-Hòa mà sau này ông bị hại.

Được tin Trần-Đạt, Hường-

Sâm bị giết, Trần-tiền-Thành nơm-nớp lo sợ. Ông liền sai Gia-tướng lên về triều dò la tin-tức.

Nhưng việc gì tới thì cứ tới !

Một ngày kia, gia-tướng báo tin cho ông về cái chết bi thảm của vua Hiệp-Hòa. Ông liền khóc rống lên như đứa trẻ. Ông buồn rầu bỏ đến cả ăn uống..

Chiều xuống. Trong căn phòng ấm cúng, Trần-tiền-Thành cùng hai người tiều thiếp nằm bên mâm đèn trên bộ ván gỗ. Chung quanh vắng lặng chỉ nghe vang lên những tiếng rít của độc tầu từng chập, đều đều ... Mỗi lần hút xong, ông nhìn lên trần nhà, không nói một lời, hình như suy nghĩ một điều gì quan trọng lắm.

Bỗng có tiếng gõ cửa rất mau bên ngoài. Ông vẫn nằm nghe, hình như có rất đông người :

— Có chiếu Thái hậu cho đòi Tướng công có việc tối cần !

Thành hiểu ra đó là tiếng quen thuộc của người bộ hạ cũ, Trương Văn Đê.

Biết cơ nguy đã tới, một nàng thiếp yêu, Lý Nhi, vội quàng độc tầu xuống, nói khẽ nhưng rần-rỏi :

— Tướng công lên mái nhà, tháo ra cửa sau. Cửa trước để thiếp đương cự.

Nói xong, nàng vùng dậy, vội lấy cặp kiếm treo trên tường, chạy sấn ra cửa thét lên :

— Các người muốn hỏi gì thì

cứ đề sáng mai. Đêm tối ai biết đâu mà mở cửa.

— Nếu không mở, chúng ta phá tung cửa bây giờ ?

— Thì cứ làm đi !

« Ầm » ! Cánh cửa tung ra. Một lưỡi đao bổ ngay vào vai nàng. Nhích lùi một bước, nàng cúi rưng rưng kiếm lên, chém trả kịch liệt. Sau một hồi hỗn chiến, thấy bề khó thắng. Văn Đê nói to :

— Ta vâng lệnh Thái hậu với Tướng công sao người dám cản trở, người muốn tướng công bị tru di tam tộc sao ?

Bên trong Thành nạt nàng bạo thối. Nàng tức giận nhìn chồng và đưa gương lên hòng tự-tử.

Đê cùng bộ-hạ đến sát bên Ván hách-dịch :

— Phụng mạng Nguyên - Soái (Thuyết) đến thưa cùng Tướng-công, nhờ ngài cho mượn ...

Thành vừa kéo xong điều thuốc, hắt hàm hỏi gấp :

— Mượn... cái gì ?

Không cần sợ-sệt với người chủ cũ, Đê-trợn mắt nói to hơn :

— Mượn cái đầu của Tướng công !

Như tiếng sét nổ bên tai, Thành biến sắc, thân mình run lên và mồ hôi lã cả áo. Ông lấm-lét nhìn lưỡi gươm đâm máu của Đê, nấc lên :

— Ta đường đường một vị đại-thần không tội gì mà quan tướng buộc giết ta ?

— Nào ai biết ? Ở trên sai, tôi cứ thi hành.

— Dĩ-nhiên là ta tuân lệnh quan Tướng, nhưng người cứ đề cho ta đến gặp Ngài rồi sẽ chịu chết.

— Không được !

— Các người định giải ta đi đâu ?

— Không đi đâu cả. Chỉ muốn Tướng - công cho mượn ở đây.

Thành nín lặng. Lấy lại bình tĩnh, nhìn người thiếp yêu, nhìn ngọn đèn, mồm thuốc rồi ông nói với Văn-Đê :

— Ta chịu chết. Song trước khi nhắm mắt, cho ta được thưởng-thức thêm vài điều thuốc nữa.

Văn-Đê quả-quyết :

★ KHÔNG SỢ KÈ CƯỚP.

Chuyến xe tốc-hành ban đêm đang lướt nhanh trên đường sắt. Thành lỉnh, ở một toa, cánh cửa bật mở và một người lết mặt nạ nhảy vào chia súng vào người hà nh khách độc nhất trong toa :

— Bóp đầu, mau đưa đây.

— Người hành khách nhìn tên cướp, và qua phút sợ hãi đột ngột, bỗng bật lên cười :

— Ông làm tôi sợ thất thần.

— Thế nào ?

— Tôi không có một đồng dính túi.

— Thế sao anh sợ ?

— Tôi tưởng ông là người xét vé xe, vì tôi không có giấy xe.

T.L.L.



độc hành



VỀ đây mình về đây
Cao Nguyên buồn sa mạc
Sương bạc chiều rơi đây
Cửa gương then cài kín
Khói thuốc quện thành mây
Tâm tư sâu mở ngõ
Mắt róm lệ đau cay
Đường đời muôn vạn nẻo
Phiêu bạc suốt tháng ngày

*Trần trai yêu hồ hải
Sự nghiệp trắng đời tay
Dang tay ôm vũ trụ
Đời núi sẽ đời thay
Độc hành trong vắng lạnh
Bao la cánh hạc bay !...*

THUẬN-NHU
(Đà Lạt)

HỒI KÝ MỘT ĐỜI NGƯỜI ★ THIẾU-SƠN

CHƯƠNG XI

THỰC VÀ MỘNG, ĐỜI VÀ THƠ

(Tiếp theo P. T. số 19)

TÔI sắp chấm dứt « Phần thứ nhất » của một đời người, phần sống yên-ôn trong tháp ngà ở bên vợ, bên con, trước những chồng sách của các văn-hữu gởi tặng và những tác-phẩm của mình cứ lâu lâu lại xuất bản được một cuốn.

Tôi đã giữ đúng lời hứa là nói về mình rất ít mà về người nhiều hơn. Nhưng tôi sẽ không thành-thật nếu gieo vào óc các bạn một ấn-trượng quá tốt-đẹp về một đời sống thơ mộng của một nhà văn.

Tôi đã xuất-bản được 4 cuốn sách trong đó có « Cuốn đời sống

tinh - thần » được giải - thưởng Alexandre de Rhodes.

Tôi đã nhận được thơ của ông Giám-Đốc Nha Học-chánh Hàn-Đội xin phép trích văn tôi vào sách giáo-khoa cho lớp trung-học.

Tiền nhuận-bút thêm vào với số lương công-chức và những món tiền bán đồ thuê, đồ may của vợ tôi cũng giúp cho gia-đình sống đủ trong những ngày chưa có con. Nhưng rồi gia-đình một ngày một phát-triển. Thêm con cái thì bớt năng-xuất. Vợ mắc đê, mắc nuôi con, Chừng cũng chạy bán lãng-xãng những khi vợ đau, con bệnh. Rồi tiền tiêu vô ít, tiền

xài ra nhiều. Rồi ký nợ chà, món này chưa hết đã chồng qua món khác. Rồi lâu lâu lại làm bộ quên không gởi tiền về cấp-dưỡng cha già. Và rồi tâm hồn cũng đâm ra giao-động.

Những thành-công trên văn-đàn không đủ làm thỏa-mãn lòng tôi và cảnh gia-đình lần lần cũng hết thơ mộng.

Tôi ân-hận rằng sao vợ tôi không sanh-trưởng ở một gia-đình giàu có cho tôi được « đào mỏ » như nhiều người. Con tôi, tôi chỉ thương chúng nó hồi mạnh giỏi xinh tươi mà thường lấy làm bực mình khi chúng nó ốm đau, gẻ chốc.

So - sánh với chúng bạn thấy có nhiều người làm ở những công-sở có quyền-thế, nhờ tiền « trà nước » mà xài-phí phủ-phê.

Tôi sanh ra bất-mãn, bất-mãn với đời, bất-mãn với mình, bất-mãn cả với cây viết của nhà văn.

Tôi cờ-bạc đề mong kiếm tiền một cách mau chóng. Tôi uống rượu đề mong giải-thoát cho linh-hồn. Đã có lần tôi cá-ngựa thua hết cả tháng lương. Và cũng có lần tôi say rượu mà chết mất nửa ngày.

Câu chuyện say rượu đáng kể lại vì nó là một bài học thấm thía cho tôi.

Nguyên có người bạn được huyện hàm. Anh làm tiệc tân-quan và tôi được mời tới dự. Quan-khách đông lắm. Có cả Tây mà là Tây hạng bự như chánh-án, biện-lý và luật-sư.

Gặp rượu ngon và đồ nhắm ngon, tôi uống nhiều và nhiều thứ nên mau say. Tới khi tôi uống thêm ly rượu chát là té liền và người ta phải khiêng tôi ra xe chở về nhà. Hồi đó lối 1 giờ trưa mà tới 7 giờ tối tôi mới tỉnh.

Theo lời vợ tôi thuật lại thì bác-sĩ được mời tới coi mạch đã nói rằng mạch tôi hết chạy và nếu bằng lòng thì ông chích cho một mũi thuốc, may ra thì sống lại, nhưng rủi chết thì ráng chịu. Vợ tôi phải chở tôi lên nhà thương Bà-Chiều. Ở đây Bác-sĩ Quá đã tận-tình săn-sóc và cứu tôi sống lại sau khi đã chết mất nửa ngày.

Chính Bác-sĩ đã dự tiệc chung với tôi, ngồi cùng bàn với tôi, khuyên tôi bớt uống và lấy một ly nước lã thay thế cho ly rượu ở trước mặt tôi. Lúc đó hình như tôi có cự lại ông : « Tôi tới đây đề uống rượu chứ không phải đề uống nước lạnh. » Ông không phiền tôi về chuyện đó, nhưng có phân-nân về thái-độ của tôi khi quá chén đối với những quan-

khách người Pháp. Họ thấy tôi có những cử-chỉ khác thường họ nói : « Các anh là người tôi cũng là người, các anh cười gì tôi ? »

Hồi đó tôi không hay, không biết gì ráo, nhưng nhờ anh em kể chuyện lại mà tôi thấy tôi đã lỗ-bịch, đã ngông-cuồng, đã hủy-hoại sức khỏe và làm thương-tồn đến phẩm-giá của mình.

Tôi mặc-cờ và buồn-rầu cả tuần-lẽ. Tôi suy-nghĩ và thấy rằng không phải tôi tham uống mà sự thật tôi muốn say để quên những buồn phiền ở trong đời thực tế. Nhưng, quái lạ thay ! Tôi càng say thì lòng bất-mãn của tôi lại phơi trần ra ở trước mắt mọi người. Lý - trí không còn kiểm-soát được tôi nữa, những u-ẩn ở tận đáy lòng được tự-do cỏi mở, cái tiềm-thức và vô-thức mặc sức tung-hoành. Tôi tự-do nói thẳng vào mặt những người mà tôi ghen-ghét vì họ giàu hơn tôi, họ sang hơn tôi, họ được số-kiếp và xã-hội chiếu-cổ nhiều hơn tôi.

Khi tôi bừng mắt ngó tới người vợ hiền đương ngồi bên tôi mà chăm chú tới từng hơi thở, từng cử-động của tôi, khi tôi bừng mắt ngó tới bầy con thơ đại ngơ-ngác chung quanh tôi thì tôi lấy làm ăn-năn hối-hận vô-cùng. Tôi suy - nghĩ thêm nữa mà tự hỏi trong xã - hội Việt - Nam có bao nhiêu người giàu có sang-trọng và có bao nhiêu người

cực-khò lắm than ? Nói đâu xa, ngay trong làng văn của mình, biết bao nhiêu văn-hữu moi gan, nặn óc ra viết hết sách này qua sách khác mà vẫn thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nợ triền-miền. Tại sao mình cứ so-sánh với một thiếu số được biệt-đãi mà không so-sánh với đa-số bị thiệt-thòi trong một xã-hội của phong-kiến để lại và được tổ-chức theo quan-điểm của thực-dân ?

Nếu vợ tôi giàu mà tôi được « đào-mỏ » thì chắc gì tôi không đua đòi theo thời-thượng, sa-ngã vào ao tù trường-giá và rất có thể ly-dị với vợ chương ?

Bây giờ, qua những ngày sóng gió do những biến-cổ xảy tới cho đất nước và bản thân, ở bên người vợ già trước tuổi và một bầy con đã trưởng-thành trong hiểu - nghĩa, tôi hồi - tưởng đến những giờ phút ngông cuồng và phóng khí, nghĩ tới lòng vị kỷ hẹp hòi với những tâm trạng khả ố và khả bỉ, tôi càng ân hận rằng đã không xứng đáng với những hy sinh của vợ, con và lòng thương yêu của bằng hữu.

Tôi không làm thơ nhưng tôi đã có những tư thơ siêu thoát ra khỏi đời và có những giấc mộng không bắt nguồn ở thực tế. Ở những đoạn đời sau tôi sẽ bắt buộc phải sống thực tế hơn, gần đời hơn, ít thơ, ít mộng nhưng nếu có thơ mộng thì cũng thơ mộng trong khuôn khổ của đời người với những tình cảm sạch sẽ hơn và rộng rãi hơn.

(Còn nữa)

Những sai lầm trong quyển

«Thi-nhân Việt-Nam hiện đại»

1. — Thi-sĩ PHAN-VĂN-DẬT còn sống chứ chưa chết.
2. — Nữ-sĩ THU-HỒNG đã chết 10 năm nay rồi.

★ NGUYỄN-HỮU-THỨ

Chúng tôi có nhận được nhiều bài phê bình quyển «Thi nhân Việt - Nam hiện đại» do nhà Khai-Trí xuất bản vừa rồi. Trong đó, có một bài của nhà Học giả NGUYỄN - HỮU - THỨ, hiện làm Dự - thẩm tòa Sơ thẩm Huế, một bài của ông NGUYỄN KHẮC-THIỆU, Giáo sư trường Trung-học Bồ Đề Huế, và một bài của bạn Hoàng-Đỗ B.T. sinh viên Đại học Khoa học Saigon. Chúng tôi xin lần lượt đăng ba bài ấy theo lời yêu cầu của các tác giả.

PHỔ-THÔNG



Trong quyển Phổ-Thông số 17, tôi có viết một bài đề đình-chính một vài điểm sai lầm trong một tài-liệu về Lưu trọng Lưu; làm như thế chỉ vì muốn tôn-trọng sự thật. Lần này, tôi vừa mới mua quyển «Thi-nhân Việt-Nam hiện đại» của ông PHẠM THANH (nhà sách Khai-Trí, Saigon, xuất-bản); quyển này thấy quảng-cáo bán ở Saigon từ mấy tuần nay; tại Huế, nó chỉ được bán vào hạ tuần tháng 8 dương lịch. Tôi rất tiếc mà nhận thấy — sau khi đọc qua ít đoạn thôi, rằng quyển sách khá dài — gần 800 trang — và có lẽ đã được soạn-thảo lâu ngày, lại có nhiều chỗ sai-lầm đáng-tiếc. Nghĩ rằng quyển ấy có lẽ sẽ có những người khác đọc, tôi thấy cần đình-chính

một, vài sự sai-lầm mà tôi biết được.

Trong trang 161, ông Phạm-Thanh có nói rằng Phan-văn-Dật quán Làng Đạo-dàn, Phủ Triệu-Phong, Tỉnh Quảng-Trị; ông xuất thân làm thư-ký Sở Trước-bạ tại Huế và MẤT TẠI ĐÓ.

Tôi xin đình-chính một điểm nhỏ đầu tiên : Không phải Làng ĐẠO-ĐÀN mà là Làng ĐẠO-ĐẦU, cách tỉnh - lý Quảng - trị không bao xa, trên con đường Quảng-trị đi chợ Sài rồi đi thẳng nữa.

Điểm thứ hai cần đình-chính là Thi - sĩ PHAN - VĂN - DẬT ĐANG CÒN SỐNG, HIỆN ĐANG LÀ GIÁO - SƯ TRƯỞNG ĐỒNG-KHÁNH Ở HUẾ VÀ VẪN CÒN RẤT MẠNH, chứ chưa chết !

Ở trang 417, Ông Phạm-Thanh viết rằng NỮ-SĨ THU-HỒNG HIỆN NAY SỐNG Ở HUẾ VÀ VÌ BẬN CÔNG VIỆC LÀM ĂN NÊN ÍT SÁNG-TÁC THI-PHẨM.

Tôi không rõ Ông Phạm-Thanh có biết rõ Nữ-sĩ Thu-Hồng hiện đang sống ở Huế không, hay đó chỉ là một sự phỏng-đoán của tác-

giả mà thôi ? Dẫu sao, đây là một sự sai-lầm ngược chiều với sự sai lầm của Phạm-Thanh về Thi-sĩ Phan-văn-Dật : Thi-sĩ này đang còn sống mà ông đã vội cho là quá cố ; NỮ-SĨ ĐÁ QUÁ ĐỜI TRÊN MƯỜI NĂM NAY MÀ ÔNG LẠI CHO LÀ CÒN SỐNG !

★ VÀI NHẬN XÉT VỀ
QUYỂN «THI-NHÂN
VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI»
của PHẠM-THANH

Văn - chương bao giờ cũng đóng một vai trò quan-trọng trong văn-hóa các nước cả ; vì thế, nó chiếm một phần không phải là ít trong các chương-trình giáo-dục. Học-sinh thế-hệ này không những phải học những văn-thi-sĩ của những thế-hệ trước mà còn có lúc học văn-chương hiện-đại nữa. Về các thi-nhân Việt-nam hiện-đại, ngoài các sách giáo-khoa, phần đông do các vị phụ-trách về quốc-văn soạn thảo, có vài quyển đáng đề ý, trong đó có quyển *Thi nhân Việt nam* của Hoài-Thanh, Hoài-Chân, ... Hoài-Thanh hiện nay ở ngoài vĩ tuyến 17 nên việc tái-bản tác-phẩm của ông không thành vấn-đề. Đó cũng là một lý-do để làm cho quyển « *Thi-nhân Việt-nam hiện-đại* » của ông Phạm-Thanh

trở nên quan-trọng hơn ; và cũng vì thế, tôi mong rằng quyền này có chân giá trị để giữ đúng địa-vị của nó. Song, tôi rất tiếc mà nhận thấy rằng quyền này có khá nhiều khuyết-điểm.

* PHẢI CHĂNG ÔNG PHẠM-THANH KHÔNG THẬN TRỌNG LẮM TRONG VIỆC DÙNG TÀI-LIỆU ?

Tôi chưa có điều-kiện thuận-tiện để đọc tất cả quyền sách của ông Phạm - Thanh ; thế nhưng, đọc qua một, vài thi-nhân mà tôi được biết ở Huế, tôi nhận thấy có nhiều chỗ sai-lầm đáng tiếc.

Ngoài hai điểm sai-lầm lớn lao vừa kể trên : *nói về thi-sĩ Phan-văn-Dật* đang còn sống mạnh khỏe tại Huế chứ không phải đã qua đời như ông Phạm-Thanh đã nói ; và *Nữ-Sĩ Tôn-nữ Thu-Hồng* đã trở thành người thiên-cổ trên mười năm nay chứ không phải đang sống tại Huế như ông Phạm-Thanh đã viết trong tác-phẩm của ông.

Một, vài chi-tiết ấy chưa phải là quan-trọng ; tuy nhiên đó là những bằng-chứng tỏ rằng ông

Phạm-Thanh đã không cẩn-thận trong việc sưu-tầm tài-liệu. Nếu những chi-tiết ấy thuộc về đời tư hoàn-toàn, không được nhiều người biết đó là một vấn đề khác. Đàng này lại khác. Về Thu-Hồng, về Phan văn-Dật... có những tài-liệu thành văn rõ-ràng. Chẳng hạn, về Thu-Hồng, tôi sẽ có dịp trình-bày trong P. T. số sau rằng cái chết thê-thảm của nàng đã được bạn LÊ MỘNG HOÀNG kể lại trong quyền « *Quyết thắng* » số 5, phát hành trong tháng ba năm 1956. Tôi nghĩ rằng ông Phạm Thanh đã có ý định soạn thảo quyền sách của ông không thể bỏ qua một tài-liệu có phần quý ấy.

Còn ông Phan văn Dật, ông đã viết cho nhiều báo ở Huế, ở Saigon, về báo-chí Saigon mà ông Dật đã cộng-tác, có *Thời thế*, *Nghệ-thuật* và *Dân-sinh*, *Sáng tạo*... Tôi xin nhấn mạnh về bài của ông Dật đăng trong Tạp-chí *Sáng Tạo* số 23 phát hành trong tháng tám năm 1958, nghĩa là cách đây hơn một năm. Trong số ấy, ông Phan văn Dật đã viết bài nhan đề « *Bài thơ khóc thi Bằng không phải của Vua Nguyễn Dực-Tông* ». Thi-nhân, những ai mến thơ, giáo-sư quốc-

văn, học-sinh đi thi trung-học nào mà chẳng biết đến những câu thơ đầy tình-cảm lãng-mạn :

*Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng,
Xếp làn-y lại để dành hơi.*

Bài thơ trữ danh ấy (Khóc thi Bằng), phần nhiều cho là của Vua Dực-Tông nhà Nguyễn (Tự-Đức), có một số thì không đồng ý, cho rằng nó là của người khác. Ông Phan văn Dật là người Huế, không xa lạ gì những chuyện bí-mật trong hoàng-cung trước đây; vì thế, ý kiến của ông có nhiều căn-bản vững-chắc. Dẫu sao, bài thơ đã nổi tiếng, ý-kiến của ông Dật về tác-gia của nó cũng đáng được đề ý lắm về bài của ông trong *Sáng tạo* vì thế cũng đáng cho những ai yêu thơ, nghiên-cứu về thơ, dạy thơ, biết đến. Ông Phạm Thanh cách đây một năm chắc đã nghĩ đến việc soạn-thảo quyền sách của ông, nếu chưa làm xong ít nhiều hay tất cả rồi. Ông ở Saigon, tờ *Sáng tạo* cũng có giá-trị và được độc-giả mến. Như thế, thật tình tôi không hiểu vì sao ông Phạm Thanh lại không đọc bài ấy để biết rằng ÔNG PHAN VĂN DẬT ĐANG CÒN SỐNG ở đâu đấy trên lãnh thổ Việt-nam tự-do? Làm sao biết

ở đâu? Chỉ cần biên thư đến tòa soạn *Sáng tạo* hay ra Ty Trước-bạ Huế ; thế nào nhân-viên ty ấy cũng biết bạn đồng-nghiệp của họ : ông Phan văn Dật !

Một, vài sự sai lầm mà tôi vừa trình-bày về Thu-Hồng, Phan văn Dật, làm cho độc-giả có thể nghĩ rằng trong tác-phẩm dày gần 800 trang của ông Phạm Thanh chắc còn nhiều chỗ sai lầm nữa.

* PHẢI CHĂNG ÔNG PHẠM-THANH ÍT CỐ GẮNG TRONG TÁC-PHẨM CỦA ÔNG ?

Quyền sách dày gần 800 trang ; đọc xong những trang dành cho một thi-nhân nào, tôi cũng có cảm-tưởng rằng ông Phạm Thanh ít cố gắng trong việc soạn thảo một quyền sách có rề gọi là quan trọng về văn chương.

1) Ông Phạm - Thanh không tìm một tiêu chuẩn để trình bày các thi nhân theo một thứ tự nào.

Cũng có thể dùng nhiều tiêu-chuẩn khác nhau để sắp các thi-nhân. Chẳng hạn, sắp :

—Hoặc theo thứ tự A, B, C...
Như thế, Quách Tấn sẽ được nói sau Vũ đình Liên...

— Hoặc theo xu hướng văn học; chẳng hạn nhóm thiên về lãng mạn, thiên về tượng trưng... Đó là vài thí dụ tôi đưa ra, các xu hướng trong văn chương ta không được rõ ràng như ở nhiều nước; tuy thế, cũng có thể tìm ra những xu hướng khác nhau.

— Hoặc theo thể hệ: những người đã quá cố, những người còn sống...; thi nhân tiền chiến, thi nhân thời hậu chiến.

2) Ông Phạm Thanh không trình bày — đầu trong tổng quát — các tư tưởng chính của các thi nhân, Ông có viết trong lời nói đầu: «... Còn về công việc phê bình hay dở thế nào của từng thi nhân và từng thi phẩm một, chúng tôi xin đề quý bạn đọc nhận xét và xin nhường quyền ấy đề các bậc đàn anh trong văn giới thi giới cũng như những cây bút chuyên về nhận xét và phê bình...»

Rõ ràng là một sự *thiếu cố gắng* của ông Phạm Thanh, một sự thiếu sót mà tôi nghĩ cần nói ra vì địa vị đặc biệt của quyền sách của ông. Những ý kiến của ông trọng việc tóm tắt các tư tưởng chính của từng thi nhân chưa chắc đã được mọi người đồng ý; thế nhưng tôi nghĩ rằng ông có nhiệm

vụ phải làm công việc đó, nếu ông có khả năng để làm, để hướng dẫn bạn đọc; độc giả không phải ai cũng biết quốc văn mà vẫn có thể thích đọc quyền sách của ông nếu thấy sự đọc hấp dẫn và hữu ích.

3) Ông Phạm Thanh bỏ sót nhiều thi nhân được đồng bào biết. Trong lời nói đầu, ông đã đón trước rào sau về chỗ ấy. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng khi đã viết một quyền sách dày như thế, ông không có quyền bỏ qua nhiều người mà tác phẩm hiện đang còn bán ở các hiệu sách trong nước, mà trước đây nhiều đài phát thanh (như tại Đài Pháp Á, ông Hoàng cao Tăng đã giới thiệu nhiều thi nhân trong các buổi tao đàn), Tôi muốn nói đến TCHYA (Đái đức Tuấn), HỒ ĐÌNH PHƯƠNG (hiện đang sống ở Saigon), THANH THANH (hiện đang sống ở Huế).

Thật tình quyền « Thi nhân Việt-Nam hiện đại » có nhiều khuyết điểm. Có nhiều chỗ có thể bỏ qua; trái lại, có nhiều điểm cần phải bổ túc, đính chính ngay, để giá trị của tác phẩm khỏi bị độc giả hoài nghi, để những ai đọc khỏi bị sai lầm mà còn thấy bổ ích. Tôi viết bài này chỉ mong có những sự đính chính và bổ túc cần thiết ấy.

CUỐN «THI NHÂN V. N. HIỆN ĐẠI» :

một món hàng bị bỏ trong giới Văn-ngệ



ÀY là một việc buôn bán, phi nhỏ trắng trợn vào làng thơ Việt Nam. Tôi muốn nói đến cuốn « THI NHÂN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI » của Phạm Thanh, mà *Khai Trí* mới xuất bản gần đây: cuốn đó là bằng chứng một sự khinh mạn trắng trợn đối với Văn nghệ Nước-nhà. Nói đến Thi nhân Việt Nam chắc ai cũng nghĩ đến cuốn « *Thi nhân V. N.* » trước đây của HOÀI THANH và HOÀI CHÂN. Đặt một bên đường lối

Thanh cũng lắm. Và chính trước kia, trên báo chí, HOÀI THANH cũng đã có lần nhận lỗi, có lỗi rất lớn: đó là cái lỗi đem những thi sĩ vô danh tiêu tốt vào sách của mình và đều cho họ mang danh là « Thi nhân Việt Nam ». Hoài Thanh đã bỏ sót một phần lớn thi sĩ tên tuổi khác. Điều này ông Bửu-Kế cũng đã có lần chỉ trích trên báo chí thuở trước.

Từ đó, từ khi *T.N.V.N.* của Hoài Thanh xuất bản đến nay cũng gần 20 năm. Hai mươi năm trôi qua

chính trị của Hoài Thanh, ta phải thừa nhận rằng Hoài Thanh có một kiến thức đáng phục về thi ca. Thế mà công việc soạn cuốn *T.N.V.N.*, Hoài Thanh cũng đã chịu đựng không biết bao nhiêu là thử thách, bao nhiêu búa rìu của dư luận. Người ta đã mạt sát Hoài Thanh rất nhiều, mà người ta tán tụng Hoài

trong những biến cố trầm trọng vĩ đại của con người và của dân tộc. Cuốn *T.N.V.N.* của Hoài Thanh đã chìm vào bóng tối. Lịch sử đã mặc nhiên bỏ rơi những công trình cá nhân và thiếu-sót, sai lầm ấy vào lãng quên: Một thời đại thi ca đã qua. Một lớp thi nhân đã tự coi mình bị chết bẹp dưới bánh xe tiến hóa của dân tộc.

Tuy vậy, ngày nay vì tâm lý xã hội, một hạng độc giả quay lại mê chuộng lớp thi ca hồi tiền chiến. Do đó người ta nâng niu và tìm lại cuốn *Thi Nhân V.N* của Hoài Thanh. Và đề chui theo thị hiếu độc giả, ông Phạm Thanh nào đó đã nối gót giày của Hoài Thanh để soạn một cuốn « Thi Nhân Việt Nam ». Người ta thường nói, những bước chân đi theo là những bước chân vững chắc. Có lẽ Phạm Thanh đã quá biết rõ điều ấy rồi. Đi sau Hoài Thanh đến 20 năm, lẽ nào Phạm Thanh không học hỏi được gì ư ? Lịch sử 10 năm kháng chiến không lẽ không đem lại cho Phạm Thanh một chút kinh nghiệm nào ư ? Thế mà đi sau người ta những 20 năm. Phạm Thanh đã bước những bước chân vấp vấp, hư hỏng hơn Hoài Thanh nhiều. Quá nhiều.

Cái khuyết điểm thứ nhất của Phạm Thanh là cố bắt bước cho y-hệt Hoài-Thanh. Bắt chước từ cách đặt Tản-Đà lên trang đầu, bắt chước cả đến những kiểu chữ của cuốn T.N.V.N Hoài-Thanh !

Phạm-Thanh còn tệ hơn nữa, in lại đúng những chiếc ảnh mà Hoài-Thanh đã dùng rồi. Có thể gọi đó là một hành-vi « đạo-văn » chẳng ?

Phạm-Thanh còn cái cầu-thả nữa. PHAN-VĂN-DẬT còn sống sờ-sờ ra đó, hiện đang dạy học ở trường Đồng-Khánh, mà trong phần tiểu sử của Phan, Phạm-Thanh viết : « ông (Dật) làm sớ Trước bạ ở Huế và cũng mất tại đó ». Hỡi ông Phan-văn-Dật, người ta rửa ông đấy, ông biết không ? Còn cô Thu-Hồng ĐÁ CHẾT TỪ LÂU, mà Phạm Thanh bảo là CÔ CÒN SỐNG và bận làm ăn nên ít làm thơ ! Còn sai sót về năm tháng xuất bản, ngày sinh đẻ, thì nhiều quá. Người đứng ra làm công việc hợp tuyển thi văn của thi nhân Việt-nam mà cầu thả như thế, tưởng có đáng tin không ?

Đã cầu thả mà còn hư hỏng.

Thu-Hồng mà bảo là thi-nhân thì sao tiện ?

Trước kia HOÀI-THANH đặt THU-HỒNG vào sách của mình, dư luận đã không tiếc lời trách mắng. Thu-Hồng chưa có một sáng tác-phẩm nào gọi là thơ, và cũng chưa có tác phẩm nào còn sót lại trong ký ức chúng ta.

Nam-Trân, Thúc Tề, Lan Sơn v.v.. bây giờ không còn ai nhớ họ là thi sĩ nữa, Con người của họ cũng như tác phẩm đều lui vào bóng tối, nhường chỗ cho những

con người khác rực rỡ hơn, xứng đáng hơn. Thời gian và lịch sử đã đào thải những con người bất tài, từ lâu rồi.

Trong lúc đó, thì Phạm Thanh vô tình hay cố ý bỏ sót một số lớn thi sĩ sống sờ sờ ra đó mà tác phẩm của những người này không những đã gây một ảnh hưởng sâu xa trong đa số độc giả mà còn làm rạng rỡ không ít cho thi văn miền Nam nữa. Những người bị bỏ quên này lại là những người xứng đáng được mang danh từ thi nhân Việt-Nam. Tôi muốn nói đến những thi sĩ có một lối thơ độc đáo, phong phú, già dặn nghệ thuật hoặc đã có một số lớn tác phẩm gây nhiều ảnh hưởng trong làng văn. Đó là TCHYA, NGUYỄN SA, THANH TÂM TUYỀN, TẠ KỶ, HỒ ĐÌNH PHƯƠNG v.v..

Còn việc bỏ sót một số thi nhân ở ngoài Bắc là một chuyện khác, tưởng Phạm Thanh nên đề đặt hơn.

Nhắc đến HỒ ĐÌNH PHƯƠNG tôi lại nhớ đến dự định của anh mà trước đây ai cũng cho là ngông cuồng, rồ dại : khi ở Huế, Hồ đình Phương đã dám soạn một cuốn « thi nhân V.N. » giống như Hoài Thanh,

nhưng sau anh thấy bất kham và thấy chưa đến lúc làm công việc đó nên đến nay đã tám năm mà « thi nhân Việt Nam » của Hồ đình Phương vẫn chưa ra đời được. Hồ đình Phương chưa so sánh được với Hoài Thanh nhưng anh cũng đã có địa vị trên thi đàn mà anh chưa dám thực hiện « hoài bão » của mình. Ngày nay Phạm Thanh đã làm công việc đó với tất cả hư hỏng...

HOÀI THANH còn dám phê bình, còn có khả năng chọn những bài hay, loại bài dở. Còn Phạm Thanh đã không có khả năng chọn lựa, mà cũng không đủ khả năng thưởng thức một bài thơ theo sở thích của mình nữa (chứng cứ là 8 câu thơ ở trang đầu của Phạm Thanh rất non). Về NGUYỄN-VỸ mà chỉ chọn có một bài « *Sương rơi* » thì thật không biết gì về thơ cả ! Về PHAN-VĂN-DẬT, THU-HỒNG, THỨC-TỀ, NAM-TRÂN v.v.. Phạm Thanh cũng chỉ chọn đăng những bài mà Hoài Thanh đã chọn trước đây 20 năm ! Gần hai mươi năm qua, thi văn VN đã bước những bước vĩ đại : những thi sĩ hồi tiền chiến hoặc đã bị mai một trong sự đào thải tự nhiên của thời gian ; hoặc đã ý thức được

sứ mệnh của mình, đã tiến triển mạnh mẽ hơn phong phú hơn. Phạm Thanh buộc phải hiểu rõ những điều ấy (mới dám soạn ra « Thi nhân VN hiện đại » thế mà suốt cuốn T.N.V.N của Phạm Thanh khi nói về những thi-sĩ lớp trước, ta chỉ thấy toàn những bài thơ cũ, mà trước đây 20 năm Hoài Thanh đã trích rồi !

Bên cạnh những nhà thơ (có mặt trong T.N.V.N của Phạm Thanh) đáng tiêu biểu cho làng thơ VN hiện đại, như VŨ HOÀNG CHUÔNG, ĐÌNH HÙNG, BÀNG-BÁ-LÂN, NGUYỄN-VỸ, KIÊN-GIANG v.v...ta thấy Phạm Thanh nhét vào đó một số « Thi nhân » thật chưa đáng là « mầm xanh văn nghệ » nữa ! Nếu người ngoại quốc cần tìm hiểu về thơ của VN qua cuốn « T.N.V.N hiện đại » của Phạm Thanh, thì thật là cả một sự sỉ nhục lớn, chung cho thi-văn VN hiện đại, và cả một sự mỉa mai chua chát riêng cho những thi nhân có mặt trong sách của Phạm Thanh.

Phạm - Thanh đi sau người ta đến 20 năm và đang sống giữa sự chuyển hướng rầm-rộ của thi văn, mà làm việc hư-hỏng như vậy, tưởng không nên làm thì hơn. Có lẽ Phạm - Thanh cũng biết thế, nên trong bài tựa đã nhận trước cái lỗi thiếu sót ấy. Và Phạm - Thanh còn in rõ tám câu thơ ở trang đầu rất là « thơ thần ». Hay là Phạm - Thanh chỉ cần chiều theo

thị hiếu của độc giả để làm tiền, để mua danh ?

Phạm - Thanh chỉ chớp nháy cuốn sách của Hoài - Thanh một ít thơ của lớp người cũ, một ít ảnh cũ. Ngoài ra ông Phạm - Thanh chỉ còn việc đăng thơ và đăng ảnh của một số thi nhân mới, trong đó có cả thơ của ông ấy nữa !

Thật là một việc làm quá cầu thả, quá liều lĩnh. Khả năng của Phạm Thanh chỉ cho phép Phạm Thanh bắt chước Hoài Thanh mà thôi. Tôi còn ngờ rằng cái tên Thanh của Phạm Thanh cũng bắt chước tên Thanh của Hoài Thanh nữa. *Bắt chước như vậy có phải để đánh tráo đám độc giả để tính chăng ?* Điều đó có lẽ chỉ có Phạm Thanh và nhà xuất bản Khai Trí biết mà thôi !

Tôi không phải là nhà văn mà cũng không phải là thi sĩ, nhưng khi bấm bụng bỏ ra 150 \$ mua cuốn « Thi nhân Việt Nam hiện đại » của Phạm Thanh về đọc nhiều bạn của tôi và tôi đã có ý nghĩ trên. Có lẽ Phạm Thanh còn muốn lãng nhục cả làng thơ Việt - Nam chăng ! Tại sao ông Phạm - Thanh nào đó có đủ can đảm để liều lĩnh để cầu thả đến thế ? Tại sao nhà sách Khai Trí dám xuất bản một « quyển sách » láo lếu như thế ? Một quyển sách ? Xin lỗi, ông Phạm Thanh và nhà Khai Trí đã đánh lừa những độc giả đã bỏ ra 150 \$ để mua về một cái... quái thai của văn học sử hiện đại !

NORTON!

HOÀNG ĐẾ NƯỚC MỸ

(Tiếp theo P. T. số 19)

XIN thưa với các bạn rằng tất cả những điện tín đó không phải là do chính các vị đế vương gửi thật đâu, mà chỉ là công trình hài hước của mấy anh chàng bông lơn ở Nga, ở Anh, ở Pháp, gửi đến Hoàng đế Norton để làm trò cười !

Lúc đầu báo Bulletin đăng những điện tín ấy trao đổi giữa Hoàng Đế Norton 1er và Nga hoàng Alexandre II và Nữ hoàng Victoria, làm dư luận các nước và các triều Âu Châu rất đỗi ngạc nhiên, nhưng về sau các sở Công an quốc gia của các nước

ấy mở cuộc điều tra bí mật, mới biết rằng điện tín ấy có thật, nhưng không phải là do các vị Quốc vương kia gửi cho Norton 1er, mà do một vài ông nhà báo ở Anh, Pháp, và Nga chơi nghịch gửi đến « Hoàng đế xứ Huê kỳ ». Dù sao độc giả báo Bulletin, dân chúng thành phố San Francisco, dân chúng Mỹ và cả các cường quốc lớn ở Âu châu đều tiếp đón vui cười chuyện khôi hài vĩ đại và lý thú nhất của Mỹ trong thời buổi ấy.

Tuy nhiên, Norton 1er cũng đã được ngồi nói chuyện công khai và ngang hàng với một Quốc

TÂN PHONG

vương chính hiệu. Đó là trong dịp trường đại học Barkley, gần thành phố San Francisco, đón tiếp Hoàng đế Don Pedro của xứ Brésil, một buổi sáng tháng bảy năm 1875. Hoàng-đế xứ Brésil sang thăm Hoa-Kỳ, và các thành phố lớn của Mỹ. Trong chương trình ngự du San Francisco có ghi cuộc thăm viếng trường Đại-học danh tiếng của Mỹ, ở đây có sinh viên ngoại - quốc rất đông. Ngày thường «Hoàng-đế Norton 1er» vẫn là khách quen của học đường, vì ngài hay đến thăm viếng trường ấy luôn và sinh viên nhà trường cũng luôn luôn sẵn sàng tiếp rước «Bệ-Hạ» một cách vui vẻ lịch sự. Lần này nhân tiện có Hoàng - đế chính thức của xứ Brésil ngự du đến trường, các sinh viên đồng thanh cử một phái đoàn gồm 4 đại-biêu, 2 cô và hai cậu, đến mời Norton 1er Hoàng-đế xứ Huê-Kỳ, quá bộ đến dự buổi lễ long trọng. Norton nhận lời và hôm ấy ngài bận lễ phục đại trào, đi cuộc bộ từ nhà khệ nệ đến trường Đại học. Lúc bấy giờ chưa có xe taxi, còn xe ngựa thì tăng giá gấp đôi trong dịp ngày hội. Hoàng-đế Norton 1er không ưa xài phí tiền vô ích nên ngài sẵn lòng đi bộ từ nhà đến trường, tay cầm cây dù ba màu mà dân chúng đều biết cả.

Vì các hàng ghế danh dự dành riêng cho Tổng - Thống Hoa - Kỳ, Hoàng - đế Brésil và các quan khách, đều đã có dán

giấy lên trên lưng ghế cả rồi nên sinh viên trường Đại học kinh cần mời Hoàng đế ngồi chung với họ, trong hàng ghế giành riêng cho sinh viên ở dãy chót. Norton rất vui lòng tỏ cảm-tình thân mật của Hoàng đế đối với đám thanh niên tri thức.

Cảnh sát mặc lễ phục, coi về trật tự, cũng mỉm cười nghiêng đầu chào Bệ Hạ.

Trong khi sinh viên biểu diễn ca kịch để mừng vua xứ Brésil thì nhà vua trông thấy ở dưới cùng, một người y phục kỳ dị, ngài hỏi ông Tổng thống Huê kỳ; Ông Tổng thống ngạc nhiên, hỏi ông Tổng trưởng Bộ giáo dục, ông này cũng ngờ ngác, hỏi ông Hiệu trưởng trường Đại học, Ông này mỉm cười đáp :

— Thưa ngài, đó là Norton 1 er «Hoàng đế xứ Huê Kỳ», rất có danh tiếng ở xứ ta.

Quốc Vương Don Pedro phì cười. Nhưng ngài nói thầm với Tổng thống Huê kỳ :

— Nếu ngài bằng lòng, chúng ta cho mời Hoàng đế lên trên này, nói chuyện chơi ?

Tổng thống Mỹ tùm tùm cười gật đầu và truyền lệnh cho vị quan hầu cận xướng mời Hoàng đế.

Norton 1er đáp vị quan hầu :
— Được, Trẫm sẵn lòng tiếp chuyện với vua xứ Brésil.

Rồi «ngài» bệ vệ đi lên ngồi trên dãy ghế danh dự, cạnh vua Don Pedro. Toàn thể sinh viên Nam nữ thấy quốc Vương

Brésil và «Hoàng-đế Huê-Kỳ» chuyên trò thân mật, họ đều vỗ tay hoan hô.

Tổng - Thống Huê - Kỳ mời Hoàng-đế Norton 1er một điều «thuốc và hỏi : « Bệ-hạ được quý thể bình an chứ ? »

Norton nhả nhặn và ngoại giao đáp :

— Cảm ơn ngài Tổng-Thống. Trẫm vẫn khoẻ mạnh.

Toàn thể sinh viên lại vỗ tay cười dậy cả phòng.

Thật là một cuộc vui hiếm có trong lịch sử tiếp tân của các triều đại.

Một chàng họa-sĩ nghèo và một anh thợ in muốn ủng hộ Norton, đã phát hành một số «tín phiếu» theo kiểu giấy bạc hiện giờ, có hình ảnh của Hoàng-đế Norton 1er và trị giá 0\$25 và 0\$50. Sắc lệnh của «Hoàng-đế» đăng trong báo «Bulletin» có nói cho dân chúng rõ rằng đến năm 1880 thì «chính phủ của Hoàng - đế Norton 1er» sẽ trả lại tín phiếu bằng đồng dollars thật. Một số đông các nhà buôn ở San Francisco và ở nhiều thành phố Mỹ cũng vui lòng nhận những «giấy bạc» của

Hoàng-đế Norton 1er, nhưng không phải để buôn bán mà để làm kỷ-niệm. Đến năm 1880. «Hoàng-đế» lại ký «sắc lệnh» đặc biệt hạ giá trị của tín phiếu trong một thời gian vô hạn định !

Còn nói về các ông chủ thợ may thì thật là một cuộc cạnh tranh châu rìa rất sôi nổi. Thợ may nào cũng cố gắng xin may cho Hoàng - đế một bộ áo quần thật khéo, thật vừa vặn, sít sao, mục đích là để làm quảng cáo cho hiệu may của mình. Thí dụ như anh John Haws thợ may rất ít khách hàng ở một con đường hẻo lánh ở ngoại ô San Francisco. Một hôm anh có ý nghĩ đến đo kích thước của Norton một bộ y phục bằng nỉ. Xong, anh đăng trên báo Bulletin một quảng cáo như sau đây :

Thợ may danh tiếng nhất ở San Francisco : John Haws. Người đã được ngài Norton 1er Hoàng đế Huê kỳ chiếu cố đến, và may một bộ y phục mà Bệ Hạ rất khen.

Tức thì anh được thân chủ đến may áo quần tại tiệm anh rất đông, và nhờ vậy mà anh phát tài.

(Còn nữa)..



* DANH NGÔN

Nếu anh cho rằng vợ anh không đẹp, thì anh nên tự trách lỗi nơi anh : vì một người vợ được chồng yêu, không bao giờ là không đẹp..

(YOUR LIFE)

★ MINH-KHA



Sách « KHAI NGUYÊN DI SỰ » chép rằng : Đêm hôm Tam nhân tiết Trung thu,

Đường minh Hoàng truyền dọn tiệc trong cung cấm, để thưởng trăng. Trời trong, trăng tỏ, cảnh vật nên thơ, Đường-Đế xúc cảnh sanh tình, bèn ước ao một lần lên chơi cung trăng cho biết mặt chị Hằng mới thỏa lòng hoài vọng.

Trong cung có người thuật sĩ tên là La công Viễn, có phép thần thông biến hóa, tình nguyện đưa nhà vua lên chơi cung trăng. Thuật sĩ họ La dùng một chiếc gậy phép, vút lên trên không, hóa thành một chiếc cầu vòng to lớn. Cả hai vua tôi đồng đứng lên trên ấy. Giây phút cầu vòng chuyển động rồi bay vút lên không trung, trong khoảnh khắc đã đưa vua và thuật sĩ lên tới cung trăng. Thoạt tiên vua có một cảm giác như gặp giá băng, hơi lạnh đến rợn người, vì đó là cung QUẢNG

1. — ĐƯỜNG-MINH-HOÀNG DU NGUYỆT ĐIỆN

HÀN, nơi cư ngụ của ả Hằng-Nga, quanh năm tuyết phủ, đầy giá rét. La công Viễn đưa Minh-Hoàng đi xem khắp nơi, cung-điện xây cất liền nhau, cực-kỳ xa-hoa lộng lẫy, làm toàn bằng các thứ trân châu, như pha-lê, xa cừ, kim ngân, mã não, những thứ chưa hề trông thấy ở trần-gian. Ngoài sân thì đầy những kỳ hoa dị thảo, có cây đơn quế sống hơn ngàn năm (tục thường gọi là cây đa) có con thỏ ngọc chạy tới chạy lui quẩn quít. Đến một chỗ đất bằng phẳng, hai người trông thấy hàng trăm tiên nữ, người nào người nấy, sắc đẹp tuyệt trần, ăn mặc những xiêm y đủ cả màu sắc hình như cái móng, đang múa hát trong một vũ khúc mới lạ với những nhịp-điệu chưa từng nghe thấy bao giờ. Nhà vua đứng xem mê mẩn quên cả mọi việc. Chập lâu, La công Viễn giục vua trở về, nhưng Minh Hoàng còn dùng dằng nán lại. Sợ phạm tội, La công Viễn cố kéo nhà vua lên chiếc cầu vòng, đoạn vua tôi theo đường cũ, trở về hạ giới. Về đến hoàng thành, Đường minh Hoàng như tỉnh-giác chiêm-bao, cố nhớ lại những

điều đã nghe thấy trên Nguyệt-điện. Vua ra lệnh xây cất cung-điện theo các kiểu trên cung-nguyệt, và quy tụ một số cung-nữ, đẹp nhất, giỏi nhất, cho ăn-mặc theo lối «Nghê Thường vũ-y» trên cung trăng để tập múa hát. Vua cố nhớ lại khúc hát trong trăng, để chế ra khúc vũ «Nghê thường» nhưng chỉ nhớ được có một đoạn đầu mà thôi. Về sau, nhờ có Tiết Độ sứ Giang Tây là Đường Kinh Thuật đem hiến vua, khúc vũ «BÀ LA MÔN»

2. — CAO-SƠN, LƯU-THỦY THỊ TRI ÂM

«Than rằng : Lưu Thủy Cao Sơn
Ngày nào nghe được tiếng đàn tri âm?»

(Lục-Vân-Tiên)

TA thường nghe những bạn hữu thân-thiết với nhau, hay xưng là «tri âm» hoặc «tri-kỷ». Đó là do tích Bá-Nha, Tử-Kỳ, kể ra sau đây :

Sách «KIM-CỔ KỶ-QUAN» chép rằng :

Đời Chiến-quốc có một danh sĩ họ Du, tên Thủy, hiệu là Bá-Nha, người ở Sinh-Đô nước Sở, sau sang nước Tấn làm quan đến chức Thượng đại-phu. Ông vàng mạng vua Tấn, sang đi sứ nước Sở, lúc trở về, thuyền đến sông Hán-dương, nhằm tiết Trung - Thu, Bá-Nha truyền đồ thuyền dựa chân núi, dọn tiệc thưởng trăng trước mũi thuyền. Nhân khi cao hứng, ông sai tiều-đồng đốt lò hương, mở túi đàn cho ông dạo chơi vài khúc. Gây chưa xong khúc nhạc,

từ nước Tây Trúc truyền sang, vua nhận thấy phù hợp với vũ khúc nghê thường, bèn cho phổ vào nhạc và bắt các cung nữ học tập, lưu truyền cho đến ngày nay. Đó là chuyện xưa, nhưng hiện nay với những sự tiến bộ vượt bậc của khoa học nguyên-tử, với những phát minh tối-tân, loài người có nhiều hy vọng sẽ nối gót Đường Minh Hoàng, lên chơi cung trăng trong một ngày gần đây, thử xem có đúng như chuyện cũ hay không?

đàn bỗng nhiên đứt hết dây, giây. Ông kinh ngạc sai người lên bờ, tìm xem có kẻ gian-tế nào không. Giây-lát kẻ hầu dất xuống một người, trông y-phục đoán biết là một kẻ thôn quê, nghèo khổ. Bá-Nha có vẻ khinh thường, quát mắng :

— Kể kia là ai sao dám đến đây nghe trộm khúc đàn của ta?

Người tiều-phu ung-dung đáp rằng :

— Tôi là kẻ tiều-phu, nhân đi kiếm củi về khuya, nghe tiếng đàn hay nên có đứng đây nghe trộm.

— Nhà ngươi cũng biết nghe đàn nữa sao? Vậy khúc đàn mà ta vừa gảy là khúc đàn gì, ngươi có biết chăng?

Tiều-phu thân-nhiên đáp : Đó là khúc «CAO-SƠN» vì khi gảy

khúc ấy, trí đại-nhơn đang nghĩ ngợi đến NON CAO CHỚN CHỚ.

Vô cùng kinh ngạc, Bá-Nha lật-đật kéo ghế mời anh thôn-phu ngồi lên, và ông ôm đàn dạo thêm một khúc nữa. Đàn xong, ông lại hỏi: Túc-hạ có biết khúc ấy là gì chẳng?

Tiêu - phu đáp: Đó là khúc «LƯU-THỦY» vì trong khi gảy đàn, trí đại-nhơn đang nghĩ ngợi về NƯỚC CHẢY ÀO ÀO... Bá-Nha đứng dậy thi-lễ và hỏi thăm tên họ quê quán của «chú tiêu».

Anh ta đáp: Tôi tên là Huy, họ Chung, tự là Tử-Kỳ, nhà ở thôn Tập-Hiến, núi Mã Yên, năm nay được 27 tuổi. Bá-Nha cũng xưng tên họ, chức trước và xin kết làm anh em với Tử-Kỳ. Tiêu-phu một mực từ chối, viện lẽ là hai bên sang hèn cách nhau xa quá. Nhưng trước sự thành tâm, thật ý của Bá-Nha, Tử-Kỳ đành phải chịu theo. Sau đó Bá-Nha truyền dọn tiệc ăn mừng, hai người đàm-luận về âm-nhạc cho tới sáng.

Hôm sau, Bá-Nha vội-vả lui chuyện vì bận việc quan không thể lưu lại được. Ông tặng cho Tử-Kỳ hai nén vàng và hẹn đến

Trung-thu năm sau, sẽ đến rước Tử-Kỳ về kinh đô, để tiến cử cho làm quan.

Thì giờ thấm-thoát, Xuân qua, Hạ tới, lật đật đã gần tới tiết Trung-thu. Bá-Nha nhớ lời hẹn ước, dọn thuyền đến núi Mã-Yên, đỗ ngay chỗ hội-ngộ với Tử-Kỳ năm trước, cũng đúng vào đêm Trung-thu. Nhưng chờ mãi đến sáng không thấy bóng dáng Tử-Kỳ, Bá-Nha lấy làm bức-rức, hòm sau cùng vài kẻ tùy-tùng, bỏ thuyền lên bộ, lần dò hỏi thăm thôn Tập-Hiến-Thịnh-linh có ông lão, đầu kia đi tới, tay xách giỏ nhãn đến. Bá-Nha đón lại hỏi thăm mới hay đó là thân phụ của Tử-Kỳ, đi viếng mộ anh ta, vì chính Tử-Kỳ đã thọ bệnh, mất gần ba tháng nay rồi. Vô cùng đau đớn, Bá-Nha theo Chung-ião, tới viếng mộ Tử-Kỳ, vái tạ, khóc lóc một hồi, rồi lấy đàn ra gảy. Vừa xong một bản lâm-ly, ai oán, Bá-Nha hai tay bưng đàn, đập mạnh xuống mộ, vỡ tan-tành và nói rằng: *Từ nay thiên-hạ, không còn ai biết nghe đàn nữa.* (Tùng thử thiên-hạ, cảnh vô tri-âm).



11. - Nguyễn-nhược-Pháp và Phạm - huy - Thông

★ NGUYỄN-VỸ



Tôi muốn đề hai anh Thi-sĩ này vào chung một bài, vì họ là một đôi bạn rất thân mà tôi thường gặp đi chung với nhau, hoặc khi vắng mặt người nọ thì người kia cũng thường nhắc đến tên người này.

Đó là một điều hơi lạ, vì Nhược-Pháp và Huy-Thông không có những điểm gì tương-đồng với nhau cho lắm: đôi bạn Thi-sĩ này có nhiều điểm dị-đồng thì đúng hơn. Huy-Thông ít nói,

có vẻ kiêu-kỳ, mắt đeo đôi kính cận-thị rất nặng, (3 diopteries), càng tăng vẻ mặt lạnh-lùng, như kiêu-hãnh. Không hiểu sao, về sau này cứ mỗi khi tôi trông thấy ảnh của nhà Văn Mỹ Arthur Miller, với đôi kính dày-mo của chàng, là tôi sức nhớ tới Huy-Thông. Hai khuôn mặt cũng dài-dài và gầy-óm như nhau, hai đầu tóc cũng bồm-xồm như thế. Chỉ khác là Arthur Miller cao, mà Huy-Thông thấp, thế thôi. Lúc bấy giờ Huy-Thông, Nhược-

★ LÝ LUẬN CON GÀ

Gà mẹ bạo gà con:

— Các con đừng ra khỏi lòng mẹ nhé, có một chú điều nguy hiểm đang bay lượn trên không tìm mỗi kia.

— Thừa má, chú ấy tìm mỗi chú đầu phải tìm chúng con.

BẠCH-YẾN

Pháp, Trương Tửu và tôi đều cùng xuýt-xoát một lứa cã, đã do thủ đều cùng cao 1.52, không ai hơn ai kém một ly.

Nhược-Pháp không cận-thị, và trái với Huy-Thông, anh ta hay nói, hay cười, tuy chỉ cười mỉm, và rất ưa nói khôi hài, giọng nói rú-rì dịu-dàng như cô gái bên-lên trên đường đi Chùa-Hương.

Còn Huy-Thông thì tôi chưa thấy anh cười lần nào. Chỉ khẽch mép một tí thôi khi mà những người khác cười nồ vang lên.

Nhiều người bảo rằng Huy-Thông kiêu-căng, vì tự-phụ mình là Thi-sĩ, lại là con một nhà kim-hoàn giàu có nhất ở phố hàng Bạc lúc bấy giờ. Nhưng tôi không tin lời phê-bình ấy là đúng. Quen với Huy-Thông nhiều và hiểu anh nhiều, tôi chỉ thấy anh ta rất nhã-nhận, lịch-sự, và rất tốt đối với bạn. Có điều không chối-cãi được là khi anh ta khinh một kẻ nào bất tài, hạng Thi-sĩ ba lãng-nhãng thích làm ra vẻ « ta đây » thì anh ta tỏ vẻ khinh ra mặt, trông thấy không thèm chào, không thèm hỏi. Nhược-Pháp theo phép xã-giao, bề ngoài lịch-thiệp hơn, với tất cả mọi người.

Tôi thành-thật mến Huy-Thông từ khi xảy ra giai-thoại sau đây.

Năm 1932, hay 33 gì đó, tôi không nhớ rõ, Bảo-Đại vừa ở Pháp về lên ngôi Hoàng-đế, được người Pháp đưa ra Hà-nội với mục-đích tuyên-truyền. Cuộc Bắc-tuần này được chính-phủ thuộc-địa sắp đặt tỉ-mỉ và đã gây ra được một không-khí tung-bùng, náo-nhiệt vô cùng.

Đám thanh-niên học-sinh còn ngây thơ và nhất là Nữ sinh lãng mạn, đại đa số là độc giả những « tiểu thuyết ba xu », bị quyến rũ mê mẩn bởi hình ảnh « một vị hoàng tử đẹp trai » chưa có vợ, được người Pháp quàng cho một hào quang rực rỡ, huyền ảo, uy nghi. Theo chương trình viếng thăm Hà-nội, Hoàng-đế Bảo-Đại đi viếng các đường phố giữa một buổi chiều tung bồng hoa lệ. Lúc ba giờ, xe Bảo-Đại ngừng trước cửa nhà buôn Chấn Hưng, là tiệm kim hoàng lớn nhất ở phố hàng Bạc, chính là nhà của Thi sĩ Phạm Huy Thông. Gia đình ông Chấn Hưng, thân sinh của Huy Thông, dĩ nhiên là rất vinh hạnh được Hoàng Thượng « ngự » đến xem các đồ vàng bạc. Mọi người đều y phục chỉnh tề, cung kính đón vái long nhan. Riêng Huy Thông ở trên lầu mặc bộ pyjama sọc xanh, ngồi bàn làm thơ. Chàng thi sĩ trẻ tuổi, sinh viên trường Luật,

không thèm xuống đến vua Bảo-Đại.

Mấy hôm sau, Nhược-Pháp và tôi đến chơi trên căn lầu ấy. Huy-Thông không hề đá động đến chuyện Bảo-Đại có vào xem các đồ kim hoàng trong tiệm. Chàng chỉ đọc cho chúng tôi nghe bài thơ dài sáu bảy chục câu mà chàng đã làm xong hôm ấy.

Tôi xiết chặt tay Huy-Thông, trong lúc Nhược-Pháp cười hóm-hỉnh nói một câu tiếng Pháp khôi-hài.

Lúc bấy giờ Nhược-Pháp cũng đang học năm thứ nhất cử-nhân Luật, cùng lớp với Huy-Thông.

Hôm Huy-Thông sang Pháp để tiếp-tục học ở Đại-học, anh có đãi một tiệc trà long-trọng ở nhà Thủy-Tọa Bờ-Hồ, mời các bạn thân. Mặc dầu hôm ấy tôi đang bị bệnh, đã viết giấy đến xin-lỗi và chúc Huy-Thông hôm sau thượng-lộ bình an, Nhược-Pháp cũng đến nhà tôi kéo đi cho được.

Rồi từ đó, chúng tôi biệt tin-Mãi đến 1952 hay 53 gì đó, Huy-Thông đã đỗ Thạc-sĩ Văn chương ở Pháp bị trục-xuất về Sài-gòn, và bị người Pháp ở đây bắt giam lỏng tại một căn nhà ở đường Paul Blanchy (bây giờ là đường Hai Bà Trưng). Tôi đang

làm chủ-nhiệm nhật-báo *Dân-Ta*. Một hôm, tôi hết sức ngạc-nhiên nhận được một bức thư của Huy-Thông gửi đến tôi tại tòa Báo.

Tôi biết lúc bấy giờ Huy-Thông đã theo Cộng-Sản, và tôi không thể nào tưởng-tượng được sự biến-đổi vô-lý ấy.

Nhưng sau tôi có đến thăm Huy-Thông và cố tìm hiểu lý-do, biết rằng Huy-Thông ở Pháp bị Cộng-Sản tuyên-truyền dữ quá, và chàng Thi-sĩ mơ-mộng của chúng ta suốt mười mấy năm ở Pháp chẳng hiểu một tý gì về tình-hình thực-tế của kháng-chiến Việt-Nam.

Anh bị Cộng-Sản nhồi sọ cho đến nỗi anh cứ tưởng rằng toàn thể nhân-dân Việt-nam đều theo Cộng-sản hết !

Bức thư anh viết từ đường Hai Bà-Trung, gửi một người cầm tay đem đến tôi, có mấy lời thăm tôi và nhờ tôi viết bài trên báo phản-đối việc giam lỏng anh ở Sài-gòn, và yêu cầu Pháp cho anh được tự-do về Hà-Nội. Tôi rất tiếc chế độ báo chí thời bấy giờ không cho phép tôi làm được công việc mà Huy-Thông đã nhờ tôi.



Huy-Thông ngày nay không còn là Thi-sĩ Huy-Thông nữa !

Tôi viết bài này cũng chỉ là nhắc đến Huy-Thông một Thi-sĩ rất đáng mến, một người bạn thơ rất dễ thương của hồi tiền-chiến mà thôi.

Huy-Thông, thanh-niên tài-hoa, có Thi-tứ dồi dào, Thi cảm sâu đậm, bây giờ chỉ còn là một cái vật vô tri vô giác trong bàn tay sắt của Việt-Cộng ! Tiếc thay ! Bao giờ tôi gặp lại được Huy-Thông hiền lành, mơ-mộng, của thuở xưa, Huy-Thông lãng mạn của làng Thơ Việt, Huy-Thông đáng yêu của Tân-Ngọc say mê ?...

TÔI tin chắc rằng nếu Nhược-Pháp còn sống đến ngày nay, anh cũng không còn là bạn của Huy-Thông được nữa. Vì Nhược-Pháp tính ưa khôi-hài, ham mê tự do, độc-lập, cũng như cụ Nguyễn-văn Vĩnh là thân-sinh của anh vậy. Tuy tính nết thực-thà, và bất thiệp, nhưng anh rất trọng những tư-tưởng tự-do của anh, không chịu để ai nấn bóp được cả.

Tôi không quên được tập thơ « Ngày xưa » của anh xuất bản trong một trường-hợp hơi lý-thú. Nhược-Pháp không có thi-cảm nồng-nhiệt và thâm-thía như Huy-Thông, cũng không có Thi-tứ dồi dào bao-quát như Huy-Thông.

Anh chỉ ưa cái gì phẳng-phất nhẹ-nhàng thôi. Cho nên anh chỉ làm những bài thơ phon-phớt bề ngoài. Chính anh cũng đã bảo với tôi : « Thơ của mỗa superficielle. »

Bài thơ « *Chùa-Hương* » là bài hay nhất trong tập thơ « *Ngày xưa* », có một lai lịch kỳ-thú không ngờ. (huyền đi Chùa Hương ấy, Nhược-Pháp đi với tôi và hai cô bạn gái nữa, đều là Nữ-sinh cả. Hai cô có mang theo hai máy chụp-hình, còn Nhược-Pháp và tôi đều đi tay không. Trèo lên đến Rừng-Mơ, bỗng chúng tôi gặp một bà cụ chống gậy đi với một cô gái quê mặt trái xoan rất đẹp, độ 16, 17 tuổi. Bà cụ vừa bước lên đèo, dường đá gồ ghề lồm chồm, vừa niệm : « Nam mô Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ Tát... », cô gái quê có lẽ là con của cụ, cũng đang niệm câu ấy nhưng nửa chừng trông thấy chúng tôi là hai chàng trai nhìn cô trân-trân thì cô bẽn lẽn làm thinh không niệm Phật nữa. Cô đang đọc « Nam mô cứu khổ cứu nạn... » rồi cô im. Đôi má cô đỏ bừng, cô cúi mặt xuống. Hai đứa tôi hỏi cô : « Tại sao trông thấy chúng tôi, cô không niệm Phật nữa ? » Cô gái quê có vẻ đẹp ngây thơ và diễm lệ bỗng tỏ vẻ bối rối muốn khóc.

Không ngờ hai cô bạn nữ sinh lên chụp được tấm hình hai đứa tôi đang hỏi chuyện cô gái quê, rồi có lẽ không bằng lòng chúng tôi nên hai cô lên đi trước và đi lúc nào chúng tôi không biết. Cũng chẳng nói năn gì với chúng tôi cả, bỏ chúng tôi ở lại với cô gái quê. Chúng tôi mê nói chuyện với cô này, một lúc sực nhớ lại hai cô bạn, chúng tôi vội đi theo nhưng không kịp. Hai cô đã lên đến Chùa Ngoài, rồi lên đến chùa Tiên Sơn, lẫn trong đám đông người, biến mất dạng. Đêm ấy ngủ trong Chùa Hương, sáng hôm sau ra về, chúng tôi mới gặp lại hai cô bạn đồng-hành. Tôi phải xin lỗi mãi, nhưng Nhược-Pháp cứ tùm tùm cười không nói. Về Hà-nội, hai hôm sau, Nhược-Pháp đem đến tôi bài thơ « *Chùa Hương* », mà trong bản chép ra đầu tiên Nhược-Pháp đề là « *Cô gái Chùa Hương* ». Nhược-Pháp lấy cuộc gặp-gỡ kỳ-thú của chúng tôi với cô gái quê để làm đề-tài và tưởng-tượng thêm ra, thành bài thơ đẹp, giọng ngây-thơ y như cô gái Chùa Hương hôm ấy..

Nhược-Pháp bảo tôi làm một bài cùng theo đề-tài cô gái Chùa Hương. Tôi cũng cao-hứng làm

xong, vô-tình đem đưa cô Lễ (là một trong hai cô bạn Nữ-Sinh cùng đi Chùa Hương). Cô Lễ xem xong, lại giận dỗi xé nát bài thơ từng mảnh vụn, rồi ngồi khóc thút-thít. Thế là mấy vần thơ vô duyên của tôi đã bay vèo ra gió. Về nhà, tôi đến Nhược-Pháp, kể lại câu chuyện. Nhược-Pháp mím môi cười : « Ồ thế thì may cho tôi quá ! Tôi định đem bài thơ này cho cô Tú xem chứ !... » Tôi can anh : « Đừng ! Anh mà đưa Tú xem, thế nào Tú cũng xé nát trái tim anh ra từng mảnh ! »

Nhược-Pháp không dám đưa cho cô Tú xem. Cũng nội trong tuần ấy, Anh góp nhóp các bài thơ của anh, thành một quyển. Anh đưa tôi và hỏi :

— Có nên xuất bản không ?

— Nên.

— Tiền đâu ?

— Xin ông Cụ.

— Thôi, tôi mà đưa ông Cụ xem cái của nợ này, thì chắc-chắn là ông Cụ sẽ vứt nó vào xọt rác !

— Đưa bà cụ vậy.

— Ừ, phải đấy.

Một tháng sau, quyển thơ « *Ngày xưa* » ra đời. Sách in xong mà Nguyễn Nhược-Pháp vẫn rụt-rè, chưa dám đưa Cụ Nguyễn-văn-Vĩnh xem vội, chỉ sợ Cụ vứt vào xọt rác !

Cùng một bạn đọc ở Huế

Xin thành thật cảm tạ cảm tình nồng hậu của bạn đối với chúng tôi.

Và xin giải đáp một đôi thắc mắc của bạn về mục này. Chúng tôi đã trình bày trước với Bạn đọc rằng đây là NHỮNG KÝ ỨC RIÊNG CỦA CHÚNG TÔI VỀ CÁC VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN. Chúng tôi chỉ có quan niệm viết những thiên HỒI KÝ làm DẪN CHỨNG CHO MỘT THỜI ĐẠI (Témoignages d'une époque) CHƯA KHÔNG PHẢI VIẾT TIỂU SỬ các nhà văn Tiền chiến.

Viết tiểu sử, đó là công việc của các người khác, của những nhà khảo cứu về Văn học sử. Loạt bài của chúng tôi có tính-cách hồi ký xác thực của một cá-nhân đã được may mắn sống gần-gũi với các Văn nhân thi sĩ hồi Tiền chiến; đây là những nét phác họa về một đôi trạng thái sinh hoạt của thời kỳ văn học vừa qua, làm món quà tặng các bạn của thế-hệ ngày nay.

Vì lẽ đó, dù tôi cố tránh thế nào chăng nữa, tôi cũng không thể nào gạt bỏ hẳn được cái cá-nhân của người thuật chuyện. Tất cả các quyền sách hồi ký và ký ức, của bất cứ một nhà văn nào trên Thế giới từ xưa đến nay, đều không tránh khỏi thông lệ dĩ nhiên ấy. Vậy xin bạn thông cảm cho. Đa tạ.
N. V.



Anh tù binh trước kia là một tay đá banh giỏi.



— Đề « Nhà có chó dữ » thì thường quá. bây giờ chúng ta nên đề ngoài cửa « Nhà có chó dữ hơn sư-tử » nhé.

một giai thoại về

NGUYỄN-BÍNH

★ VŨ HUYỀN-LINH

Mấy lời phân giát: Trong tiệc trà Văn-Nghệ, tôi được nghe anh Sơn ở Huế ngâm mấy bài thơ của Nguyễn-Bính và anh kể cho nghe một giai-thoại (?)

Câu chuyện êm-dềm trôi qua, nhưng có điều khi đọc lại mấy bài thơ, tôi thấy như có một cái gì nghi ngờ ở lời nói anh, Anh nói rằng « một giai-thoại về Nguyễn-Bính, rất ít người biết đến. » Tài-liệu anh nhận được là do một người bạn trao cho và gia-đình anh này là người thân với thi-sĩ. Tôi rất tiếc chỉ gặp anh Sơn có một lần nên lăm điều như chưa chính - chắn đối với tôi, nhất là mấy bài thơ.

Câu chuyện xảy ra vào tháng tám và « tháng tám năm nay » tôi biên ra đây để các bạn cho ít nhiều hiểu biết về sự thật của mấy bài thơ về cô gái đầy nhiệt-tình Nguyễn-Bính.

Cần thêm rằng chúng ta chỉ nói đến Nguyễn-Bính ngày xưa chứ không có ý gì nói đến Nguyễn-

Bính ngày nay bên kia bờ B.H.

★
Câu chuyện xảy ra năm Nguyễn-Bính ở Nam-dịnh, sau chuyện tặng thơ cho cô Nữ - sinh tên Oanh.

Tháng tám năm ấy có hội ở Phủ Giày, Nguyễn-Bính không bỏ một dịp tìm nàng thơ. Trong những ngày đi lễ, Nguyễn - Bính tưởng đâu mình thất-vọng nhưng trên quảng đường về, chàng bắt gặp một cô nàng tay xách giỏ trâu cùng mẹ đi lễ về. Người con gái ấy đã gọi cho chàng bao cảm-hứng, Nguyễn - Bính say - sưa, Nguyễn-Bính ngây - ngất trước con người đẹp. Trong lúc đó Nguyễn-Bính không biết làm gì hơn là làm thơ để tặng nàng. Thế là mấy câu thơ và cái tên Nguyễn-Bính đã lọt vào giỏ trâu!

Bài thơ ấy như sau:
Tháng tám năm nay hội Phủ-Giày
Lư trầm nghi-ngút khói hương bay,
Trong lúc nhân-gian say ngưỡng mộ-

Mà em là rượu khiến anh say(1)

Nguyễn-Bính tìm đến nhà nàng, được biết nàng tên Diễm và phản ứng cuộc đi đến không có gì trở ngại. Hai kẻ say sưa trong lời ca tình-ái, lặng-lẽ ngồi bên nhau trong lúc người nhà đi vắng. Có một lần hai người ngồi chung trên chiếc đệm rạ yên-lặng nhìn ánh lửa bập - bùng đang đun bánh. Lửa bên ngoài như lửa trong lòng Diễm, trong lòng Nguyễn-Bính. Bài thơ sau đây ghi lại cái đêm kỳ ngộ ấy :

Trời đen như mực tối ba mươi
Điễm trốn nhà sang để gặp tôi
Hai đứa cùng ngồi trên đệm rạ
Lặng nghe nôi bánh rộn ràng sôi
Ánh lửa bùng lên neo điễm
hồng
Cổ tay nàng trắng mắt nàng
trong
Tôi không hỏi nhưng ngồi đưa
mắt
Ý hỏi sao em chưa lấy chồng ?
Lần lần Diễm xích lại gần tôi,
Năm lấy tay tôi khẽ thở dài :
— Anh à ! Bao giờ thời bánh
được.
Thưa anh — Em lấy một chồng
thôi.

(1) Lời tòa soạn : Trong bài thơ này, 2 câu dưới trật hết niêm luật.

Ngày tháng trôi qua, câu chuyện giữa hai người gia đình Diễm biết đến. Bính nói gì người ta có nghe theo đâu ! — Thi-si mà lỵ. Thế rồi dùng một cái tin Diễm lấy chồng ! Đời Bính lại «sang ngang», không biết có lỡ bước chăng. Hồi 11 giờ ngày 11 chiếc xe hoa đã đưa Diễm ra Hà-nội. Nguyễn Bính thờ-người nhìn theo, miệng chàng lẩm bầm :
“ Cho tôi rõ bớt dòng dư lệ —
Rỏ xuống thành thơ khóc một
đuyên

Trong những ngày thui thủi một mình, Nguyễn-Bính về Lạng Sơn mang theo một tình tuyệt-vọng. Diễm có nhớ Bính chăng hay là vui bên chồng mới ?

Anh à ! bao giờ thời bánh được
Thưa anh — em lấy một chồng
thôi

Sống trong tuyệt vọng, Nguyễn Bính cảm nhớ đến Oanh, cô nữ sinh đạo nào đã từng ấp ủ những bài thơ của mình vào tim. Bài thơ Lục bát nhớ nàng Oanh như sau :

Nhớ nhưng tôi nhớ cô Oanh
Nước non cách trở hỏi tình
thâm phai.
Đường sao dài quá là dài.
Gieo cầu sóng ấy ttn người
không cho.

Oanh xưa Oanh vẫn học trò,
Rồi nay bà Giáo hay là bà tham
Thân tôi như thể con tằm,
Ăn tơ nhả sợi lại làm kén tơ.
Thân tôi Oanh biết chưa cơ
Là anh gieo xác, nạm cơ xô rừng
Nhân tình là Mán là Mừng,
Là bờ là suối là đường cong-
queo
Là chim mú là núi đèo,
Là cây sim đứng đìu-hiu cạnh
nguồn.
Đường rừng tôi ở tôi buồn,
Đường xuôi tôi ở thì hồn tôi
đầu

Oanh ơi thà chẳng gặp nhau,
Vần thơ không tặng thì đầu-
thế này.
Rượu tình uống ít mà say,
Thơ tình đọc ít mà ngây ngất
nhiều.
Nhớ Oanh tôi nhớ đến đầu
Nhớ ban sáng lại ban chiều đến
đêm.
Ước gì có cánh như chim,
Tung mây lướt gió đi tìm ban
xa.
Nhớ Oanh bằng mấy nhớ nhà
Biết Oanh có nhớ hay là Oanh
quên ?

* CHUYỆN HỒ-LY-VỌNG

Một tài tử chớp bóng ở Hollywood đờ mấy lần lỵ dị và có được hai đứa con. Anh ta cưới ột cô vợ khác cũng tài tử chớp bóng. Cô này cũng có hai đứa con riêng của mình. Ăn ở với nhau. Cặp này lại sanh được hai con.

Một hôm, bà vợ hỏa tốc chạy vào phòng hét lên :

— Anh ra mà trị loạn ở đằng trước, mớی đứa con anh và mớی đứa con tôi, chúng về bè với nhau mà đánh mớی đứa con chung của chúng ta kia kia !

* LÝ LUẬN TRÉ CON

Trò lên mách với thầy :

— Thưa thầy trò Hùng nó xé sách của con.

— Tại sao nó lại xé sách của con ?

Trò mếu máo :

— Thưa, tại con xé sách của nó.

BẠCH-YẾN

tình yêu



Tình chỉ đẹp khi còn
 trong mộng tưởng...
 Tình còn say khi chưa
 cạn lời thề,
 Người chỉ yêu khi còn
 sợ chia-ly,
 Còn âu-yếm khi tư lòng chưa vẹn.

Tình chỉ còn khi đôi tim còn thẹn,
 Nhịp yêu-đương còn đượm nét ngỡ ngàng,
 Giếng mắt trong còn đợi khoảng thời gian...
 Còn thồn-thức khi nắng chiều sắp tắt.

Tình đầy đủ khi còn trong xa cách,
 Còn luyến-lưu khi chưa được sum-vầy.
 Sống gần nhau dù chỉ thoáng phút giây,
 Tình sẽ lạnh, và biến màu tê-tái.

Tình chỉ sống khi người yêu đã mất,
 Hương còn vương khi lối nhịp ái-ân,
 Tình thủy-chung khi còn nói được rằng :
 «Tôi là kẻ vô duyên nên đến muộn!»

DƯƠNG-LƯU



Mưa đêm.

Đêm nay mưa gió lạnh,
 Rét mướt tận tim tôi,
 Giữa dòng đời hiu-quạnh,
 Sầu thế-hệ buông trôi!

Giọt mưa rơi tí-tách
 Tan-tác vỡ ngoài hiên.
 Dòng thơ trên trang sách,
 Tan-tác sầu vô biên!

Từ phương xa vọng lại,
 Tiếng ai oán rí-rên,
 Thương ai sầu vạn-đại,
 Chung một kiếp lênh-đênh!

Bao trùm muôn cảnh giới,
 Mưa gió rặng tan-hoang,
 Sấm chớp lòa trắng phổi,
 Như xé mảnh khăn tang!

NGỌC-THANH-GIANG
(Tây-Đô)

Nguyễn - Trung - Trực

ANH HÙNG DÂN CHÀI



Anh Nguyễn gồm có 3 phần : phần thứ nhất là bài khảo cứu của Ngọc-Linh, Sơn Nam, phần thứ hai là *Gánh chèo Tà-niên* hay «Chén cơm sông núi», kịch ngắn bằng thơ của Kiên-Giang ; phần thứ ba là tuồng hát bộ «*Nguyễn-trung-Trực qui thân*» của Lê-dư-Hoài.

phê-bình trên tạp chí *Phổ-Thông*. Nếu không có lời yêu-cầu đó thì chắc hẳn là tôi chưa đọc tới vì còn cả mấy chồng sách các bạn gửi tặng mà tôi chưa đọc hết cuốn nào.

Nhơn đó mà tôi nghĩ rằng tất cả mọi công việc, dầu là công việc của nhà văn cũng phải có đôi chút ép buộc chứ không thể để cho sự tự-do tùy hứng. Cái hứng có khi có trước mà cũng nhiều khi tới sau. Đối với cuốn «*Nguyễn trung-Trực*» mà tôi phê bình hôm nay quả thật hứng đã tới sau chứ không phải là có trước.



Sách này nhan đề «*Nguyễn-Trung-Trực, anh hùng dân chài*»

Trước hết tôi nhìn-nhận công-phu khảo-cứu của hai ông Ngọc-Linh và Sơn - Nam. Hai ông đã sưu-tầm tài-liệu qua những giai-thoại trong dân gian và thứ nhất là đã chịu khó đọc sách, báo, do người Pháp viết để tả cho gần đúng sự thật hai chiến công oanh-liệt của cụ Nguyễn là trận đốt tàu ở Nhứt-Tảo và đánh chiếm Kiên-Giang. Các ông đã vẽ lại một anh hùng dân-tộc xuất thân trong đám dân chài, tuổi nhỏ mà chí lớn, có võ dũng mà cũng không thiếu cơ mưu. Đáng chú-ý nhất là mỗi khi xuất - trận cụ Nguyễn luôn luôn nghiên-cứu kỹ-càng địa-hình, địa-vật và vận - động nhân-

dân ở ngay trong lòng địch. Công tác dân-vận và địch - vận là một công-tác quan-trọng mà người anh hùng dân chài họ Nguyễn đã đặt biệt lưu-tâm, khác hẳn với nhiều anh hùng khác ý tài, ý tận, nghĩa khí có thừa mà thành công rất ít.

Tác-giả thiên khảo-cứu đã kiểm điểm lại những giai-thoại và gạt bỏ rất nhiều những nét vẽ hoang-đường thiếu khoa-học do tưởng-tượng của nhân - dân và đã làm sống lại một Nguyễn-trung-Trực trong khuôn-khò con người không máy - móc và cũng không thần-thánh.

Cái tru-diêm của tác-giả là ở đó. Nhưng cũng có cái nhược điểm là tác-giả quá tin vào những tài-liệu của Pháp, chưa hẳn đã hoàn toàn khách-quan và chưa hẳn đã giàu với sự thực.

Tác giả đã dịch trọn khẩu cung của cụ Nguyễn có chữ ký của Piquet. Trong khẩu cung có câu này: "Tôi không ngờ sự thật là quân Pháp quá mạnh hơn tôi đã tưởng tượng. Nếu biết trước sự thật đó, có thể tôi ra giúp Pháp từ lâu ..." Cụ Nguyễn có thể nhân nhượng để được gặp mặt mẹ và các con, nhưng chỉ nhân nhượng ở cách nói chứ không thể thốt ra những lời nói như trên thứ nhất là cụ đã nói tiếp: "Tôi

yêu cầu một việc là xử tử tôi càng sớm càng hay."

Một người đã cương quyết chờ chết và đòi chết gấp, không thể nào lại nói được rằng mình có ý muốn giúp Pháp từ lâu. Hai ông Ngọc Linh và Sơn Nam vẫn có thể dịch trọn tờ vi bằng của Piquet nhưng cũng nên tỏ thái độ dè dặt đối với những lời mà người ta đã gán cho cụ Nguyễn.

Qua phần thứ hai là kịch ngắn bằng thơ của thi sĩ Kiên Giang. "Gánh chiếu Tà Niên hay Chén Cơm sông núi" thì ta thấy ngay một lỗi rất lớn về ngày tháng bữa hành quyết vị anh hùng của dân tộc. Ở phần thứ nhất, phần khảo-cứu, hai ông Ngọc Linh và Sơn Nam viết:

"Ngày 27/9/1868. Pháp trường là vùng đất sỏ Bru điện và Mật Thám ...

"27 tháng 9 ! Một ngày tang-tóc cho toàn thể dân tộc ..."

Qua phần thứ hai, trước khi đăng cái kịch thơ của Kiên Giang thì có cái tông mạo với những lời này:

"Ngày 27/10/1868, giặc Lang-Sa xử trảm quyết vị anh hùng dân tộc: Nguyễn trung Trực tại đất Kiên Giang ..."

Vậy thì 27/9 hay 27/10 ?

Tôi nghi rằng đây chỉ là một sơ sót của nhà in, nhưng sự sơ sót này cũng khá gọi là quan trọng.

Đọc phần thứ nhất ta thấy một Nguyễn-trung-Trực trong khuôn khổ nhân - loại thì đọc phần thứ hai ta thấy cụ được lý-tưởng-hóa và thần - thánh - hóa do ngòi bút của thi-nhân:

Một thanh-niên nói:

Súng bắn như vũ tay,

Súng bắn đuổi ruồi bay,

Không làm dân ta sợ.

Ha ! Ha ! bỏ loài man rợ.

Một thiếu-nữ nói:

Hãy buông súng xuống,

Riu riu bước ra.

Bớ giặc Lang-Sa.

Đề ta tế sống.

Một người anh dũng,

Những câu như thế nói ở chỗ khác thì được nhưng nói ở trước pháp-trường có rất nhiều lính và nhiều súng thì e không thích hợp chăng ?

Nhưng khi dân chúng bùng mồm cơm dâng lên cho cụ Nguyễn lại có những câu này:

Đầy hương-vị của miền duyên-hải,

Đầy cá tươi ngon một xúc nò.

Nước mắm hòn thơm mùt Phú-

Quốc.

Đầy dĩa Sơn-Rái một đem vô.

.
*Dân ta dọn mâm cơm lưu biệt :
Của ít lòng nhiều của chúng dân.*

Những lời như thế thật là đẹp, tình chơn thật, lời thiết-tha, bút thi-nhân đã tự khuyên cho mình một diêm son xứng đáng.

Qua phần thứ ba là màn hát bộ do Lê - đư - Hoài soạn. Tôi không bao giờ coi hết được một tuồng hát bộ, vì cho rằng hát bộ phải để cho người ta vừa hát vừa ra bộ cho mình coi mới thú. Nhưng lần này tôi đã đọc hết màn hát một cách say sưa, hát về khoảng cụ Nguyễn chạy giặc và bị rượt nà, vợ sanh đẻ rồi chết, kể tới đứa hài - nhi cũng chết luôn. Dân chúng sợ liên lụy nên xua đuổi người anh hùng trong những ngày tàn tạ. Tác-giả đã tả được cái cảnh cùng gian, cực khổ của những người đã hy sinh cho dân tộc, đã trải qua những ngày vinh quang nhưng không một lời than oán trong những giờ đen tối. Lời nói chót của cụ là lời nói cho vua và cho những nghĩa binh theo cụ. Ta hãy nghe soạn giả Lê đư Hoài nói lên những lời mà ông đề vào miệng cụ:

"Liệt vị nghĩa binh ôi ! Hãy

«trở về mà hưu yên can qua,
 «đừng có mong theo lão nữa, từ
 «rày sắp lên về nhà làm ruộng,
 «làm dân. Còn việc nước tồn-
 «vong thế nào, lão xin gọi lại cho
 «đoàn hậu tấn trưng lai. Như
 «việc của lão làm là đều trả nợ
 «nước mà thôi chứ lão cũng biết
 «có ngày nay như vậy. Nhưng mà
 «người quân tử xā sanh nhi thủ
 «nghĩa, tôi nhân thân tuấn quốc
 «đĩ tồn trung. Giã các anh lại
 «thế trưng phùng, để thân mỗ
 «thượng đài cồ à...»

Ba phần bổ-túc cho nhau làm
 cho cuốn sách khá gọi là đầy đủ.

Nhưng tôi còn muốn rằng những

anh hùng dân-tộc ở miền Nam
 như Nguyễn - Trung - Trực,
 Trương-công-Định, Thủ - khoa-
 Huân... còn được lấy làm đề-tài
 sáng-tác cho những bộ môn văn-
 nghệ phổ-biến hơn và dễ hấp-
 dẫn độc-giả hơn, như lịch-sử ký-
 sự hay lịch-sử tiểu-thuyết.

Ở những bộ môn này tác-giả
 không bị gò bó trong tài-liệu và
 kỹ-thuật, có thể dùng tưởng -
 tượng để làm sống lại một cách
 đầy đủ hơn những anh hùng thân
 yêu của dân-tộc.

Trong số sau : **Độc quyền
 thơ « TỪ-THỨC », tác giả
 ĐOÀN-THÊM.**

★ bài của NGUYỄN-VỸ

★ DANH NGÔN

Tại sao Chúa Trời tạo ra người đàn ông trước rồi mới nắn
 ra người đàn bà sau ? — Tại vì Chúa biết rằng nếu có người
 đàn bà trước thì thế nào người đàn bà cũng kỳ-kèo chuyện này
 chuyện nọ trong lúc Chúa nắn ra người đàn ông.

C. G.

★ KHI NGƯỜI VỢ ĐÒI Ý KIẾN

- Anh Hai, có chuyện gì mà buồn quá vậy ?
- Vợ tôi định về ở với má nó một tháng.
- Vậy thì khoẻ cho anh chứ sao ?
- Nhưng chiều nay, nó lại đòi ý kiến, và trở về nhà rồi

MINH-PHONG

Giải thoát

gọi
 GIÓ MÂY...

★ NGUYỄN-VỸ

Chùa Thủ-Đức. 3-9-59

Đêm nay,
 tôi buồn
 quá, buồn
 như phiếm
 đá màu xám
 mờ trên tập

giấy trắng của tôi.

Tôi cầm cục đá ném ra không
 gian. Nó lạnh ngắt như trái tim tôi.
 Hòn máu cũng đen xỉ như cục đá.
 Nó chìm mất trong đêm khuya,
 một chấm đen không ai thấy,
 trong lỗ đen không ai thấy. Ôi,
 ám ảnh thân yêu của số kiếp lạc-
 loài !

Tôi nhìn những bức thư của các
 bạn, quen và không quen, từ bốn
 phương gọi về, những mảnh vụn
 của những trái tim đầy hận

thế-gian, như những lá úa rụng
 trên sân, đầy hận gió sương.

Các bạn ơi, đêm nay hãy tha
 thứ cho tôi. Không, tôi không
 muốn trả lời. Tôi không muốn
 nghe nữa, và không muốn nói
 nữa, những tiếng nói trống rỗng
 của trống rỗng ! Các bạn không
 trông thấy ư, lù lù đó kia, những
 hình bóng chói vàng của im lặng ?
 Ghê tởm quá ! Cả một âm mưu
 từ dưới vực thẳm chống lại với
 trời xanh, của những hồn sỏi đen
 như mực chống lại với bao-la của
 các vì Sao sáng !

Tim tôi đêm nay mở rộng, đón
 gió, đón mây. Tôi đứng trên
 ngưỡng cửa gọi về bốn gió :
 «Đã rửa sạch hết máu chưa ?»
 Tôi nghe gió rên rỉ dưới chân các
 vì tinh-tú...

Trời tối mù tối mịt. Lòng tôi là một trời khác, cũng tối như trời kia. Nhưng không có trăng sao đêm nay. Có một đêm nào, tôi không nhớ, chúng nó đã mọc lên, nở phấn, bay hương, đầy một kho nhụy thơm. Nhưng từ khi tôi cảm thấy đang sống trong kỷ - nguyên của hồng thủy, tôi không buồn tưới nước nữa. Ôi, nhắc làm chi những trăng sao không tương lai ! Chúng nó đã héo rồi. Chúng nó cũng đã thành những hình bóng ối vàng của im lặng ! Ghê tởm !

Đêm nay, tôi ghé cả đến những cành hoa đang hứng những giọt sương thừa trong đáy giếng. Đời sống quý báu đến như thế ư ? Con thiêu thân đang tìm mồi sống trong ngọn lửa ! Đốt lá héo cũng còn bay tản-tác, khiêu-vũ chung quanh đồng rác bên đường, trước khi nằm hấp hối bên cạnh đàn dòi. Không ! Không có mà mờ trên mảnh đất này. Tất cả đều ca hát cái chết, và những sợi tóc

của tôi, dưới làn áo nhung huyền của chúng nó, cũng muốn ca lên. điệp khúc âm-u của Đen Mờ.

Ôi ! Đêm thu này buồn ghê ! Ngòi bút của tôi chạy khắp các đường mây, nẻo gió, ngo ngác như người con lạc mẹ. Nó tìm một hơi thở, một hơi nở, nó lại nghe rú một tiếng còi.

Tất cả vòm trời đang đóng lại. Một làn chớp cũng không có ngó ra. Một tia sáng dịu dàng cũng không có một khe mong manh để giải thoát. Uất khí bay tỏa mười phương. Một cây trụ khói đỏ như một trụ máu, ngùn ngụt dựng lên trước một bàn thờ hôi tanh của Tội Lỗi.

Thôi ! Thôi ! Hãy trở về, hồi các linh hồn lãng-du của Thế-kỷ ! Hãy trở về hết đêm nay, là đêm cuối mùa, nghe Homère cười trong Đêm thắm ! Trong đêm thu thắm-thắm của vạn cổ trường sầu !

N.V.

* DANH NGÔN

Người Việt-Nam nói : *Nhút vợ, nhì Trời.*
 Người Pháp nói : *Ce que Femme veut, Dieu veut.* (Người đàn bà muốn gì, thì Trời cũng chịu theo).
 Người Mọi Phi Châu nói : *Aboumaja tajapatou.* (Ông Trời cũng sợ vợ).
 Anh Ba Tào nói : Ông Trời không có vợ, vì ông sợ đàn bà.

MA-RỐC



* THÁI-THỨC-ĐIỂN

(Tiếp theo P.T. số 19)



Đạo đó chúng tôi đang quay một cuốn phim nhan đề là « Hương Thu về » cuốn phim đó không ra mắt khán giả được vì một lý do đặc biệt là tài tử A.T. đột nhiên lia trần, nên cuốn phim đành bỏ dở.

Nhân mùa Thu đến, chạnh nhớ đến người bạn xấu số nên xin nhắc lại một giai đoạn nào của dĩ vãng...

Trong phim có một cảnh phải cần quay ở miền rừng núi hoang vu. Chúng tôi đã đi chọn phong cảnh các nơi song chỉ có suối Trị-An là địa điểm phù hợp nhất với cốt truyện.

Cụ bị đồ đạt đầy đủ chúng tôi lên đường. Các tài tử phần đông trẻ tuổi, vui ca nhộn nhịp. Đi mãi quá Biên Hòa mới sực nhớ tài tử chánh đầu mắt. Ngừng xe

đợi các xe sau, hỏi ra mới biết là A.T. đang ngon giấc ở nhà. Không lẽ trở về, tán thối lưỡng nan, Đạo diễn chỉ biết vò đầu vò tai kêu trời như bộng. Anh ta ôm đầu ngồi bên đường gần như muốn khóc. Ông Giám Đốc sản-xuất định lấy xe quay về rước thì bỗng lù lù đằng xa có một chiếc xe máy dầu phóng tới rất nhanh, Trên xe, xa trông như một binh-sĩ mang trên lưng một ba lô đầy cộm. Chiếc xe tiến tới vùn vụt, bụi đỏ bay lên mù trời.

— Cha này bộ muốn nhào xuống hồ sao chứ ? Anh M. nói !

— Bỏ ! tương này gặp về thăm vợ để đấy hẳn !

Xe thẳng đến kết một tiếng rùng rợn. Anh lính xuống xe cười xoè. Bụi đỏ đã làm cho mặt mũi anh ta hóa ra nâu, mồ hôi nhễ nhại, anh vừa cười vừa kêu tên một trong các tài tử.

— Ừa trời ơi! A.T., rồi tất cả đồng cười lớn!

— Ngủ quên! mà chú ác lém không thức dùm tôi với!

— Nè coi chừng có ngày hụt mạng đa!

A.T. rút mù soa ra lau mặt. Đạo diễn và nhà sản xuất chạy lại.

— Anh làm chúng tôi lên ruột! Sao có đem bộ đồ đen theo đó không?

A.T. cười xòa, Hai Bác đứng lo, Trong ba lô đây! Đủ cả!

— Giỏi! Thôi đi lên suối tắm! Chết chiếc xe máy dầu lên ô-tô đi!

Lên tới Trại An thì vừa trưa. Nghỉ ngơi một chốc, rồi bày máy đặt chân sắp quay.

Màn này quay lúc A.T. (Hùng) đang ngồi suy-nghĩ bên bờ suối. Máy phải đặt ngay giữa giòng nước chảy mới lấy được góc ảnh đẹp. Máy anh phụ đánh trần, chỉ còn mặc một chiếc xi-lip như khi đi tắm biển xung phong nhào xuống suối. Nước chảy gấp phải chúng ngại vật là các thân-hình cân-đối, xúi bọt lên trắng xóa.

— Ê, Đ. chụp cho I «pô» bở! Sửa soạn máy xong, A.T. sẵn sàng, sắp quay thì nữ tài-tử tìm không thấy nữa!

— N. ơi! Cô thơ-ký M. gọi với cái giọng thanh-thanh. Giọng cô vọng vào rừng tưởng như có tiếng trả lời. Nhưng không một ai xuất-hiện cả. Đạo-diễn lúnh-quánh với bao-nhiêu cái dấu hỏi trong đầu:

— C. N. có biết bơi không?

— Bơi quai gr được! Đây là thác mà!

Nhưng bỗng có tiếng ca vọng lại, bài Hương-thu-về.

Điệu hiu tiếng thu, từng âm gieo trong hồn người...

Người đi u-hoài vấn vương về xa-xôi...

N. ơi! Mau ra quay kẻo hết nắng này!

Thương về ai nức-nở ở bên trời...

Rồi N. hiện ra, đẹp như một nàng sơn-nữ. Đạo diễn la lớn: «khoan lui vào rừng đi...Đặt máy xoay về hướng này nhanh!»

Bác thợ quay lum-khum, ống quần vén tới đầu gối, mi kỹ-càng... Bác thợ gỡ loay-hoay viết plan... «Xong, đi từ-từ ra rồi hình như thấy Hùng, cô ngừng lại một chút, rồi chạy lại nhẹ-nhẹ như dế cút hú nghe! Đâu, mời cô làm thử coi!»

N. làm theo đúng. «Chưa được! làm lại!»

«Prise 2!» «Cụp»... Các tài-tử không biết lạnh vẫn chăm-chú làm việc...

Đây là màn sau, góc ảnh khác: «Nhớ lấy raccord nghe bác!»

Màn này là một màn giã-từ. Hùng được lệnh phải đi công-tác xa, Hùng báo-tin cho N. ... «Cho nước mắt ứa ứa một chút thôi nhé!»

— Khóc sao được, người ta

đang vui như chết đây nè! N. nùng nịu.

— Chịu khó đi chớ, thử nhớ khi N. bị má đánh chẳng hạn...

— Má có bao giờ đánh N. đâu!

— Trời ơi! thì... thì ví dụ N. từ giã một người nào thân yêu. Ngọc vùng lên cười như nắc nẻ:

— Ngọc chưa từ giã một ai cả! A.T. mắt đăm đăm nhìn giòng suối chảy, cố tạo ra nét mặt buồn...

Trong lúc đó thì anh em chờ đợi cho N. lấy lại bộ mặt...

«Coi chừng sắp mưa, N. gấn đi!..Coi... Nè có câu chuyện đời xưa.

«Thôi được rồi, N. sức nhớ lúc cô giáo cho N. ăn hột vịt...

«Đúng, nhưng chỉ ứa nước mắt thôi, chớ không phải khóc ròng đa cô!»

Màn đó quay đi quay lại mất 10 lần. Lần nào cũng y như lần nào đến chỗ ứa nước mắt là N. bực cười...Đạo diễn cầu sừan quá hét lên...N. bỗng xịu mặt xuống:

«Thôi, tôi không đóng nữa đâu!»

Đạo diễn phải dịu giọng... Rồi thì màn đó quay xong, vừa mưa rớt ào ào. Anh em khuôn vác đồ lên bờ chạy muốn chết. Dốc thì cao, leo cho hết cũng bở hơi tai.

N. và M. ngồi nhìn giọt mưa rơi, khe khẽ nói chuyện...

Anh em ngồi nhìn trời giăng tơ. Có lần lúc cái buồn nó đến một cách bất thình lình. Không ai nói năng gì cả. Bỗng A.T. cựa mình (A.T. có cái ngủ tài dách) không biết mơ màng cái gì lắm bằm:

— Tại sao ông chạy ngang đường,... bê chai rượu là may đó.

Chúng tôi sức nhớ lại A.T. phóng xe lúc này là liên tưởng đến một tai nạn nho nhỏ mà A.T. có lẽ đã gặp phải dọc đường.

Đêm về rất nhanh khi giọt mưa chưa dứt.

— Còn ba màn nữa, e phải ở lại! Anh em nghĩ sao?

— Ở lại đi bác! Tối nay có trăng!

— Rằm, Rằm Trung Thu!

— Thật may, A.T. vừa nhồm giây—Nè có mấy chiếc bánh trung thu trong ba lô đem ra đây xử tử cho rồi!

— Hoan nghinh! Có cả chú gà quay nữa anh em ơi!

— Tiếc quá, bữa nay mình lại phải ăn chay nữa chớ!

— Chạy với mận, mới 18 tuổi mà đòi đi tu, tu hú hử?

— Đây, cồ gà đây chú mi, gặm đi.

— Bộ anh cho tôi là mẹ xừ cún sao?

Cả bàn cười...

Cơm nước xong. May sao cái quán độc nhất cất bên cạnh suối có được hai chiếc ghế dựa bằng vải bố. Anh em nhường cho nữ-tài tử và cô thơ ký. Rồi họ tổ chức một cuộc lửa-trại không tiền khoáng hậu.

Vi mưa ướt nên củi ban đầu khó nhen, thổi, quạt khói cay cả mắt về sau khô, lửa đỏ rực. Dưới ánh trăng, cuộc họp bạn này đã đánh dấu một kỷ niệm êm đềm nhứt trong ký ức của tôi.

— Thay phiên nhau hát đi anh em, mà hôm nay phải hát «tuyền» các bài về mùa thu không thôi nghe!

— Hoan-nghênh!

Thay phiên nhau, anh em cất giọng hát những bài: *Mưa đêm Thu, Buồn tàn Thu, Thu quyến rũ, Thu Khói lửa*, Anh A. trình bày bài *Thu Thanh Bình* bằng Tây-ban cầm. Đến lượt cô M. thư ký, cô trình bày bản *Thu Cô-Đơn*...

— Đừng lo M. ơi! tôi xem tương thì có lẽ từ nay Thu hết cô-đơn rồi...

— Nếu các anh chế nhạo chúng tôi không hát nữa đâu!

— Thôi rút lui lời nói, nào hát đi, mời anh A. lên đàn...

« Bền trăng thu chan chứa tình yêu...

« Chàng hỡi! sao quên lời ước thề.

« Dầu thác bên nhau nào có hề...

« Ngày nay thu tới ta xót xa

« Tình thu chan chứa bao ý thơ.»

Giọng cô ngân cao vút.. không khi bỗng phảng phất một mối u hoài... « Hay hay...bis.»

— Đến lượt anh thợ điện! anh phải cho chúng tôi một bài dặt như điện 220. Anh thợ điện cất cái giọng «ròn» nói:

— Tui thì hát hò cái chi! Họa may hò giả gạo thì tui biết thơ thơ, có chịu khôn?

— Chịu, trăng thu mà hò giả gạo mới nên thơ!

« À ơ! ề ề ề... tròn cây thực-

địa con ngựa nhà trời ăn cỏ chỉ thiên, nhớ ai mà nhớ liên miên ề ề ề...»

— Thôi để cho A.T. hát đi! tôi cụt hứng rồi... Bác cười..

— Tôi không biết! A.T. trả lời.

—Thôi đi cha, giả vờ mãi: Nào Thu Ly Hương đi, lên giây cổ đi.

— A lê húp «Phùng, Phùng...», Đừng cười nghe hai cô!

« Ra đi với tình thương mang theo luyến sầu vương...

« Khi thu nắng vàng...»

Bây giờ đến lượt cô N.

— N. hát bài «Hương Thu về.» N. chỉ nhớ có 1 bản đó thôi!

— Hoan nghênh. Đi Ré mineur đi, bỏ...đệm nhỏ thôi nghe...

« Ai nghe hương thu về trên những đồi xa...

« Dập dờn cánh bướm vờn hoa.

« Hoa với đời buồn như sầu rụng..

« Thu ơi, Thu, thôi sầu phai sắc xanh...

« Thu ơi thu hẹn mùa dặt chiến chinh..

« Nắng hóa trong rừng cờ...

« Quàn về trong gió thắm Hương thu lại về thu ơi, đến trong khúc thanh bình... »

— Bis...Bis...

Ngọn lửa tàn, đêm khuya dần... Trăng sáng như ban ngày. Giọt mưa hời chiều đọng trên cỏ lóng lánh đủ màu.

Anh em đều thiêm thiếp... Trăng sáng lạnh. Tịch tịch... Bỗng có tiếng khóc thút-thít vang từ chỗ hai người nữ.

— M. lạnh hả? N. lạnh hả? tại sao lại khóc?

— Tôi nhòm dây khều mấy que củi cho cháy bùng lên.

Ánh lửa rọi lên mặt hai người

nữ, làm cho những giọt nước mắt lóng lánh.

— Sao lại khóc, hai cô? nhớ nhà hả?

— Không, có gì đâu!

Nhưng nước mắt được dịp tuông trào ra nhiều hơn trước và tiếng tức tưởi càng dồn dập...

Và đây là tâm-sự của người nữ.

(Còn nữa)



* CHỜ MÙA LÁ RỤNG

Nơi phòng triển lãm, trong số các họa phẩm trưng bày, có một bức sơn dầu vẽ một thiếu nữ đẹp, trên mình chỉ có ba chiếc lá đề khô là hoàn toàn khỏa thân. Bức họa đó được mệnh đề bên dưới là: MÙA XUÂN.

Một ông khách cứ đứng nhìn mãi người thiếu nữ trong tranh với đôi mắt sáng rực lên. Bà vợ lôi tay ông đi, vừa gay gắt bảo:

— Ông chôn chân đó để đợi gì? Đợi mùa thu cho lá rụng phải không?

T. L. L.

* TRỰC THU VÀ GIÁN THU

— Trò Tèo, thuế trực thu là gì và thuế gián thu là gì?

— Thưa thầy, thật dễ hiểu, thuế trực thu là khi nào em xin tiền ba em, còn thuế gián thu là khi em mọc tóc lấy mà không hỏi ba em.

* NGÀY THƠ

Mai hỏi Dung:

— Nói thật với mình nhé! Khi con mèo của Dung đau, Dung cho nó uống thuốc gì?

— Một lít dầu xỏ.

Mai theo đúng lời bạn. Ngày hôm sau, hai người lại gặp nhau:

— Hôm qua Dung bảo mình cho mèo uống dầu xỏ. mèo của mình chết rồi.

Dung cười:

— Mèo của mình cũng thế.

M. P.

Tao đàn
Phổ Thông



Nam - Thu Hòa - Khúc

Thưa các bạn Thi-nhân,

Tiếp tục nhận được thơ Tao Đàn, đến hôm nay chúng tôi đã đếm được trên 520 bài, nhưng chúng tôi lựa chọn được trên 100 bài. Chúng tôi sẽ lần lượt đăng vào mục *Tao Đàn Phổ Thông* độ vài kỳ báo nữa thôi, đến số 22 xin chấm dứt, để rồi tiếp tục một đề tài khác. Chúng tôi chỉ tạm đăng trên *Phổ Thông* một số ít thơ « Nam thu hòa khúc », nhưng chúng tôi sẽ in

thành sách tất cả 100 bài mà chúng tôi đã lựa chọn, như đã hứa. Sách ấy sẽ gửi thân tặng các bạn tác giả có thơ đăng trong sách để làm kỷ niệm, trong một ngày gần đây. Vậy bắt đầu từ số này xin ngưng việc họa thơ « *Nam Thu Hòa Khúc* ».

Thành thật cảm tạ các Nam-Nữ Thi sĩ của *Tao Đàn Phổ Thông* và thân chào các Bạn.

N.V.

VIII

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Tơi tả rơi đầy bít lối sang
Lác đác chim bay tìm chỗ ẩn,
Bâng khuâng đập liệng hút hoa tàn
Phổ-phương vút nhọn màu sơn phấn
Non nước mơ màng thú điền trang
Tha thướt liễu soi hồ gợn sóng,
Tình thu xao-xuyến bóng kim quang...

SƠN-NAM
(48 đường Lam-Son — Huế)

IX

Gió lạnh từng cơn cuốn lá vàng
Lá rơi tả tơi mỗi thu sang,
Ai đem thương nhớ vào thu ý,
Đêm lá thu bay cũng ngỡ ngang !
Những chiếc áo xanh đẹp phổ-phương
Trời thu nắng nặng áng mây vương
Ô hay sao nắng vàng hanh thế,
Hay nắng say nhiều chuyện viễn phương ?

Có lắm cơn buồn thật ủ-ê
Khi hơi thu lạnh thoáng bay về
Khi đò đưa khách trên sông vắng
Thu đẹp cho ai chuyện ước thề.

Sáng nay buồn dậy khóc âm thầm
Trông lá vàng rơi ngập cả sân !
Lưu luyến những màu hương phấn cũ
Chỉ còn vang lại chút dư âm !

Mộng viết lên bài thơ thiết tha
Trời Nam, đất Bắc cách bao xa ?
Mà lời thơ ghen tình Non-Nước,
Biết gửi gì cho sóng Nhị-Hà ?

Lặng lẽ trời Thu mây dật tơ
Thu ơi biết đợi đến bao giờ !
Đường về neo cũ tràn hoa nắng
Ta ước cùng ai thăm xứ thơ ?...

VĂN-KHANH
(Mỹ-Tho)

Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?
Ủ rủ trời chiều muốn dễ tang.
Giọt tủi nghẹn ngào rơi thấm thiết,
Mây sầu ai oán cuộn mờ màng.
Đời vừa chớm nở còn xanh ngắt,
Duyên đã lìa tan kiếp bể bàng !
Ai đến, ai đi, ai thồn thức ?
Ôi buồn ! ai lỡ xuống dò ngang ?

VIÊN-BĂNG

(29 Hàn Thuyên — Huế)

XI

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng,
Lá trái lầu nam dội bóng gương.
Hiu hắt chòm lau, chiều thoáng gió,
Dầm dề khóm cúc, sớm phơi sương.
Cầu ô bắc lại, khua hồn tỉnh,
Âi nhận bay về, dội tiếng vang,
Thành thót canh khuya, dàn gheo nguyệt
Não lòng du tử trót da mang !

TỔNG-NGUYỄN

257 Chi lăng — (Huế)

XII

Áo tím mùa thu đậm lá vàng,
Nắng buồn nghe gió chuyền cung sang
Mây trời vờ vẩn say hồ hãi
Mạch đất u trầm ngợp thế gian
Tê tái hồn thơ, sầu nắng úa
Mơ hồ xác lá ngập vườn hoang.
Ta nghe lảm hướng mùa thu tới.
Có những hàng cây đứng ngỡ ngàng !

THANH-LAM-TỬ

(Ty học chánh — Cà-mau)

XIII

Lác đặc cảnh thu thả lá vàng
Chạm lòng luyến ái kẻ sang ngang
Cối bờ Bến-Hải sương ngàn đón
Ranh giới Đồng-Hà gió thổi than
Khó bắc cầu ô sầu lối nhịp
Mối trông tin nhận hận bầm gan
Mượn nam thu khúc hòa đôi vận
Thơ lệ tưởng châu dưới nguyệt tàn.

BẠCH VÂN NỮ SĨ

(37 Phan bội Châu — Nhatrang)

XIV

Thời Gian ngưng đọng cỏ cây vàng,
Thu tới giết mình khách quá Quan.
Vỏ ngựa ruổi dong đường chánh khí,
Chiến-Bào gói kín lấm trung can.
Quán chiều vọng-nguyệt tìm Thi-hưng,
Thành quạnh nhìn què khuất dậm tràng
Nguồn sống trầm hùng sương tuyết đổi,
Dục người oằn oại gánh giang san.

MINH-HIỀN — (Gia-dịnh)

XV

Thu đến miền Nam lá chằng vàng,
Kẻ trời phơn phớt ánh thiều quang.
Vừa buóng cánh gió, mưa tầm tã,
Bồng cuốn rềm mây, nắng rõ ràng.
Xa tí non sông chờ nhận đến,
Xanh rờn cây cỏ quyến xuân sang.
Tình thu phơi-phới lên lầu mộng,
Một thoáng sầu xa lướt dịu dàng.

PHAN NAM-XUYỀN

(Giáo sư Việt — Pháp ngữ
21, Phan đình Phùng — Saigon)

XVI

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Cho cảnh sầu thu, biếng diềm trang,
Điện quốc âm u mờ kloảng vắng
Mưa ngâu tầm tã lụn canh tràng
Song hồ tê ngắt khó quỳnh từ
Chiếc nhận về đâu ? Bặt Cầm giang !
Dặm liễu ngàn dâu sương phủ kín
Non xanh nước biếc, luống mơ màng.

BIỂN NGŨ NHI

(Bác sĩ B... Chợ lớn)

XVII

Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?
Cho khách cô phòng dạ ngồn ngang !
Giấc bướm canh chày cam lộ dờ,
Hồn mai đêm quạnh luống mơ màng.

Lạnh lùng dưới nguyệt ngó trơ nhánh
Oằn oại bên tường cúc ngậm sương.
Sớm gió chiều mưa thêm tẻ bấy
Niềm riêng khôn giải, não can trường.

THƯỜNG-LẠC

(Nhà thương Hồng Bàng, Chợ lớn)

XVIII

Hiu hắt rừng thu rụng lá vàng,
Mây chiều như nhắc cảnh Âu phang.
Heo may gió động tình hoài viễn.
Quế tử hương gây giấc mộng tràng.
Ôn lại ngày du nô nức dặm liễu,
Ngong chừng đất khách biệt Dương quan.
Đó đây cách trở bằng khuông dạ.
Đợi chiếc nhàn khớt gởi mây hàng.

THANH TRƯỚC

(Độc phủ sứ — Dakpo)

XII

Bằng khuông nhìn sắc lá thu vàng
Nhớ một thu nào nhuộm tóc tang.
Cờ nước oằn dân rền « Quyết chiến ! »
Quên hành một điệu hát lưng vang,
Máu hờn rưới thấm hồn sông núi,
Xác giặc đỏ loang bãi biển tràng.
Mười mấy thu về trên đất nước,
Trắng thu chưa gột vết sầu thương !

HUYỀN-VÂN

(71 Hồ văn Ngà — SAIGON)

XI

Nai ở Đồng nai lốm đốm vàng
Say sưa đứng ngắm ánh trăng tan
Nơi dòng nước bạc bên đồng ruộng
Cạnh đám cỏ non dưới gốc bàng
Lá úa lìa cành rơi sột soạt
Cây già rớt nhánh gãy tan hoang
Bầy Nai kinh hoàng nhìn ngợ ngác
Dẫm đạp lá khô chạy loạn càng !

VY-NHÂN — (Phan-rang)

XXI

Mát mẻ Đông Nam ngọn gió vàng,
Nửa mùa hợp thướng ánh minh quang.
Trăng soi rực rỡ màu non nước,
Cúc nở khoe khoang dáng mịn màng.
Rượu Lý xinh-xoàng ba bảy chén,
Thơ Đào ngâm ngợi một đôi trang.
Năm năm thu đến ta cùng nguyệt,
Thán mặt chia vui giấc mộng tràng.

THƯỜNG-TIÊN — (Chi-lăng)

XXII

Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?
Khiến lá vì Thu rụng dọc ngang.
Sóng bủa sóng Ngân cầu lở nhịp,
Mây ngăn ai Bắc nhận không dàng.
Nghé thướng mơ khúc say muốn mộng,
Đồ-vũ gào non dội bốn phương.
Nước chảy trăng trôi buồn vội vội,
Nước ôi ! Cho gởi tấm can tràng.

Bà THANH-LIÊN — (Saigon)

XXIII

Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?
Cho cõi lòng Thu chất ngồn ngang.
Hồn mộng những chìm trăng Bến-Hải,
Thuyền đời như động nước Sài-giang.
Ao len đá ấm nghìn da ngựa
Chén cúc còn soi nửa bóng hoàng.
Hỏi đám mây chiều trôi bờ ngõ,
Về đâu, ta gởi chút niềm sang.

Cô CHIM-HOÀNG — (Saigon)

XXIV

Thu ơi ! Ai nhuộm lá Thu vàng ?
Đề gió mùa qua rụng ngồn ngang,
Cành cúc mưa sa buồn âm đạm,
Vành trăng mây án ngại huy hoàng.
Người nơi biên ải lo chinh chiến
Kẻ ở khuê phòng biếng điềm trang,
Mong đến Trùng dương cùng tái ngộ,
Men nồng thơ đẹp khách ngâm vang.

LÊ-THỦY

(Thiếu tá Intendance — Saigon)

XXV

Lắc đác rừng ngô đồ lá vàng,
 Yêu đời, thi sĩ điềm thu trang.
 Cúc phở gấm lạ hoa trăm thức,
 Nhạn tả tình dư chữ mấy hàng.
 Nước sáng, trăng sao màu xán lạn,
 Sương trong, tòng trước vẻ hiên ngang,
 Nhờ đường hòa-tiến lên cung nguyệt,
 Cùng bạn Hằng-Nga tiệc bĩ bàng.

MINH-TÀI (Họa-sĩ Gò Vấp)

XXVI

Thu ơi ! Ai nhuộm lá Thu vàng ?
 Tô điềm sơn hà nét mỹ-quang
 Mưa rỉ sân ngô chiều tịch tịch,
 Gió vờn đậu cúc sắc huy hoàng
 Vần thanh thành thốt lên vàng bạc,
 Tiếng đế ngậm nga lẫn tiếng đàn.
 Kẻ Bắc người Nam còn tái ngộ,
 Ngày Thu hội hiệp rượu tương tràn.

THANH-HƯƠNG
 (Bác sĩ A, Saigon)

XXVII

Thu ơi ! ai nhuộm lá Thu vàng,
 Riêng cột cười sương, cúc vẻ vang !
 Tháp thoáng cảnh ngô, đêm tịch tịch,
 Cao treo phách quế cảnh huy hoàng.
 Vườn xưa tòng bá, thường tươi tốt,
 Tiết muộn mai đào, chửa điềm trang.
 Tơ tường Hoàng-Hoa, hương sắc thắm,
 Hồn tiên lãng vắng, giấc mơ màng.

LONG-GIANG — (Saigon)

XXVIII

Thu ơi ! Ai nhuộm lá Thu vàng ?
 Hiu hắt cây buồn, để khóc sương.
 Bóng nhạn xa vời con gió lốc,
 Tinh quê vương mãi ánh mây hàn.
 Nhịp cầu ô thước bao sầu hận,
 Giòng nước ngân-giang mấy đoạn trường
 Những tường trần gian riêng cảnh ngộ
 Nào hay thượng giới cũng đau thương.

Bà HỒNG-THIÊN — (Saigon)
 (Còn nữa)

Mình ơi!

Ở trên Trăng được không ?

✱ DIỆU-HUYỀN

— Mình ơi !
 — Hồng ơi !
 — Oi với em một tiếng đi Minh!
 — Hồng ơi gì hết tội... Để
 cho anh tắm chứ !

Sự thực ông Tú đang ngồi
 ngâm mình trong bồn nước,— một
 bồn nước trong xanh mà sáng
 chói nhợt nào 8 giờ bà Tú cũng
 đồ đầy cho ông Tú tắm. Nhưng
 ông Tú có thói quen mỗi lần vô
 bồn, duỗi thẳng hai chực ra, mực
 nước lên đến quá ngực, và ông
 ư ngồi ngâm mình trong nước
 mát như thế, có đến hàng giờ.
 Hai tay ông cầm một quyển sách
 giờ hơi cao trên mặt nước, để

vừa ngâm nước vừa xem sách.
 Ông gọi như thế là tắm. Mãi
 đến 10 giờ ông mới ra khỏi bồn
 nước và dùng điềm tắm. Thời
 dụng điềm của ông buổi sáng chủ
 nhật là thế, và ông thích như thế
 lắm.

Bà Tú ngồi giặt đồ trong phòng
 tắm bên cạnh bồn nước của
 chồng.

Bà hỏi :

— Mình xem sách gì đó.
 Minh ?

— Quyền *War or Peace*.

— Của ai ?

— Của John Foster Dulles, cựu
 Ngoại trưởng của Eisenhower,
 vừa chết mấy tháng trước.

— Thôi Minh, Minh kỳ cục quá, đang tắm mà cũng xem sách. Đưa sách đây em cất cho, để chiều nay tha hồ mình đọc.

Bà Tú hay đọc đoán, nhưng ông Tú lúc nào cũng chịu vợ, và vui vẻ đưa sách cho bà Tú. Cất sách xong, bà hỏi :

— Bây giờ Minh nói chuyện với em nhé ?

— Chuyện gì ?

— Hôm Trung Thu, mình nói chuyện đi du lịch bằng hỏa tiễn lên Trăng. Em đã hiểu rõ tại sao hỏa tiễn lên được đến mặt trăng, nhưng em còn thắc mắc một điều, là khi đồ bộ lên lãnh thổ của cô Hằng Nga rồi thì chúng ta có thể cất nhà cửa ở trên ấy được không ? Địa thế và điều kiện sinh hoạt ở trên Trăng có phần nào giống như ở trên cõi trần này không, hả Minh ?

Ông Tú lấy hai tay hốt nước, đùa chơi với nước, vừa trả lời cho bà Tú :

— Mặt Trăng giống thế nào được với Mặt Đất mà Minh hỏi kỳ cục vậy ?

— Thế thì sao, hả Minh ?

— Sao là sao ?

— Là em muốn biết các điều kiện sinh hoạt ở trên Trăng như thế nào ? Loài người ở trái Đất

có thể ở trên Trăng được không ? Sống trên Trăng được không ?

— Trước hết, Minh còn nhớ Nga đã cho con chó LAIKA đi trong Hỏa tiễn SPOUTNIK II lên trên thượng tầng không khí, và Laika đã chết ngay ở trên đó. Trái lại, Mỹ cho hai con khỉ, là con ABLE và con BAKER đi trong hỏa tiễn ATLAS lên trên ấy, cả hai đã trở về trần thế, bình an vô sự. Về trái đất rồi, ít lâu sau con Able mới chết. Baker hiện vẫn còn sống và được coi như vị hành khách đầu tiên của Hỏa tiễn lên gần đến trăng. Vừa rồi Nga lại cho một con chó khác, tên là INTRÉPID và một con thỏ (không có tên) lên cao đến 480.000 mét (480 ki-lo-mét) lúc trở về cả hai vẫn còn nguyên vẹn. Như vậy, khoa học đã chứng minh rằng những sinh vật ở Trái Đất đi trong hỏa tiễn nặng mấy chục tấn lên trên ngoài tầng không khí có thể chịu đựng được các điều kiện không khí, ngoài sức thu hút của Trái Đất (Attraction terrestre). Thế thì không có lý do gì mà loài người không thể lên trên Trăng được. Và lại ở Mỹ đã thí nghiệm về loài người rồi.

— Lên trên Trăng được, nhưng có thể ở trên ấy được không ?

Minh có thể tả trước cho em nghe một cuộc hành trình lên Trăng như thế nào không, và lên trên ấy sống cách nào ? Khoa học hiện tại đã giải quyết vấn đề đó như thế nào ?

— Thí dụ hai đứa mình coi lịch Tam tông-Miếu, ngày mai là ngày lành tháng tốt, có thể xuất hành được, thì đúng 8 giờ mai chiếc phi thuyền Flying-Boat đã chờ sẵn ở bến Vandenberg...

— Vandenberg ở đâu, hả Minh ?

— Vandenberg là căn cứ hỏa tiễn lớn nhất ở Mỹ. Tại mình vô ngồi trong hỏa tiễn, tầng thứ nhất, mỗi đứa phải đội một cái mũ riêng và nai-nịt các giầy nylon ràng buộc mình vào một chiếc ghế rất nhẹ, và mình không quấy rầy được nữa. Hành khách ngồi trong phi thuyền cũng thành ra như một bộ phận của hỏa tiễn vậy. Mình nên nhớ rằng người ta chỉ cho mình đem theo những đồ dùng thật là cần thiết thôi, để nhẹ chừng nào hay chừng ấy, chứ không phải muốn đem theo hai ba va-li đồ hành lý được đâu à.

— Nhưng em đem theo một ống son, một hộp phấn, một lọ nước hoa, vài cái xu-chiên; cũng được chứ ?

Ông Tú cười hả hả, hai bàn tay đập trên mặt nước bồn kêu lôm bôm, lôm bôm :

— Bộ mình định đem các của

★ Con khỉ Baker (Mỹ) →



nợ ấy lên bán cho cô Hằng Nga hẻo ? Mình nên nhớ rằng mình chỉ được phép mặc trong người cái sơ mi, 1 áo ny-long, 1 quần xa-tanh, thôi nhé. Phấn, sáp, nước hoa, nếu mình có mang theo thì khi lên đến khỏi Trái Đất 300.000 ki-lô-mét, người ta cũng bắt mình phải vứt xuống trả lại cho trần gian.

— Tại sao vậy ?

— Tại vì lên đến cao độ 300.000 ki-lô-mét là đã vượt ra ngoài hấp-lực của Trái Đất, chui vào khoảng lỗ trống của không gian, bị hấp-lực của Mặt Trăng (Attraction lunaire), vì chỉ còn độ 80.000 ki-lô-mét nữa

~~~~~  
Con chó Intrépid (Nga)



là đến Trăng. Lúc ấy ba tầng dưới của Hỏa-Tiến đã rời ra rồi, chỉ còn lại hỏa-tiến duy nhất đang tiến vào đường quỹ-đạo (orbite) của Trăng. Phi-thuyền phải bay chậm, và rất thận trọng để đến đúng chỗ gặp Trăng trên đường quỹ-đạo. Mình nên biết trước rằng lúc Hỏa-Tiến mới cách xa Quả Đất 6.000 kí - lô - mét. Mình ngồi trong Hỏa-Tiến ngó trong kính để dòm xuống Đất thì mình sẽ thấy Trái Đất chỉ to bằng cái thúng, quay lơ lửng, chầm-chầm, và im-lìm giữa không gian. Khi Hỏa-Tiến đã lên xa tí mù, đến 300.000 kí - lô - mét, vào không phận của Trăng rồi, thì ngó xuống chỉ thấy Trái Đất to bằng trái xoài riêng 1 kí thôi.

Hỏa-Tiến lúc đó sẽ lọt vào đường quỹ-đạo (orbite) một chỗ mà bốn ngày sau Mặt Trăng mới đi tới.

— Sao Hỏa tiến phải đợi Trăng ở một chỗ hẹn hò xa quá vậy ? Sao không đi thẳng đến Trăng, hả Mình ?

— Vì người ta đã tính kỹ tốc lực của Hỏa Tiến đối với tốc lực của Trăng và sức hút của Trăng. Bốn ngày sau Mặt Trăng vừa tới

chỗ đó thì Hỏa-Tiến cũng vừa đến nơi để đổ bộ xuống Mặt Trăng. Sự gặp gỡ này hoàn toàn máy-móc và rất tự - nhiên, y như thể cô Hằng-Nga và tụi mình đã hẹn từ trước và hai bên cũng đều đến đúng hẹn, đúng ngày, đúng giờ, không thể sai một tí-tắc đồng hồ. Đây sẽ là giây phút hồi hộp nhất trong đời chúng ta, vì là lần đầu tiên tụi mình sẽ đặt chân trên Cung-điện cô Hằng-Nga.

Bà Tú bỏ rơi xuống chậu cái áo sơ mi đang vò, và nở một nụ cười tươi rói, ngó chông :

— Ồ ! Sung sướng quá, Mình nhỉ ! Em tưởng tượng như em với Mình đã lên đến Trăng thiệt rồi vậy !

Nhưng ông Tú tùm-tùm cười :

— Nhưng Mình sẽ thất vọng một điều, là Mình sẽ không gặp cô Hằng-Nga vồn-vã đón Mình đâu.

— Tụi mình sẽ đến gốc cây đa ngồi chờ cô ấy ?

— Mình sẽ không thấy bóng một cây đa nào cả.

— Chúng mình sẽ tìm đến một bãi cỏ trên bờ suối, để ngồi nghỉ chân một lúc vậy.

— Chẳng có cỏ, chẳng có suối

đâu, Mình ơi ! Không được như nàng Anne trong truyện của Charles Perrault, ít nhất nàng Anne đứng trên lầu còn thấy một đám cỏ xanh xanh. Đây, chúng ta chỉ thấy núi và đá chói nắng dưới ánh mặt trời ! Chỉ núi và núi tro trụi đều-hiu !

— Chớ không có cây cỏ, suối sông ư ?

— Địa thế của Trăng gồ-gề lởm-chồm, toàn là núi hỏa diệm-sơn đã tắt từ lâu đời, còn há những cái miệng rộng mênh mông và sâu hóm, không một cọng cỏ, không một giọt nước. Mình sẽ thấy dãy núi LEIBNITZ cao gần như núi Everest. Mình sẽ thấy núi PYTHAGORE với những tường đá cao 5 ki-lo-mét, miệng núi rộng 153 ki-lo-mét ! Cái bóng lò mờ mà đêm Rằm trăng sáng Mình nhìn lên thấy như cái ngọn cây đa, đó là dãy núi TYCHO, một núi lửa khổng lồ của mặt Trăng, tắt từ đời nào đời nao, cái miệng núi còn há rộng thành thang đến 90 ki-lô-mét bề kính. Nhưng mình leo lên đó rất dễ dàng, dễ như con chuột leo lên trên tủ vậy.

— Sao lại dễ dàng thế, hả Mình ?



— Vì ở trên mặt Trăng, sức nặng của con người ta chỉ còn **1 phần 6** sức nặng ở trên Mặt

Đất. Chúng mình lên trên đó, sẽ còn nhẹ bổng, và bước đi một bước rất dài, dài bằng ba cái bước ở trên Mặt Đất.

— Sao lạ vậy ?

— Vì sức hút (la force attractive) của Trăng là 6 lần kém hơn sức hút của Trái Đất. Thí dụ ở trên Mặt Đất mình nặng 48 kí, thì ở trên mặt Trăng mình chỉ nặng còn 8 kí thôi. Nhờ vậy mà mình leo lên núi cao cũng dễ dàng, và mình bước một bước còn dài hơn ông không-lò bảy bước trong truyện Á-Rập ngày xưa.

— Ở trên Trăng có mây, có mưa, có gió như ở Mặt Đất không ?

— Không có mây, không có mưa, vì không có nước. Anh đã bảo rằng Mặt Trăng là một thế-giới chỉ toàn là núi với đá chớ không có gì nữa cả. Không kiếm đâu ra được một giọt nước, thì làm gì có mây, có mưa ! Gió cũng không có, vì không có không khí.

— Úa, nếu thế thì tại mình lên trên Trăng, sống thế nào được, hả Minh ?

Chính thế ! Cho nên chúng-nào tại mình muốn du-lịch trên Trăng chơi thì mình phải nhớ đem theo **nước** và **không khí**, là hai món cần thiết nhất để sống. Chứ bánh mì lạp xường, chả lụa... thì khỏi đem nhiều.

— Tại sao lạ vậy ?

— Vì lên trên Trăng, sức mạnh của mình nhẹ bớt 6 phần, tức-nhiên là mình không thấy đói như ở Trần-gian. Chỉ đem theo mấy-hộp Vitamines là tạm đủ sống ít lâu.

— Còn nước và không khí làm sao đem theo được ?

— Có những chất hóa học làm ra thành nước để uống. Không khí thì đem theo mỗi người vài ba bình dưỡng-khí cũng tạm đủ. Vấn đề đó, Minh khỏi thắc mắc, các nhà Bác học chế-ra Hỏa tiễn đã lo dự trữ và tiếp-tế không khí và nước cho những người sống trên Trăng. Minh cần biết một điều này nữa là m t ngày một đêm trên Trăng là **48** tiếng đồng hồ, nghĩa là ngày và đêm của Hằng Nga **dài gấp hai** ngày và đêm trên Địa cầu. Buổi trưa, đứng ngắm, nắng mặt

trời nóng đến **250 độ**, vì lúc bấy giờ mặt Trăng ở rất gần mặt Trời, nhưng ban đêm thì lạnh gấp ba lần những đêm tuyết lạnh nhất ở Bắc-dương. Ở dưới Đất chúng ta ngó lên Trăng thấy nó sáng sữa, mát mẽ và dịu dàng làm sao, trông mơ mộng và nên thơ làm sao, thế mà lên trên đó mới biết ban ngày nắng có thể cháy da cháy thịt được, và ban đêm rét cóng người, chẳng còn chút thi vị nào nữa cả. Các nhà Thi sĩ của trần gian không tiếc lời ca ngợi cô Hằng-Nga, đọc những vần thơ du-dương mơ mộng của họ, chúng ta tưởng tượng mặt mũi cô Hằng diễm lệ biết bao nhiêu ! Nhưng lên đến Cung Quảng chúng ta sẽ thấy cô Hằng Nga có bộ mặt rỗ chằng rỗ chịt, đầy những sẹo và những hang hố, những lỗ trũng, có đến hàng nghìn hàng vạn cái và cái nào cũng sâu hàng 3, 4 kí-lô-mét, rộng hàng 150 kí-lô-mét !

— Thế sao những đêm như đêm Rằm, Mặt Trăng sáng suốt và trong veo, dễ thương thế, Minh nhỉ ?

— Đó là ánh sáng của Mặt

Trời chiếu xuống Trăng, rồi Trăng rọi xuống Mặt Đất, chứ Trăng tự nó đâu có ánh sáng. Cũng như Trái Đất của ta làm gì có ánh sáng thật, nó chỉ nhận lãnh ánh sáng của Mặt Trời, vì chính nó cũng lại chiếu ánh sáng Mặt Trời cho Mặt Trăng. Tất cả hành-tinh-hệ của Thái-dương, gồm có Kim-Tinh (Sao Hôm, Venus), Hỏa-Tinh (Mars), Thủy-Tinh (Mer-cure) Mộc-Tinh (Jupiter), Thổ-Tinh (Saturne) Platon, v.v... đều nhận lãnh ánh sáng của Mặt Trời như thế cả.

— Minh ơi, thế ra trên Trăng không có mưa, gió, không có cỏ cây và không có một loài sinh vật nào ở cả sao ?

— Hiện nay các nhà Bác học dòm xét mặt Trăng trong tầm kính

viễn vọng (télescope) thì không thấy dấu tích hoặc hình bóng một sinh vật nào cả. Vả lại nếu có loài vật nào mà cái cấu tạo cơ thể cũng giống như loài người và các loài vật trên quả Đất, cần phải dưỡng khí, và cần nước, và cần đồ ăn để sống, thì nhứt định là trên Trăng không có. Nhưng biết đâu, trên ấy có những loài vật khác hẳn.



có những cấu tạo cơ thể hoàn toàn không theo những định luật sanh dưỡng như chúng ta, nhưng hiện nay các nhà Bác học chưa khám phá ra được. Có lẽ chừng nào đồ bộ lên Trăng, chúng ta sẽ gặp họ chăng? Biết đâu chúng ta sẽ gặp những ông Tiên Bà Tiên chẳng hạn?

— Giá sử như có fiên chẳng nữa thì tội mình lên trên ấy đâu có sống được như họ. Mình nhỉ?

— Chưa biết. Có lẽ trên Trăng cơ-thể của chúng ta sẽ biến đổi chăng? Dù sao, chúng mình cũng nên đi trên đó một lần để xem rõ bộ mặt thực của Hoàng-Hậu Ban Đêm. Xem cho thật tường tận, rồi chúng ta lại trở về cuộc đời gió bụi.

— Mình à, rốt cuộc em vẫn không hiểu ai sinh ra Quả Đất và các vì Tinh tú lo-lửng giữa không gian? Ai sinh ra một cái Mặt Trăng buồn bã, khô khan, quạnh hiu vắng vẻ như thế để làm gì? Và ai sinh ra một quả Đất ồn-ào náo-nhiệt, đầy những máu xương, khói lửa, để làm gì? Khoa-học có giải quyết được cho chúng ta cái huyền bí ấy không?

— Trước đây 500 năm, học trò của đức Khổng - Tử cũng có hỏi ngài một câu hỏi nán như thế, Ngài không trả lời được. Đệ - tử của Phật Thích-ca cũng nêu ra điều thắc mắc đó, Phật cũng không giải quyết được. Khoa học ngày nay cũng im lặng trước vấn đề ấy.

— Trong Thánh kinh (La Bible) của Gia Tô giáo nói rằng

Chúa trời tạo lập ra tất cả những cái ấy, ý kiến của Mình thì sao? Có đúng không?

— Đó là Tôn giáo, chứ không phải khoa học. Tôn giáo nói ra, nhưng không giảng giải. Còn khoa học thì giảng giải, nhưng không giảng được vấn đề tạo lập ra vũ trụ. Ai sinh ra mình? Ai sinh ra anh? chúng ta còn chưa biết giảng giải thế nào, thì làm sao mà biết được ai sinh ra Mặt Trăng, ai sinh ra Trái Đất? Thôi đành, đã bị sinh ra trên đời để sống, thì phải sống. Như người La-Mã đã nói: *Primo vivere...*

Ông Tú hụp đầu xuống nước, như muốn bơi trong bồn. Nhưng ông ngóc đầu lên liền:

— Mình lấy bồ kết gội họ cái đầu cho anh chút, Mình!

Bà Tú lấy chai nước bồ kết đã có sẵn, gội đầu cho ông Tú. Bà vừa gội, vừa hỏi:

— Mình vừa nói câu la tinh: *Primo vivere*, nghĩa là gì, hả Mình?

— Là lo sống trước nhất... Như bây giờ đây, anh đã thấy kiến bò trong bụng rồi, anh cũng nhắc luôn cho mình câu nói của người Tàu: *dĩ thực vi tiên* l.,. Mình gội đầu cho anh xong đi lấy gói xôi vò và thịt vịt đem ra đây, hai đứa mình giải quyết vấn-đề bao tử là hợp lý hơn cả!

— Xong rồi đó, Mình ra lau mình, và chờ em đem phơi mấy cái đồ này đã nhé.

— O' key!

# CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU \* BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

## VI

(tiếp theo P.T. số 19)

Tôi chưa kịp nói gì, bỗng, tôi chợt nghĩ tới một việc, nên tôi liền thưa với bà:

— Bầm thái - thái, trong cái công việc mà chúng tôi đảm-nhận ở đây, chúng tôi mong rằng, thái - thái sẽ dành cho chúng tôi, sự hoàn toàn tự-do hành-động...

Tôi chưa nói hết, bà đã ngắt lời tôi, mà bảo:

— Cái đó là lẽ tự nhiên, tiên sinh chớ quan tâm... Vả, y-sư Xa-Lạp-Mỹ cũng đã có nói cặn kẽ cho tôi nghe rồi, tiên-sinh cứ việc tiến hành công việc của tiên-sinh, theo đúng với ý muốn của tiên-sinh.

— Điều cần trước tiên, là thái-thái thư cho chúng tôi, có đủ thì giờ để làm quen với tiểu-thư nhà ta, cái đã, rồi sau hãy...



— Chính thế, chính phải thế đấy !

Bà nói xong, liền giơ tay bấm chuông, gọi.

Mấy giây đồng hồ sau, tôi nhìn qua cửa sổ, thấy một người con gái rất mỹ - lệ tiến tới đây. Trời ơi ! sao lại có một người đẹp đến nhường ấy ? Tôi chú-thị nhìn cô ta, quả-tĩnh, tôi chẳng thấy ở cô ta có một vẻ gì khác thường. Tiếp tới khi bước chân vào trong phòng, tôi để-ý trông thẳng vào cặp mắt của cô, hàng lông mi, dài, mượt như tơ, trông con ngươi xanh biếc, sáng ngời, lóng-lánh như nước hồ thu ; vẻ đẹp của cô thật là minh-diễm chiếu nhân.

Theo phép lịch - sự thông-thường, tôi bèn đứng dậy. Bỗng thái-thái Thê-tư-Lãng hướng về phía cô và nói :

— Hải - Lan, con vào trong phòng thái-thái, cầm chiếc ảnh của tiểu-thư ra đây cho ta, nhá !

Chết chửa, rõ bé cái làm cho tôi, tôi chỉ mãi chú-ý đến cái vẻ diễm-lệ của cô này, mà không lưu-tâm tới cách phục-sức ; cô này có phải là tiểu-thư đâu, mà là một người nữ-dung. Tôi đâm lưỡng cuống vì e thái-thái Thê-tư-Lãng chế cười mình không có một tý kiến-thức nào về thể-diện, nên mới có sự ngộ-nhận đó. Để cứu-vãn tình-thế, tôi bèn đứng lên, đi ra chỗ một bức tranh, ngắm-nghĩa rồi hỏi :

— Thưa thái - thái, nếu tôi

không làm, tiểu-thư nhà ta có rất nhiều khuynh-hướng về mỹ-thuật, thì phải ?

— Đứng đấy; tiên sinh ạ, em nó rất đòi hỷ-hoan hội-họa, nhưng chính nó, nó không hề học về bao giờ cả, nó chỉ biết đánh cương-cầm thôi.

Tôi để ý nhìn thái-thái Thê-tư-Lãng ; với cái vẻ từ huệ của bà, quả tôi không nhận thấy bà biểu lộ sự chê bai tôi. Có lẽ, tôi đã khéo léo che đậy được sự lảm lạc của tôi. Nhìn chán bức tranh, tôi lệ làng trở về chỗ ngồi lúc nãy.

Bà hỏi tôi :

— Tôi xem hình như, tiên sinh, cũng ưa thích mỹ thuật lắm, phải không à ?

— Thưa vâng, chúng tôi vẫn lưu tâm về mỹ thuật đấy, nhưng chúng tôi chưa hề nghiên-cứu về môn này.

Cô Hải Lan đã mang tấm ảnh của tiểu thư Thê-tư-Lãng ra, và đưa cho bà, bà xem qua rồi trao cho tôi. Nhìn tấm ảnh, tôi hết sức ngạc nhiên, vì tôi nhận thấy hình như tôi đã từng trông thấy nét mặt của tiểu thư ở đâu rồi, thì phải ; tôi nhắc nhìn thái-thái Thê-tư-Lãng thì quả thật, tiểu-thư chẳng giống bà thân mẫu một tý một ly nào cả. Nếu ta có miễn cưỡng mà cố tìm cho ra một điểm tương tự nào, ta chỉ nhận ra có mỗi cái nét nhăn ở hai bên mép, khi thái-thái mỉm miệng cười. Quái nhỉ, nhìn

khôn mặt quen quen quá đi moi, không biết mình đã gặp tiểu thư Thê-tư-Lãng ở đâu ? Tôi nghĩ mãi không ra, và còn đang tư sách thì bỗng bà hỏi tôi :

— Tiên sinh có nhận thấy rằng, em nó có một tư thái kiêu diễm đấy chứ ?

Tôi thấy vô cùng ngỡ ngàng thẹn vì câu hỏi quá đường đột, thừ nhưt nó thốt ra ở chính miệng của bà và ở trong hoàn cảnh này. Tôi cũng hiểu, sở dĩ bà hỏi tôi như vậy là vì bà thấy tôi chú mục vào tấm ảnh quá lâu. Tôi gượng gạo đáp :

— Bẩm vâng, tiểu thư thiệt đoan trang, mỹ lệ, và hao hao giống thái thái.

Nói xong, tôi cảm thấy trong tâm hết sức áy náy, không yên, và tôi tự-nhận thấy mình quá trẻ trung đối với công việc y-trị cho một cô tiểu thư. Hốt nhiên tôi tự nghĩ giá tôi cứ ở nơi y viện mà săn sóc cho cái ông già bệnh nhân kia, có lẽ còn hơn.

Bà lại hỏi tôi :

— Liệu chừng, cứ nhìn vào tấm ảnh này thôi, tiên sinh có thấy một điểm gì dị thường về tinh thần của em nó không ?

— Dạ, thưa thái-thái, quả tình chúng tôi chỉ nhận thấy ở dung nhan của tiểu thư cái vẻ yêu kiều hoa quý cùng là sự cương cường, sự kiên quyết và sự thông tuệ hơn người, mà thôi.

Hỏi đáp bà như vậy, tôi vụt nhớ ra, cái diện mạo của tiểu thư Thê-tư-Lãng chính là diện mạo

của cái bức họa bày ở khách sảnh mà khi bước chân vào đây, tôi đã chú ý ngắm nghĩa hồi lâu. Cái nét mặt quen quen của tiểu thư do sự liên tưởng đó mà ra vậy. Tôi bèn hỏi bà :

— Xin thái thái nguyên lượng cho chúng tôi, thưa, cái bức họa tượng bày ở phòng khách, là ai, và đối với tiểu thư, có quan-cát thế nào, kia ạ ?

— Đó là cụ tổ mẫu của em nó đấy.

— Bẩm, chúng tôi nhận thấy tiểu thư nhà có dung quang y hệt cụ tổ mẫu.

— Đứng đấy, tiên sinh ạ, nhưng tính tình thì lại khác xa.

— Bẩm thái thái, ý chúng tôi muốn xin thái thái cho chúng tôi rõ sơ qua về tiểu sử của cụ tổ mẫu có được không kia ạ ?

Ồ ! Cụ tổ mẫu vốn là một người rất mực đảm-đang, lịch thiệp. Cụ, suốt cả một đời siêng năng cần mẫn, và từ sau cuộc đại cách mệnh vào khoảng chừng một trăm năm trước đây, họ Thê-tư-Lãng bị lao xuống cái dốc của sự suy vi, ấy cũng nhờ vào sự quán xuyên và óc thông tuệ của cụ tổ mẫu, mà cụ tổ phụ đã cứu vãn được tình thế, đổi nguy thành an và đem lại sự phú túc cho cả nhà cả họ ; bao giờ tổ mẫu cũng giữ vững lấy sự trang trọng, sự nghiêm chỉnh trong các việc đối ngoại cũng như đối nội ; cụ cầm cân, nẩy mực mọi việc một cách công minh chính trực cho nên cả nhà, cả họ cho

tôi các thuộc hạ, không ai là không một niềm nể sợ, kính ái cụ và người nào người ấy đều răm rắp tận lực làm việc, dưới sự chỉ huy của cụ. Ấy chính ngay cái tòa biệt thự này, cũng do cụ tổ mẫu tậu về. Còn như con em nó, nó thiệt là đoảng, thôi thì hoang phí loang toàng phóng đãng, cờ bạc; nó chẳng có may, tính hay nét tốt của cụ tổ mẫu!

— Thưa thái thái, có phải ngay từ khi còn nhỏ tuổi, tiểu thư đã như thế rồi, hay sao, kia ạ?

— Tuy nó không đến nỗi phóng đãng như bây giờ, nhưng nó cũng đã thích nó đùa, cười cợt rồi.

— Thưa, thế sự học của tiểu thư ra sao?

— Sự học thì không đến đời nào vì nó có tính rất hiếu thắng không chịu được sự thua chi kém em nhưng nó bầm chất hiếu động, nên thích tiêu tiền, thích ăn mặc, điếm trang, thích giao-du, kết bạn, thích mua vật, không biết tiếc tiền.

— Bầm, ngay sau khi thôi học, tiểu thư cũng như vậy, sao?

— Cũng vậy.

— Bầm, thế các bạn hữu khi trước thì ra sao?

— Các bạn của em nó cũng vẫn đi lại với nó, nhưng, sau, họ cứ xa dần, lại cũng có người đã rời khỏi nơi đây, có người đã đi lấy chồng...

— Bầm, thế cái lũ bạn hiện tại của tiểu thư, là hạng người thế nào?

— Ôi! lũ này khác hẳn các người bạn hồi xưa, tôi cũng chẳng hiểu nó quen họ ở

đâu, nhưng tôi tin chắc rằng, họ toàn thị là hạ-lưu cả.

— Bầm, thái thái có giúp mặt họ bao giờ không, kia ạ?

— Không, không.

— Bầm thế họ không đến đây bao giờ cả, ạ?

— Không.

— À, bầm thế các người bạn này, có phải là những người mà tiểu-thư đã làm quen, sau khi hoạn-bệnh, không kia ạ?

— Đúng, khi em nó hoạn-bệnh thì các bạn hữu cũ, họ cứ xa dần, thành thử ra, em nó sống một cách quá ư hưu quạnh... may-sư Xa-lap-Mỹ có cho chúng tôi hay, sự tịch-mịch đó có một ảnh hưởng không tốt cho chứng bệnh của em nó.

— Vàng, vàng, đúng thế, đấy ạ.

— À, nếu tiên-sinh muốn biết rõ hơn về cận-trạng của em nó, xin tiên-sinh cứ hỏi Hải-Lan, nó là người hầu cận của em nó; năm nay, Hải-Lan mới có mười chín tuổi thôi, nhưng, được cái, nó rất thông minh, mẫn-tiếp.

— Bầm, Hải-Lan có phải là cái cô bé lúc nãy, thái thái sai đi lấy tấm ảnh của tiểu-thư, ấy không ạ?

— Phải đấy, tiên-sinh.

Tôi đứng lên, cáo từ bà, bà đưa tấm ảnh của tiểu-thư. Thế-tu. Lãng cho tôi và bảo:

— Có lẽ tiên-sinh nên giữ lấy tấm ảnh này, để rồi đây, tiên-sinh để bề nhận thức em nó.

— Bầm vàng.

Tôi cầm lấy tấm ảnh, cúi đầu chào bà, rồi quay gót, đi ra khỏi nơi tiêu-sảnh này.

Hết hồi thứ (VI)  
(Còn tiếp)



★ CÔ PHƯƠNG-THU

## MÓN ĂN HIẾ

### • CANH BÍ NGÓ

#### VẬT LIỆU :

Một miếng bí ngô,

Một nắm đậu xanh nửa,

Vài muỗng nước lèo, và  
miếng cháo.

Một muỗng xúp xì dầu.

Một muỗng xúp đường, 1/4  
muỗng cà-phê tiêu.

Muối (liệu nêm cho vừa ăn  
là được.)

#### CÁCH LÀM :

Bí ngô gọt sạch vỏ, cắt thành

từng miếng nhỏ độ bằng hai lòng tay, rửa thật sạch rồi bỏ vào soong, đậu xanh cũng rửa sạch đổ vào soong cùng một lần với bí, xong đổ nước vào xấp xỉ mặt bí đem bắt lên bếp nấu chín, nhớ nêm nước lèo, xì dầu, cháo nghiền với nước cho nhuyễn, đường, muối, tiêu. Xem chừng canh sôi, bí vừa chín thấm là được.

### • MĂNG KHO

#### VẬT LIỆU :

Mua một mọt măng (lựa thứ non).

Nửa miếng đậu khuôn.

Một muỗng dầu ăn, vài củ  
kiệu, 1/2 muỗng cà-phê ớt bột,

Vài muỗng nước lèo,

1/2 muỗng cà-phê đường,

1 muỗng xì dầu,

Một muỗng muối.

#### CÁCH LÀM :

Mọt măng xắt ra từng lát khứa mỏng, bỏ vào soong, đổ nước vào bắt lên bếp luộc chín, rồi đổ nước xuống xả nước cho khỏi đắng. Xong, đổ dầu vào chảo, bỏ măng vào xào trước rồi thêm đậu khuôn đã rán vàng, xắt lát mỏng, củ kiệu giã nhỏ, xì dầu, muối, đường, ớt-tiêu, nước lèo bỏ vào. đổ nước vừa vừa, kho cho thật thấm mới ngon.

## 1 - CANH CÁ GIẾC

### VẬT LIỆU :

Mua cá giếc (lựa cá tươi, còn sống một ngon).

Vài con tôm, hai củ hành, Nước mắm, tiêu, hành lá, ngò.

### CÁCH LÀM :

Cá mua về chặt đuôi và vi xung

quanh, lấy dao mờ cho thật khéo lấy rọt ra, rửa cho thật sạch, để ráo nước hãy nêm tiêu, hành, đồ nước mắm vào và lột thêm tôm bỏ vào.

Nấu nước thật sôi, đồ cá cùng đồ gia-vị vào nấu chín, nêm lại cho vừa rồi duống xuống, xắt hành lá, ngò, đồ vào, đem ra ăn.



## ★ DẠY CON

Trong bữa cơm, cha nói với con :

— Hồi tao ở với ba — má tao, tao đâu có ăn sung sướng như tụi bay bây giờ !

— Chắc bây giờ ba rất sung sướng được ở với tụi con !

MINH-PHONG

## ★ MÈO LẠI HOÀN MÈO

Bác Lý đến chơi bác Xã, thấy bác Xã gọi con mèo của bác là "Trời", lấy làm lạ một hỏi :

— Sao bác lại đặt nó tên là Trời.

— À, con mèo của tôi quý lắm, không có gì hơn bằng, nên gọi nó là con Trời mới đáng chứ.

— Thế mây chẳng chèo lợp cả Trời là gì ?

— Thế tôi gọi nó là con Mây vậy.

— Nhưng mây bị gió thổi bay tuốt.

— Thì tôi gọi nó là con Gió.

— Nhưng thành lại cản được gió.

— Thì tôi gọi nó là con Thành.

— Nhưng thành còn bị chuột khoét thủng.

— Thì tôi gọi nó là con chuột vậy.

— Nhưng chuột lại bị mèo xoi.

— Vậy thì tôi gọi nó là con Mèo !

— !!

T.L.L.



A sẽ chết ! Ta sẽ chết !!... Tại sao tư - tưởng chết lại cứ ám ảnh Linh mãi thế

này ? Khoảng mấy tháng trước, đời Linh còn đầy hoan-lạc, hàng ngày tay cặp sách lòng phơi-phới đến trường. Linh vui-sướng chẳng phải là được nhìn thấy những tà áo xanh hay tím thấp-thoảng ở phía xa xa, hay khi bất chợt gặp một cặp mắt « đen-đen » của ai ở vệ đường liếc nhanh rồi

vội quay đi. Những hình ảnh ấy Linh nhận là đẹp, nhưng cũng chỉ hơi bàng-bạc trong tâm hồn không như các bạn Linh khi bàn về vẻ đẹp ấy đều có vẻ thích thú và nhận rằng: đó chính là bức-tranh tuyệt tác của cuộc đời ! Hàng ngày tâm hồn được lâng-lâng thanh thoát cũng do những hình ảnh an ủi rất nhiều ; chẳng hạn khi ngồi vào bàn học, nhìn bài toán tràng giang đại hải mình thấy chán, thì ở sông cửa xanh-xanh bên kia một nụ cười đang hé nở... Hình ảnh chỉ thoáng qua thôi, nhưng cũng đủ làm cho mình hoan lạc yêu đời, yêu bài



toán trở lại...

Tuy nhiên, các vẻ đẹp diễm kiều kia cũng đâu phải là hình ảnh độc nhất làm cho Linh vui sống! Lẽ sống chân chính của Linh là: hy vọng được thực hiện nhiều điều cao cả theo gương các bậc vĩ nhân. Và trước hết là phải thi đỗ và giải thoát được một phần nào cuộc sống hiện tại. Phải, chỉ có hy vọng ấy thúc đẩy và làm cho Linh hân hoan cố gắng theo đuổi để đạt được mảnh bằng. Linh thường được nghe các bạn phê bình mình:

“ Tư tưởng của cậu xoàng lắm, học đâu phải chỉ để hy vọng

đạt một mảnh bằng như thế ?”.

Phải chăng họ chê Linh là không cao cả?— Mặc, Linh vẫn nhận thấy đó là một hy vọng rất đẹp của mình. Một đôi khi Linh cũng nghĩ ngợi và tự bào chữa.

— “ Là vì Linh nghèo nên Linh hy vọng những điều đó. Nếu họ nghèo. Thì họ khác gì Linh. Đúng rồi, Linh nghèo và đã lẫn lộn với cuộc sống nhiều. Linh mồ côi cha từ nhỏ. Mẹ Linh thất lưng buộc bụng nuôi Linh từ lúc ấy đến giờ, một túp lều kiêu vẹo chỉ có một mẹ, một con,

những đêm mưa Linh cảm thấy cô đơn và lạnh lẽo biết bao nhiêu, và cũng những đêm ấy Linh đã ngậm ngùi nhìn mẹ ngồi cặm cúi tráng bánh. Hai vai gầy của mẹ già cử động và cái cổ nhỏ nhỏ của người chỉ còn xương và da lại càng làm cho Linh nghẹn ngào hơn. Những lúc ấy Linh muốn nói thật nhiều an ủi mẹ, nhưng Linh chẳng nghĩ được câu gì hết và cuối cùng chỉ biết hỏi mẹ một câu: “ Tráng đến mấy giờ mới xong, hở bu ?”.

Ừ mà lạ thật, mẹ con Linh đã sống về nghề này bao năm rồi, Linh làm gì không biết mẹ tráng đến mấy giờ xong! Linh biết nhưng cứ hỏi! Hỏi để tỏ lòng chăm sóc âu yếm đến mẹ, thế thôi.

Bà vui vẻ thấy con mình chăm chỉ học hành, và thường nói với Linh: “ Ở làng ta có con ông Cả Khiêm là học giỏi nhất làng, trước kia Bu thường nghe ông ấy khoe rằng “xéc-ri-ca”... Con bây giờ đã đỗ được bằng ấy rồi, mà lại còn học thêm đề thi bằng khác thì sau con về quê, con nhất làng đấy.” Những lúc ấy Linh thấy mẹ có vẻ sung sướng lạ, bà phần nói phần cười, vui mừng hiện ra

★ LAO. DƯƠNG

nét mặt nhăn-nheo sạm nắng. Tuy Linh không nói ra nhưng lòng tự nghĩ: “Mẹ yên chí, con sẽ làm được công việc đó”, thế là Linh lại hăng hái, càng chăm-chỉ học nhiều hơn...



Qua bao nhiêu tháng miệt-mài thức khuya dậy sớm, vùi đầu vào sách vở, Linh thấy người chàng yếu dần, tự dưng gầy xẹp lại và thúng thảng ho. Tuy yếu-mệt nhưng Linh chỉ mua thuốc vớ vẩn uống, chứ không dám đi bệnh viện, sợ phí nhiều thì giờ, vì từ nhà Linh tới bệnh viện xa quá. Linh cần có nhiều thì giờ học và tin tưởng những lời quảng-cáo trên báo-chí của các Đông-y. Uống thuốc của họ để, lúc đi học về Linh chỉ việc tạt qua vào hiệu thuốc bắc mua một lọ, về uống đến mười mười lăm ngày mới hết. Người càng mệt mỏi Linh lại càng gắng sức học. Kỳ thi sắp tới rồi, Linh phải hái bằng được “đóa hoa muôn sắc” của Hy-vọng. Thấy Linh gầy và xanh-xao quá, mẹ Linh lo lắng hỏi han, nhưng Linh chỉ cười trả lời qua loa: “ chắc con học nhiều người gầy đi chứ sao”, thế là ngày nào mẹ Linh cũng mua thịt bò về xào cho Linh ăn để tẩm bổ. Mẹ Linh tưởng cho Linh ăn

nhiều thịt bò là Linh béo tốt lại. Cứ thế...

Rồi kỳ thi qua, Linh đã hái được “ đóa hoa muôn sắc ” ấy. Miệng run run báo tin cho mẹ: “ Con đỗ rồi », và ngay hôm đó mẹ con Linh đã mua một con gà về làm lễ tổ và cha Linh. Nhưng than ôi, niềm vui ấy, hai mẹ con chưa được hưởng trọn thì Linh phải nằm bệnh viện. Bệnh lao của chàng đã đến thời kỳ trầm trọng. Có lẽ Linh sẽ chết vì Linh đã nghe lỏm được câu truyện của hai bác sĩ nói với nhau về chàng. Linh hối hận quá, Linh trách mình sao bây giờ mới nghĩ đến sự chết. Nếu chỉ có một thân một mình thì chết đi Linh cũng chỉ thương tiếc cho tuổi trẻ đã lìa đời quá sớm, tiếc cho công mình ăn học bao năm chưa dùng được một tí gì mà nay phải vùi sâu mớ trí thức ấy xuống ba tấc đất. Nhưng hỏi ôi! Linh còn mẹ già, người mẹ ấy đã đặt cả hy vọng vào người con độc nhất để sống nốt quãng đời xế bóng! Thế mà biết đâu vì bệnh lao Linh sẽ chết trước người? Rồi mai đây, người lại sẽ thui thui một mình ngồi tráng bánh đêm khuya! Đôi vai và cổ gầy gò giờ xương của người

mẹ đau khổ lại lơ mờ bên bếp lửa, nhưng chẳng có ai nhìn tới và hỏi một câu nào nữa, vì người con độc nhất của người đã chết rồi ! Giờ đây Linh cũng đã tưởng tượng thấy vẻ mặt đau đớn tang thương của mẹ, khi nghe tin Linh chết. Người sẽ khóc than ai oán đến thế nào. Rồi những đêm mưa gió, giọng người lại rên rỉ bi ai hòa lẫn với tiếng gió thét, mưa gào gọi hồn người con xấu số... Lúc này mấy câu thơ của Nguyễn-Bính :

*Người mẹ già kia tuổi đã  
nhiều.*

*Đã từng đau khổ biết bao nhiêu.  
Mà nay lại khóc thêm lần nữa.  
Nước mắt còn đâu buổi xế  
chiều ?*

lại làm ruột gan Linh thêm đau quặn.

— Ta sẽ chết ! Ta sẽ chết !...  
Nhưng còn mẹ già ta, người sẽ  
ra sao ? Người có thể sống kéo  
dài được mãi quãng đời cô độc

ấy không, hay cũng chết mòn mỏi  
vì sầu não tang thương ? Mai  
hậu người chết đi, có lẽ cái chết  
của người còn đau đớn hơn ta  
nhiều. Ừ, chết đi nhất định là  
không kèn không trống rồi ? Ai  
khóc ? Ai chống gậy ? Cái chết  
của mẹ sẽ lặng lẽ như bao chiếc  
lá vàng lìa cành rơi xuống vực  
thẳm, giữa những chiều thu âm  
đậm cô liêu... Bây giờ Linh muốn  
mẹ Linh chết ngay ! Chết trước  
Linh để có được một tiếng  
khóc ! Tiếng khóc của đứa con  
độc nhất của người... Nhưng...

Than ôi ! mẹ Linh đã chết đâu !  
Người vẫn sống ! Sống, cô độc,  
sống bi thương vất vưởng !...

Mùa thu đã về... đem về hơi  
gió lạnh. Giữa bao người vui-vẻ  
đón Trung Thu, ngày hân hoan  
của tuổi xanh nước Việt, riêng  
Linh ngồi gó mẹ lụi cụi đi mua ít  
bánh Trung Thu về, mà chàng  
ngâm-ngùi ứa hai ngăn lệ !...



### ★ QUÊN

- Anh đi đâu mà có vẻ bơ phờ vậy ?
- Cũng không biết đi đâu. Tôi buồn nên tôi đi cho quên tất cả.
- Ấy chết, đừng quên món nợ tôi nhé.

T.L.L.



★ Phóng sự của NGUYỄN-THÙ-MINH

L. T. G. — Các nhân vật trong truyện này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý độc giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 19)

Tôi thêm muốn, tiếc rẽ những ngày nào cũng như sự sung-sướng được trở lại sống trên mảnh đất hoa-lệ này vậy.

Saigon đã thay đổi theo đà tiến-triền văn-minh Âu-mỹ nhiều lắm, và cũng không ngoài nguyên nhân chính trị hay kinh-tế. Do đó, bao nhiêu quen thuộc của tôi ngày trước vẫn không làm sao tránh khỏi đôi chút ngỡ ngàng với hiện tại.

Hơn tuần lễ đầu, — nghĩa là tính từ ngày trở lại — tôi đã sống rất hiền-hậu, nếu không

muốn nói đến chữ «đạo-đức»! Ngày hai buổi đi về đúng thời khắc, đôi khi nhớ đến chúng bạn ; vẫn thấy lười đi tìm gặp một cách lạ lùng.

Nhưng, tuổi trẻ, trai chưa vợ, sống xa nhà vẫn không tự chủ được, mỗi lần buồn buồn, nhớ-nhớ bóng hình ai !... Cho nên, đến ngày thứ mười một sau giờ tan sở buổi chiều, lòng cảm thấy buồn, tôi bèn ra ngay nhà hàng K.S. phố Lê-Lợi để ném lại mĩ vị của cốc cà-phê đã lần chi m-ngưỡng đôi bóng

giai-nhân thời-đại... bụng thắt, đít nở!... thì, hân-hạnh thay là được gặp ngay ông bạn vàng năm trước. Anh Tư - Nguyễn một nhà thơ kiêm văn-sĩ, học-giá, v.v... đã có một thời oanh-liệt ở cái đất mưa nắng hai mùa này! Sỡ-dĩ anh được như vậy là nhờ ở tài ăn nói khá hấp-dẫn và lịch-sự, thêm vào đó, anh chuyên dệt những vần thơ rất là «la-de, chanh quả» để tặng những người con gái áo xanh, áo đỏ, áo vàng... đã từng cảm mến thơ anh qua «chanh quả, la-de»!

Con người của anh thì khỏi phải nói, vì cái mức hào-hoa phong - nhã khó ai sánh bằng, dù thực tế có chua cay đắng xót gấp mấy đi nữa cũng vậy. Anh vẫn ung - dung, ngày hai buổi sáng T.T., chiều K.S. Đời sống của anh «hào-hoa» như thế nên mỗi lần gặp bạn, câu đầu tiên trước khi mời ai ngồi cùng bàn dùng đồ giải khát là: «toa hôm nay giàu không? Minh... «bi» quá, còn vừa đủ cốc cà-phê và tiền về xe...» hay: «Minh chưa lấy tiền... được, ngàn quá! Chúng mình tạm chơi theo lối Mỹ vậy.» v.v...

Riêng tôi, tôi đã thông-cảm với anh nhiều nên buổi gặp gỡ không lấy gì làm trở ngại cho lắm. Có phần thân mật hơn là khác vì tôi đã biết trước những thông lệ mà nói: «Sao, cậu lâu nay vẫn mạnh khoẻ chứ? Vẫn ngày hai buổi như trước? Chúng mình

vào ngồi trong nói chuyện đĩ câu, mình bữa nay tạm «dồi-dào» mà!»

Những thông lệ qua rồi, thế là chúng tôi bắt đầu câu chuyện đầy lý thú, đê-mê, hấp-dẫn...

Bỗng Tư-Nguyễn vỗ nhẹ vào vai tôi, hất hàm ra hiệu:

— Cậu thử nhìn xem... «cuộc đời đẹp» thế kia thì làm sao bảo mình từ giã quán K. S. này cho được. Nhất là nilon mỗi ngày càng tăng thêm nhiều!

Tôi nhìn theo hướng chỉ của Tư-Nguyễn cho đến khi những bóng người thơ lướt ngang rồi mất dần trong đám người qua lại phố chiều. Trong lúc đó, giọng Tư-Nguyễn vẫn đều đều:

— Cậu xa Saigon lâu ngày, bây giờ có thấy khác nhiều không? À, mà mấy hôm nay đã đi chơi đâu chưa?

Tôi nhìn Tư-Nguyễn, cười thân mật:

— Toa dạo này có «vê» lắm! Liệu có gì vui, cho anh em thưởng thức với.

Tư-Nguyễn lại cười, nụ cười rất đều giả, ti tiện, nghe đến ón người.

— Muốn thì tối nay chúng mình đi...

Tôi gật đầu, và hỏi:

— Cậu chắc đi chơi thường? Thế có gặp Hoàng, Thái, Thành, bao giờ không? Minh từ lúc xa Saigon chả hề được tin tức đưa nào cả. Chúng nó tẻ quá!

Tư-Nguyễn vờ dáng điệu công tử nửa mùa, nhún vai đáp:

— Riêng thằng Thái thì không hề gặp, chứ thằng Thành, Hoàng... thì gặp luôn, chúng nó đòi về lại Saigon cả rồi! Cậu chưa gặp sao?

— Đã bảo với cậu, hôm nay là lần đầu tiên ra đây mà! Thế cậu biết nhà thằng Hoàng, hay Thành ở đâu không? Đến kéo chúng nó đi chơi cho vui.

— Kéo ai chứ thằng Hoàng thì đừng hòng, nó tu rồi! Tu đến nỗi vợ đẻ năm-một mà lại còn sinh đôi nữa chứ.

Những lời nói, tiếng cười của Tư-Nguyễn mới đều giả, lỗ lã làm sao, khiến mọi người xung quanh đều chú ý đến anh ta qua mỗi cử chỉ, từng câu nói, như xem thiên hạ không còn «ki-lô» nào hết.

Tôi cố ý phớt tỉnh để ngồi trò chuyện với anh ta nhưng càng lúc thêm xốn xang làm sao ấy, nên buộc lòng phải kiếm cách để rời khỏi K.S.:

— Bây giờ chúng mình đến thằng Thành chơi một tí rồi hãy đi...thì giờ còn sớm chán! Và lại mình có một chuyện cần nói với nó cậu ạ.

Tư-Nguyễn làm ra chiều ngẫm nghĩ nói:

— Thế cũng được. Vậy, chúng mình đi là vừa. Cậu đi bằng gì?

Tôi cười:

— Đành taxi chứ đi gì nữa.

Tư-Nguyễn liền ề lên một tiếng rõ thật dài:

— Đùa cậu vậy chứ tờ có xe, tờ mua hơn nửa năm nay rồi.

Tôi ngạc nhiên nhìn Tư-Nguyễn hỏi:

— Cậu lúc này làm ăn gì khá lắm sao?

— Tương đối không đến nỗi đói rách như dạo trước.

Rồi vờ dáng điệu quan trọng đầy bí mật, Tư Nguyễn nói tiếp:

— Mà chúng mình đi chứ, vừa đi mình vừa kể cho toa nghe... Cuộc đời mình mấy năm sau này ly kỳ lắm!

Chúng tôi đồng nhìn nhau cười đầy «thông cảm» để rồi từ từ ai nấy cho tay vào túi móc tiền ra trả phần mình. Đáng lẽ phải chơi theo lối «mỹ» ấy, nhưng sau tôi nghĩ lại thấy thiếu phần «thâm mỹ» nên từ chối phần Tư Nguyễn tự trả; mà trả tất cả cho ra vẻ con người «hào hoa phong nhã» một chút.

Trên đường đến nhà Thành, thôi thì tha hồ ngồi nghe Tư Nguyễn kể chuyện tâm tình của anh chàng đầy lâm ly, cao đẹp... Tư Nguyễn mở đầu câu chuyện rất khéo léo, hấp dẫn chẳng kén gì các cô vũ nữ trình đôi tuyệt-lệ của mình để hấp dẫn khách ăn chơi!

Câu chuyện mà Tư Nguyễn kể ra như sau: «Cậu có công nhận rằng giữa cuộc đời này rất lắm

thối tha không? Mà một khi đã thối tha thì cần mẹ gì nữa! Bọn mình sống trong sạch cái khi không gì, mà cũng tội gì phải trong sạch trong khi thiên hạ xung quanh mình không mấy trong thiện cho lắm.

Ngừng một chốc, Tư Nguyễn lại tiếp, tôi vẫn im lặng ngồi nghe. Mặc dù tôi không mấy đồng ý về quan niệm sống của Tư Nguyễn.

— À, hôm nào rồi tớ sẽ mời cậu đi chơi với tớ một bạn, tớ sẽ cho cậu rõ về tớ. Sống ở Saigon này chả có « ma » nào tử tế, thật thà cả. Bất cứ một việc gì thiên hạ cũng làm được hết miễn là có tiền. Cho nên, mình khuyên cậu nếu gặp việc gì cứ phớt tỉnh mà làm để có tiền đã, đạo đức, thiên hạ sẽ cho là mình ngu, cậu ạ.

Nghe đến đây tôi đã có phần bực tức chỉ muốn chửi vào mặt Tư Nguyễn cho hả giận, nói ngay vào mặt Tư Nguyễn rằng: « Mày là một thằng lưu manh! » Nhưng không hiểu nghĩ sao tôi vẫn gật đầu xem bộ đồng ý lắm, càng khiến Tư Nguyễn cao hứng giảng giải thêm cho tôi một ít bịch bịch mảnh khoe làm tiền bất lương. Đã thế rồi còn chê cười, lên mặt soi đời để bảo khôn bảo khéo tôi nữa chứ.

Câu chuyện dằng dai ấy mãi đến nhà Thành mới bắt đầu tạm chấm dứt để hẹn lại khi khác sẽ đi sâu vào chi tiết lần thực hành.

Vừa trông thấy tôi, Thành đã la lên lộ vẻ mừng rỡ. Vẫn đáng

điều trẻ trung ngày trước, vẫn nụ cười muôn thuở của ngày nào, tuy dáng người hơi gầy hơn trước nhiều:

— Trời, mày trở lại Saigon bao giờ đấy? Công việc làm ăn thế nào?

Xong quay sang Tư Nguyễn, bắt tay hỏi:

— Vui về chứ mày? Gặp thằng M. ở đâu mà đưa nó đến tao đấy?

— Tôi vui về bắt tay vừa đáp:

— Saigon này thì gặp nhau ở đâu nữa mà hỏi.

Thành chỉ mỉm cười, mời chúng tôi vào nhà và nói đùa:

— Cậu cho Saigon hẹp lắm sao?

— Không hẹp, nhưng lui tới cũng chỉ có hai đường Bonard và Catinat... không hơn không kém. Cậu xem có nơi nào hơn nữa đâu (?)

Có lẽ Thành cũng nhận thấy vậy nên không nói gì thêm, chỉ ừ...ừ rồi bắt sang chuyện khác. Chuyện khác ở đây có nghĩa là sau một hồi xã giao thông thường, chúng tôi đi vào chuyện tâm tình lẫn sự nghiệp của nhau trong thời gian cách biệt vừa qua:

Sau khi biết Thành vẫn sống cuộc đời bê bối như ngày nào, tôi cũng không ngạc nhiên lắm vì theo những điếm tôi đã rõ ở Con Người Thành, mà chỉ buồn chung cho cái thế hệ của chúng tôi đã trưởng thành trong buổi giao thời của đất nước. Một thế hệ gần như đi xuống vậy!

(Còn nữa) \*



**A**N cướp, ăn cướp!  
— Bớ làng xóm ơi!  
ăn cướp!

Tiếng hô từ một nhà ngang sông vang dậy. Nơi đồng quê xa xôi hẻo lánh này, hai tiếng « ăn cướp » đủ làm cho bao nhiêu người mất vía.

Tôi và Tâm đang ngồi đọc sách dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn dầu hôi. Anh chị tôi với các cháu quây quần trên bộ ván đối diện đọc truyện « Tam-Quốc », nghe tiếng kêu cứu chúng tôi điếng người không biết đường lối đâu mà chạy. Ngoài sân tiếng chân người thỉnh thoảng, tiếng trống mõ, tiếng chó sủa nổi lên dậy đất càng làm cho người nhát gan như chúng tôi thêm rùng-rình sợ hãi. Bỗng chị Hai tôi thối tạt phụt ngọn đèn, bóng tối lan tràn trong gian nhà rộng, sợ

quá, tôi run bắn lên ôm chầm lấy Tâm, anh Hai bình tĩnh bảo chúng tôi:

— Đâu ở đó, đừng đi lộn xộn nguy hiểm.

Trong nhà im thin-thít, chị Hai thì lăm thăm không ngớt van-vái phật, trời phò trợ. Anh Hai hé cửa bước ra ngoài, chị Hai giọng run-run dứt đoạn:

**CHÀNG RÊ  
TƯƠNG LAI...**

**\* PHONG VÔ**

— Mình ơi! dừng... có đi...ra...ngoài.

— Cứ nằm đó đi, đừng sợ. Anh trấn tĩnh tinh thần chúng tôi.

❖ Bên sông tiếng trống mõ, thêm inh-ỏi, không dừng được, anh Hai chạy ngay xuống bến vó lấy cây chèo sang bên kia bờ. Trên nhà ấy vẫn còn vọng ra :

— Ăn cướp, bớ người ta.

Thì ra nhà của anh Bảy bị cướp, anh Hai ghé lại bến buột dây cần thận, xách cột chèo định bước lên tiếp cứu, nhưng anh lại nghĩ thầm : “ Chẳng hiểu bọn nó đông hay ít, mình lên bắt tử nó « thịt » là uồng mạng ”. Anh ngồi lại gõ cột chèo vào chiếc ghe tam bản để trợ oai.

Người lối xóm nghe tiếng kêu cầu cứu đã chạy lại khá đông vây quanh nhà, kẻ hò, người gậy, dáo mác đủ cả, nhưng cũng chưa một ai dám xông vào, tiếng chó sủa vang rền làm át đi tiếng nói của những người trợ lực.

Lâu quá không thấy anh Hai vào, tôi mất cả hồn vía, thêm Tâm thì thào bên tai tôi mà trống ngực của cô ta đập thình thình :

— Hồng ơi ! mai về đi thôi, ở đây Tâm sợ quá.

— Ủ thì mai về.

Dịp nghỉ hè, tôi rủ Tâm cùng về quê thăm anh chị, luôn tiện thay đổi không khí sau bao ngày mài miệt với ghe nhà trường. Mới vào được hai ngày, trong

hai ngày qua chúng tôi vui trọn vẹn của quãng đời tươi trẻ, chạy nhảy, nô đùa hoặc câu cá ở ven sông dưới hàng dừa cao rủ bóng nghiêng mình soi dòng nước nên thơ và xinh đẹp. Chả bù lại với nếp sống ở thị thành, ngày qua ngày toàn đường phố và ngựa xe, lắm khi cao hứng Tâm bảo :

— Mình ở đây hết hè hãy về Hồng nhé.

— Vâng. Tâm muốn bao giờ cũng được.

— Có làm phiền anh chị không nhỉ ?

— Anh chị vui vẻ là đằng khác.

Ban ngày vui vẻ bao nhiêu, thì tối đến chúng tôi lo sợ bấy nhiêu. Đạo này ở thôn quê trộm cướp mọc lên như nấm, nên nhà nhà đều có chuẩn bị sẵn nào mõ, chiêng, hò, dáo, mác v.v.. khi có động là họ chạy đến tiếp cứu.

Tiếng chó sủa vẫn rền rền bên kia sông anh Hai đang ngồi gõ vào ghe “ cum, cum ”, thì có tiếng kêu :

— Phải anh Hai không ? Lên đây anh ơi.

Anh dừng tay lại, nắm chắc cột chèo bước lên bờ hỏi :

— Tụi nó có đông không ?

— Đường như ít thôi.

Trong nhà tối om, yên lặng, mọi người đến tiếp cứu vẫn thủ thế đứng chờ... Anh Hai kéo tay người nọ bước vòng qua hông nhà. Bóng cây che khuất càng làm cho bầu không khí thêm ghê rợn. Bỗng có tiếng gào to :

— Trời ơi ! tôi đây mà.

Anh rùn mình, tưởng chừng tiếng kêu của kẻ bất lương đang ngã gục trên vũng máu. Chợt phía sau nhà có tiếng hỏi :

— Phải chồng con Huệ đó không ?

— Dạ phải, tôi đây mà.

— Xộ rồi bà con ơi ! Không phải cướp. Tiếng khò chủ vang lên.

Mọi người đổ xô lại tay vẫn còn nắm le vũ khí, trong nhà đã đốt đèn lên, mỗi người một tiếng làm ồn như vỡ chợ, hỏi anh Bảy nguyên do thế nào mà gọi là ăn cướp. Anh mời bà con vào nhà ăn trầu, hút thuốc, anh vừa thờ vừa kể :

❖ — Tôi đang nằm trên võng nghe tiếng chó sủa, vợ tôi trong buồng chạy ra theo kẻ vác nhin xuống bến qua bóng tối mờ mờ một chiếc xuồng ghé lại, bóng bèn bin

chớp lên rồi tắt phụt, chó vẫn sủa, bóng đèn lại loé lên, mấy con chó bị ánh sáng làm choá mắt hoảng chạy ùa vào trong thềm sủa ầm ỉ, tôi giạt mình ngồi dậy, vợ tôi run sợ nói nhỏ “ ăn cướp ”, chúng tôi lật đật chạy về phía sau theo lối ngách ra ngoài đánh mở la làng, thiếu chút nữa tôi cho nó một nhát dao rồi, may nhờ nó lên tiếng trước.

Thì ra chàng rể tương lai của anh về thăm anh, báo hại ông bà nhạc gia và vị hôn thê phải một phen lên ruột, hàng xóm lại một lần chấn động, nhưng nhờ vậy bà con ở thôn quê có thêm ý thức sâu rộng về việc bảo vệ an-ninh cho xóm làng.

Trên đường về, anh Sáu người cùng xóm than phiền với anh Hai:

— Chàng rể thăm ông nhạc, hại tôi tét cả ống quần.

Anh Hai cười khà khà thông thả đáp :

— Chú còn khá, hơn tôi lấy ghe làm mõ, giờ còn có nước là sáng mai kéo lên. kêu ông thợ Mươi sửa lại thì xong chuyện...

Tôi chép lại chuyện này để các bạn cười chơi cho vui, và nhân tiện nhắc với các anh chàng rể tương lai muốn về ruộng thăm ông nhạc thì đừng đi về ban đêm !



thân tặng các SẢN PHỤ



**Tính trước  
NGÀY SINH**

ĐỐI với một người có thai, thật không gì quý bằng biết rõ ngày mình sắp sinh nở, để tiện việc thu xếp công việc nhà, sửa chữa những thứ cần thiết cho ngày dờ dạ, và cũng để làm ngay những việc mà trong thời kỳ «nằm ờ» không đủ sức khoẻ, hoặc không đủ phương tiện thì hành. Sau nữa, gần đến ngày sinh, không những người sắp làm mẹ, và cả đến người sắp làm cha cũng nóng ruột chờ đón, muốn biết ngày đó vào hôm nào, tháng nào. Thêm một điểm nữa là người đàn bà muốn

★ QUANG-HOÀ

biết đến ngày nào mình sẽ lại được «nhẹ nhàng» và lấy lại được thân hình khi xưa.

Như vậy biết trước ngày sinh nở không phải là một việc vô ích.

Thường thường thì thời gian thai nghén là 282 ngày, tính từ ngày đầu tiên của kỳ kinh nguyệt cuối cùng cho đến ngày sanh.

Căn cứ vào đó người ta áp dụng qui-tắc Naegelé để đoán ngày sanh.

« Trước tiên cần phải nhớ ngày đầu tiên của kỳ kinh nguyệt cuối cùng, trước khi thụ thai. Lấy ngày đó cộng 7, và lấy tháng đó trừ đi 3.»

Thí dụ :

Ngày đầu tiên kỳ kinh nguyệt cuối là :

ngày 12 tháng 7 năm 1958  
+ 7 — 3

thì ngày 19 tháng 4 năm 1959 là ngày sanh nở.

Lẽ dĩ nhiên, lối tính này không thể cho là tuyệt đối, vì dù sao cũng có đôi phần ngoại lệ.

Tỷ như thời gian thụ thai có thể kéo dài lối 331, 334 ngày, và như thế, qui-tắc trên vô dụng.

Trong trường hợp người đàn bà còn cho con bú mà thụ thai, thì lối tính cũng khó khăn, dễ sai lầm.



Người ta cũng có thể căn cứ vào chiều cao của dạ con để tính tuổi thai.

Dạ con :

4, cm  
8 —  
12 —  
16 —  
20 —  
24 —  
28 —  
32 —

Tuổi thai :

2 tháng  
3 —  
4 —  
5 —  
6 —  
7 —  
8 —  
9 —

Cũng có thể căn cứ vào những cử động của thai để tính.

Tỷ như người đàn bà thấy thai bắt đầu cựa quậy thì có thể biết lúc đó khoảng chừng 19 tuần lễ.

Ngoài ra cũng còn cách căn cứ vào sức nặng để tính. Ta biết rằng một người đàn bà tính trung bình khi có thai tăng lên được hơn 10 kg, tính như sau :

3 tháng đầu tăng 1 kg  
3 tháng sau tăng 4, 5 kg  
3 tháng cuối tăng 5, 6 kg.

Số kg đó tiến tới mức tối đa 3, 4 ngày trước khi sanh rồi người đàn bà sụt đi mất 1 kg vào ngày mà mình sanh. Đó thật là một dấu hiệu hữu ích để tính ngày sinh nở.

Đề kết luận, ta thấy có nhiều cách tính ngày sinh nở, và cũng có một vài ngoại lệ.

Có thể người đàn bà sanh muộn, và cũng có thể, vì một lẽ này hay lẽ khác, người ta sanh sớm, trước ngày.

Một phương pháp khoa học nhất và để tránh mọi hoang mang, là phải đi thăm thai. Và đó cũng là bổn phận đầu tiên của tất cả những người sắp làm mẹ.

(Bài sau đây chỉ do một Bác-sĩ viết. Nhưng tác-giả tin chắc rằng tất cả các bạn đồng nghiệp của mình đều đồng ý.)

★ **BÁC-SĨ PHIỆT**  
(Bệnh-viện Quảng-Trị)



Trong **PHỒ-THÔNG** số 15 có đăng một « Chuyện ma » của **Huyề-n-Giang**. Tôi không tin Ma tí nào. Tôi đọc câu chuyện ma nọ mà đâm ra khó chịu. Tôi không tin đến nỗi khi cầm viết đề bàn luận về chuyện « Ma », tôi cũng đã đủ thấy « mắc cỡ ».

Nhưng tôi tự hỏi : « Tại sao một tạp chí mới như **PHỒ-THÔNG** lại không thấy mắc cỡ khi đăng chuyện ma ? Tại sao hầu hết mọi người ở xứ ta đều tin là có ma mà không thấy đó là lố-bịch ? » Vậy thiết nghĩ đây cũng là một chuyện đáng nói.

Từ ngày về đến nước nhà, sau gần mười năm sống ở bên tây, tôi đã dò hỏi nhiều người bà con quen biết về chuyện « Ma ». Tôi nhận thấy rằng :

1/ trong đám người quê mùa ai nấy đều tin rằng có ma.

2/ trong những người Tây học tôi đã gặp :

— vài người có Tú tài mà còn tin là có ma.

— một cử-nhân luật tin có ma,  
— các sĩ-quan đến Trung-úy, đại-úy cũng có người tin rằng có ma.

3/ về mặt đạo-giáo tôi thấy :

— lắm người theo đạo công-giáo vẫn tin là có ma.

— nhưng trái lại nhiều người trong gia-đình Phật-tử đã thấy rõ rằng nếu ai thấy ma tức là vì tưởng tượng, Ma là tự trong lòng mình mà ra.

Riêng về các bác-sĩ thì tôi chắc-chắn không ai tin ma hay sợ ma.

Có nhiều người tin ma nhưng không sợ ma vì có kính, có bùa, có roi dâu, có võ-ngệ cao-cường.

Chúng tôi thì không tin ma cho nên không sợ.

Chúng tôi không tin ma là vì nhiều lẽ :

1/ Thấy xác chết chúng tôi không sợ. Ngày còn đi học chúng tôi mổ thây người chết mỗi ngày, vọc xương người mỗi ngày, lại đem xương khô, đầu lâu cạo sạch, về nhà mà xem xét trong lúc học Cơ-thể học. ( Lúc đầu có sợ nhưng sau quen đi )

Trong lúc hành nghề ở các bệnh viện thì thường chứng kiến những cái chết của bệnh - nhân, mà chỉ biết thương hại cho người chết, chớ không làm gì có thì giờ để nghĩ rằng họ sẽ hóa ra ma.

2/ chúng tôi nhờ Y học mà hiểu được nhiều về tâm lý, sinh lý, bệnh lý của con người. Chính nhờ hóa - học, vật - lý - học, khí tượng học mà ta đã hiểu được nhiều hiện tượng thiên-nhiên mà người đời xưa đã đổ gán cho thần thánh. Các Bác sĩ nhờ các khoa tâm lý, sinh lý và bệnh lý lại có thể giải đáp hầu hết tất cả các hiện chứng mà nhiều người hiện nay vẫn tin là do « Ma làm ».

Chúng tôi không sợ ma là vì trong sự khố nhọc để đem lại sức khỏe cho người ốm hay cho kẻ bị

thương, chúng tôi đã dư hiểu rằng chẳng có ma nào hại nỗi loài người. Đi đêm có sợ chẳng là sợ cướp, sợ dao, sợ súng, sợ búa riều. Khám xác chết, mổ tử thi, có sợ là sợ nhiệm vụ trùng mà sinh ra bệnh. Chỉ có thế.

Căn cứ có tánh cách khoa học của chúng tôi là thế.

Còn quan niệm của chúng tôi về « Những chuyện ma » là như sau đây :

Ma là một sự hoàn toàn không có. Nghe kể chuyện ma xin đừng vội tin. Nhiều người khi kể chuyện ma thì bắt đầu rằng : « Tôi chưa bao giờ thấy ma, nhưng Ông tôi (hay chú, hay bác tôi) có kể lại rằng... »

Đó là những người « thiết tha », nói dóc có lương tâm. Còn lắm người tự nhận rằng mình đã thấy ma, đánh ma v.v... để loè chơi, để cho vui câu chuyện.

Chúng tôi đã được nghe nhiều chuyện ma. Chúng tôi không muốn kể lại là vì sợ quá dài giòng.

Nhưng chúng tôi đã phân tích và sắp đặt các chuyện ma ấy ra ba loại :

1/ một là chuyện bịa đặt nói cho vui. Tác giả thường là những người thích nói chơi, nói dóc, nói khoác. Tâm lý của người kể

chuyện ma thường giống như tâm lý của TCHYA chẳng hạn.

TCHYA viết chuyện ma rùng rợn, cũng như những nhà văn khác viết chuyện đời xưa, tiêu thuyết v.v...Huyền Giang có lẽ ở trong trường hợp này).

2/ Thứ hai nhiều người đã thấy «Ma» thật, nhưng là vì quá sợ và loạn trí mà ra. (Nếu năm ba người đều thấy, thì cả năm ba người đều loạn trí một lúc. Hoặc có khi cả bọn đều đồng tình nói dóc để cho câu chuyện được thêm nhiều người tin).

3/ Có nhiều chuyện ma « có thật và Hiện hiện », như chuyện «Ma cắn», «ma đè», ma bắt trợn mắt dẹt chân dẹt tay...». Đó là vì giải nghĩa sai lầm. Nếu dùng bành lý học mà giải nghĩa thì rất dễ dàng.

(Đến nỗi có người bị ma đem vất ra cửa sổ, cũng chỉ vì mắc chứng vừa ngủ vừa đi (Somnambule), đi ra, té ngoài hè, rồi cho là bị ma vất).

Tóm tắt «Ma» là một chuyện bịa đặt, do thần trí mơ hồ tạo ra. Người nào tin có ma thì mới thấy ma.

Nước nào có người tin có ma thì nước ấy mới có ma.

Vậy về phương diện cá nhân cũng như trên quốc tế, tin ma mới thấy ma. Phải chăng đó là bằng chứng hiển nhiên, chứng tỏ rằng

ma là hoàn toàn do tâm trí của loài người tạo ra ?

Chúng tôi không bao giờ tin có ma. Dầu có thấy đi nữa, chúng tôi cũng biết trước rằng vì rối tinh thần mà thấy. Những câu chuyện dẫn chứng có thể kể ra còn nhiều. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ «nói chuyện hoang đường» như thế này cũng đã dài lắm.

Tuy thế, nếu ai có điều thắc mắc chính đáng về chuyện ma, muốn đem ra gạn hỏi, chúng tôi cũng xin vui vẻ giải đáp.

Bác-sĩ **PHIỆT**

### ★ LỜI TÒA SOẠN

Chúng tôi đăng nguyên văn bài trên đây của Bác-sĩ Phiệt, không phê bình. Nhưng chúng tôi xin đáp lại Bác-sĩ rằng *Phổ Thông* không « MẮC CỠ » gì cả khi đăng một chuyện ma của một bạn đọc đã cho là một «nghe vắn», và chính chúng tôi cũng không quả quyết là chuyện có thật. Nhưng, bởi nó là một nghi vấn, cho nên chúng tôi vui lòng đăng các ý kiến của các bạn đọc, mong có sự giải thích xác đáng các trường hợp ly kỳ mà rất nhiều người đã trông thấy; không những bên Việt Nam, mà cả bên Âu-Châu, nhất là bên Anh và bên Đức, Pháp, Ý, v. v... Mong các nhà Y học, và Bác-học, giải thích giúp cho môn « khoa-học » gọi là « huyền bí » ấy...

**PHỔ THÔNG**



### ★ THI NHÂN VIỆT-NAM HIỆN ĐẠI

Sau khi đã cho in xong hai bài phê-bình đăng trong số này chúng tôi nhận được, ngày 12 tháng 9, 1959, một quyền «THI-NHÂN VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI», do nhà sách KHAI-TRÍ, 62 đường Lê-Lợi, Saigou, gửi biểu. Nhà sách Khai-Trí, có nhã-ý kèm một bức thư gửi ông Giám-Đốc tạp-chí *Phổ-Thông*, nguyên văn như sau đây:

«Kính ông,

Chúng tôi trân-trọng xin gửi biểu ông quyền *THI-NHÂN VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI* do *PHẠM-THANH* soạn, sau khi cho sửa chữa phần *Tiêu-sử* của ông.

Chúng tôi xin kính chào ông.

(ký tên không rõ)



Chúng tôi xin cảm ơn nhà sách Khai-Trí.

Theo thiên-ý của chúng tôi, nếu muốn tiếp-tục lưu-hành và bán một quyền sách đầy sai lầm như thế cho công chúng, thì nhà sách Khai-Trí nên sửa chữa lại tất cả những sai-lầm và câu-thả trong sách, chứ không riêng gì một vài tiêu-sử. Và cần phải có một trang đính vào trên sách để tuyên-bố rõ-ràng sự sửa chữa ấy, lý-do tại sao tác-giả xuyên-tạc các tài-liệu, như thế là vô tình hay cố-ý, vì câu-thả trong việc sưu-tầm hay vì thiếu lương-tâm Văn-ngệ, và nhà xuất-bản nên nói rõ là sửa chữa nơi trang nào, bài nào, v.v...

Theo luật xuất-bản, và thông-lệ của văn-ngệ, một quyền

sách sai-lầm đã phát-hành, và đã lỡ bán cho công chúng, nhiều người đã mua lầm rồi, thì nhà xuất-bản phải thu-hồi hết về, và *phát-hành lần thứ hai với lời thanh-minh đính-chánh và bổ-túc đáng-hoàng.*

Một quyển sách ra đời không phải là một món đồ chơi, và nhà xuất-bản phải tôn-trọng độc-giả, chứ không được phé*t tự ý sửa chữa* riêng mà không thanh-minh chính-thức, cũng không hề có một lời công khai xin lỗi bạn đọc!

Còn những quyển đã bán rồi thì làm sao sửa chữa được? Ai mua lỡ rồi thì ráng chịu hay sao? Một bài báo sai lầm còn phải đính-chính trên mặt báo, huống chi là một quyển sách.

Nhiều bạn ký-giả ở Saigon cho biết rằng tác-giả quyền Thi-Nhan V.N. hiện-đại, ông Phạm-Thanh, chính là CỬ - TẠ, có đăng hình, tiêu-sử, và một mớ thơ của ông trong quyển THI-NHAN VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI, vậy độc-giả muốn biết có đúng như vậy không? Và lương-tâm Văn-nghệ và liêm-chính tri-thức có thể cho phép ông Phạm-Thanh (Cử-Tạ) làm một quyển sách như thế ư?

Nhà sách Khai-Tri đã trả tiền cho ông Cử-Tạ viết quyển sách này, nên có lời thanh minh và đính chánh công khai trên trang đầu quyển sách, và trước dư-luận.

#### PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ

### Đôi lời về bài của ông Nguyễn-khắc-Thiệu, giáo-sư trường Trung học Bồ Đề, Huế

Chúng tôi có nhận được bài của ông Thiệu và đã cho đăng vào trang 37 trong Phồ Thông số này. Nhưng không dè khi mấy trang báo đó đã in xong rồi thì chúng tôi đọc trong tờ Nhân Loại số 12 ra ngày 12-9-59, một bài cũng của ông Nguyễn-khắc-Thiệu phê bình quyển « Thi-nhan Việt-Nam hiện đại ». Chúng tôi ngạc nhiên thấy rằng ngoài những đoạn mà chúng tôi đã bỏ bớt hoặc sửa chữa lại cho nhẹ hơn, còn thì các đoạn khác trong bài đăng ở Nhân Loại, giống hệt như bài đăng ở Phồ Thông. Vậy chúng tôi xin thanh minh rõ ràng, và mong rằng từ nay bạn đọc đã có nhã ý gửi bài cho Phồ Thông thì đừng gửi đăng trong một báo khác, hoặc đã gửi đến một tờ báo khác thì đừng gửi cho Phồ Thông, để tránh sự đăng trùng bài trong nhiều báo. Rất mong các Bạn gửi bài lưu ý cho. Thâm tạ.

PHỒ THÔNG

### Báo mới.

#### ★ TÂN XÃ-HỘI

Chúng tôi vừa nhận được TÂN XÃ-HỘI số 1, tạp-chí chính-trị văn-hóa, cơ-quan của ĐẢNG XÃ-HỘI VIỆT-NAM, với những bài rất có giá-trị của các ông Nguyễn-Hữu-Thống, Vũ-quốc-Thúc, Vũ-Thước, và bạn Thiếu-Son.

Một tạp-chí rất đáng đọc, cho những bạn muốn tìm hiểu chủ-nghĩa Dân-chủ Xã-hội.

82 trang — giá 15 đồng.

Thân-ái chào mừng TÂN XÃ-HỘI và chúc quý đồng-nghiệp sống lâu để phụng-sự lý-tưởng Xã-hội cho Đồng-bào và nhân-loại.

★ Tuần san VUI SỐNG—Sáng lập — Tổng lý : BÌNH-NGUYỄN-LỘC (Tòa soạn đường Phát-Diệm Saigon).

Đã phát hành đến số 3. PHỒ-THÔNG xin chúc quý đồng-nghiệp được « vui sống » trên đường xây dựng văn-hóa nước nhà. Giá 6 đồng.

★ THỜI NAY — Giám đốc : Nguyễn văn Thái, Chủ Biên : Trần Nhã. (Tòa soạn 217, Phạm ngũ Lão — Saigon)

Bản nguyệt san « Thời nay », xuất bản mỗi tháng 2 kỳ vào ngày 1 và 15. Đã ra đến số 2. Giá 10 đồng.

Phồ-thông thân ái chúc quý đồng-nghiệp được mạnh tiến trên đường phục vụ văn hóa.

#### Sách mới :

★ TÔI KHÓC EM CƯỜI (thơ) — của Trần hoan Trính, (Huế) Thuộc loại Thơ tình, độ 20 bài, tặng cô áo trắng, cô áo xanh, cô áo tím, v.v... In trên giấy glacé—Dày 45 trang—không đề giá —

★ ĐỘNG-TỪ ANH-NGỮ : của T.S. LONG. Sách giáo khoa dạy về động từ Anh-Ngữ và cách dùng động từ ấy. (English verbs, and how to use them) soạn rất công phu, đầy đủ, giải thích rõ ràng, nhiều ví-dụ — 180 trang 35 đồng (Nhà xuất bản Nguyễn-đình-Vượng, 38 Phạm-ngũ-Lão Saigon.



**Truyện dài của cô VÂN-NGA**  
(Tiếp theo P. T. số 18)

Trong khi ấy, các anh em Cẩm tử quân bị bắt ở Rạch-giá được thả ra do sự can thiệp của Ủy-ban Nhân-dân. Anh Thứ là Chim Xanh thì sĩ trong khi bị giam ở khám đường đã làm một bài thơ cảm động về chí khí của một Thanh niên bị dưng chân trên bước đường tranh đấu chống ngoại xâm, bởi nạn đảng phái tranh giành, khiến cho nhiều người ở Rạch - giá thông cảm tâm sự của cảm tử đoàn và rất có cảm tình với các anh. Bài thơ ấy hiện giờ còn nhiều người nhớ, mặc dù Chim Xanh thi-sĩ, đã thành người thiên-cổ !

Các anh Chim Xanh, Minh-Nguyên, Ca - vang, Thứ, Khải, Tường Vân.. v.v.. đều hoạt động trở lại dưới một hình thức khác: Văn-hóa kịch - đoàn. Buổi diễn đầu tiên của Văn-hóa kịch-đoàn ở tại Giồng-Riêng rất sôi-nổi màn kịch thơ Hội - nghị Diên - Hồng của Minh-Nguyên gây sự xúc-động trong toàn-thể đồng-bào nông dân, kịch hài-hước Thầy lang chuẩn mạch của anh Chín Lợi chọc khận giả cười thối lẩn-lóc và hiểu rõ tình ý sâu-sắc nằm ẩn trong ấy, tuồng hát bội tâu thời Quan-Công 45 đáp-đáp bấp Bần Đước tăng thêm nhiều phần duyên dáng và ngộ-nghĩnh v..v..

Hôm khai diễn, các anh có mời tôi đến xem, Anh Ca-vang bảo cùng tôi:

— Những lời vu khống về anh Thanh và các bạn không có gì đứng vững cả, các anh sẽ minh oan một cách dễ dàng. Chúng tôi muốn giữ lại một lực-lượng để khi anh ấy trở về là có thể bắt tay vào việc kháng địch ngay nên cố ẩn nhẫn sống tạm dưới hình thức một kịch đoàn lưu động. Chỉ cứ yên lòng đi, anh em vẫn nhớ tưởng và lo can-thiệp cho Thanh và các bạn.

— Anh có tin tức gì thêm nữa không?

— Nghe nói Thanh kêu nài tòa án đem ra xử gấp nên người ta đang nghiên cứu hồ sơ.

— Biết bây giờ còn kịp hay không?

— Dù sao thì ta cũng không mất lòng tin tưởng. Ở Sóc-trăng người ta cũng hiểu đó chỉ là một cuộc tranh chấp không đáng, và ủy ban kháng chiến bên này đã làm càng.

Nghe anh Ca-vang nói vậy tôi cũng chưa hẳn yên tâm. Nếu tòa án chưa kịp xử đến vụ của các anh mà Tây đổ bộ thì đảng nào các anh cũng bị nguy. Không bị mò tôm vì tình nghi Việt-gian, vẫn có thể bị Tây xử bắn bởi cái án chánh-trị phạm Côn-nôn còn sờ-sờ đó !

Cách hai hôm sau, những ghe tấn cù-tấp-nập đến đậu ở vùng tôi và cái tin Sóc-trăng hoàn toàn thất thủ được tung ra khiến cho tôi bàng hoàng đau đớn như bị xé rách cả lòng. Bao nhiêu hy vọng mong-manh của tôi giờ đây tan tành đi cả. Thanh sẽ không bao giờ về nữa. Lòng tôi dâng tràn một nỗi giá lạnh cô đơn của người xuân phụ đếm từng chiếc lá rơi để tưởng nhớ lại những kỷ niệm xa xưa...

Kỷ-niệm giữa chàng và tôi có gì đâu ? Vài tiếng nói thông-thả và điềm đàm của chàng chưa nói đủ hết tiếng lòng của một người trai đã yêu trong thời loạn !

Từ đó, cứ mỗi buổi chiều khi sương đêm vòn trên khóm lá và gió thu ri-rào trong cành cây, tôi lặng lẽ thấp nhàn trước bàn thờ ông Thiên lâm râm khấn vái cho

người mà tôi không còn biết sống chết làm sao nữa để cầu mong Trời Phật chứng minh cho tấm lòng chung thủy. Dưới trời sao bạc, mái tóc xanh của tôi rủ bờ thờ bên bờ vai áo trắng như một màu tang chế đang giết chết lòng tôi...

Một đêm khuya nọ, mỗi mồn trong giấc ngủ muộn, tôi chợt nghe có tiếng kêu cửa của nhiều người. Chắc các anh Văn-hóa kịch-đoàn lại đến viếng đây, tôi liền bước ra mở cửa.

Từ ngoài tối bước vào một người miệng nở tươi cười :

— Má có nhà không em ?

Tôi sững sốt rụng rời và chỉ kịp kêu rú lên một tiếng :

— Anh !...

Lỡ miệng rồi mới biết mắc cở, tôi quay vào trong, sung sướng đến cực độ :

— Năm à, dậy mau. Anh Chín về kia này !

Năm, em trai tôi, vội thấp đèn lên. Thanh bước vào với các anh Lê-Hiên, Kim và Điệp. Các anh có xanh xao ít nhiều, nhưng không qua đời tiêu tuý.

Lúc ấy, các bạn tôi cũng đều thức tỉnh. Thanh hỏi các anh :

— Mấy anh có đói không để tụi tôi nấu cháo gà ?

Thanh lắc đầu :

— Chúng tôi đã ăn xong từ chập tối.

— Sao các anh về được ?

— Không có tội gì, tòa tha cho

về chữ sao. Tuy vậy mà không phải là được trắng án đâu nhé: anh Thanh lãnh hai năm tù treo, còn mỗi chúng tôi thì tòa cho sáu tháng.

Nghe Điệp nói vậy, Năm liền hỏi :

— Tòa có nói về tội gì không?

Điệp nhại giọng của một người khác :

— Xét vì Tòa không đủ yếu tố để buộc tội phản quốc cho các đồng chí, Tòa tuyên án đồng chí Thanh 2 năm tù treo và mỗi đồng chí khác bị 6 tháng tù treo.

Có các bạn ở một bên, tôi cũng hơi dạn dĩ một phần nào và ngồi một bên ghế trưởng-kỷ nghe các anh nói chuyện.

Thanh lấy bịch thuốc lá vấn một điếu đốt hút và nói :

— Ở tù kỳ trước, tôi không biết hút thuốc và thường đi xin tàn thuốc về cho anh em hút. Đến chuyển ở tù này, tôi đâm ra nghiện thuốc nặng mới kỳ cho chó...

Kim, mặt đỏ mắt lé mãi mãi nhưng tạnh rất tốt, gạt gù bảo :

— Khi người ta có một tâm sự gì, hoặc giả nhớ nhung đến ai, người ta hay hút thuốc nhiều, cặp mắt lơ lơ nhìn vào làn khói lửng lơ để tưởng nhớ đến một hình bóng xa-xôi thì còn gì thú cho bằng !

Thanh ngó Kim cười tủm tỉm và tiếp thêm :

— Ít người hiểu rõ giá trị của

một hơi thuốc lá, hay nói trắng ra sự thèm khát của người nghiện thuốc đối với một hơi thuốc lá. Chỉ trong cảnh thiếu thốn cùng-cực, người ta mới hiểu rõ những sự đòi hỏi của nhu-cầu, làm con người trở nên hèn hạ đến đâu. Tở ra người tao nhã hay hèn-mạt là biết thảng được những kêu-gào quần bách của nhu-cầu hay là phải bị khuất phục bởi chúng. Năm ngồi tù trong khám lớn Saigon, chúng tôi không được hưởng một sự thăm viếng nào của thân nhân cả, và mỗi một tháng chỉ được gửi mua căn tinh có một lần nếu có tiền gửi dưới phòng kế toán. Những người không có tiền nhìn ăn nhìn hửi đã đành, được mua căn tinh cũng chỉ để dành thuốc đến nửa tháng hay 20 ngày là hết. Trong những lúc ấy, một mẩu tàn thuốc lượm được dưới đất thật là quý-báu lắm vì hầu hết các phạm nhân không được ra khỏi khám, trừ những ai bị bớt lính kín Ca-ti-na gọi đến điều tra bổ túc. Tâm lý con người thiệt là kỳ, biết bạn bị bầm dập, nhưng vẫn ao ước bạn trở về với ít ra một mẩu tàn thuốc lượm đâu được dọc đường. Thi ra bao giờ cũng vậy, cái xui xẻo của một người vấp là dịp may mắn cho những kẻ khác. Khi người bạn nào nhặt được một mẩu tàn thuốc về, cả khám mừng nôn lên, dù biết rằng mình sẽ chẳng hưởng là bao.. Người chủ tàn thuốc vẫn thêm giấy cặp vào sau đuôi mẩu tàn thuốc nọ

để được hút đến không còn một sợi thuốc nào. Chung quanh anh, những bạn bè thân thích nhất của anh vây một vòng, chờ đến phiên mình, và nếu ai bất thức thời vụ mà tham lam kéo một hơi thuốc dài thì cả bọn chắc lưỡi hít hà để tốp lại. Bên ngoài còn vài vòng bạn sơ sơ ngồi hửi hơi, trở mặt há miệng ra để thưởng-lần khói thơm. Bọn này không được hút, mẩu tàn thuốc có mấy đám hơi ! Nhưng được hửi. Sau nữa là kẻ ngoại cuộc ngồi ở xa nhìn lại mà thôi.

Có chứng kiến những cảnh nhục nhã và đau lòng như vậy, ta mới biết chánh trị khôn ngoan của thực dân là đưa dân nước mình vào cảnh cùng đồ thiếu thốn để cai trị mà trong ấy chúng chỉ đặc ân cho vài hạng người hết lòng làm tay sai cho chúng. Vì một mẩu tàn thuốc mà anh em ruột còn phải xích mích và từ bỏ nhau, cha con phải đối trá lừa gạt lẫn nhau, hưởng hờ cái bã công danh mùi phú quý nó làm cho lòng người điên đảo đến đâu nữa !

Vì thế, tôi tự nguyện với lòng rằng ghiền thuốc hay không ghiền, tôi chẳng khi nào nếm bỏ một mẩu tàn thuốc dài cả. Lúc sung sướng vẫn không quên hồi cực khổ thì con người mới giữ được khí tiết của mình, và nếu cần, có thể từ bỏ ngay sự sung sướng lúc nào cũng được. Vì vậy, lúc ở tù kỳ này, không bao giờ tôi buồn bã hay thói chí cả.

Điệp cũng cười đả :

— Ngày đầu bị vào khám Sóc-trăng, tôi thấy người ta dọn cho một tô cơm với vài con tép rang thật chán ngán, vậy mà anh Thanh bưng ăn ngon lành khiến cho anh em cũng gắng gượng bắt chước anh. Qua mấy bữa, cơm ăn thấy thiếu, và bây giờ thì thêm cơm gạo khám Sóc-trăng lắm !

Tôi hỏi trống :

— Còn anh Tám Long đâu ? Thanh nhìn về tôi và đáp :

— Anh Tám hiện nằm dưỡng bệnh ở Long-Mỹ.

— Anh Tám bị bệnh gì ?

— Anh bị mũi thuốc chích làm «ấp - xe», phải mổ ở nhà thương Sóc-trăng và khi về đến Long-Mỹ bạn Lý-Thanh cần đem ngay anh về nhà dưỡng bệnh. Tội nghiệp, anh đã tỏ ra rất can đảm khi tòa muốn dời phiên xử lại sau ngày mổ của anh một ngày mà anh không chịu. Nhọt độc của anh sưng lớn lắm, và sau khi được mổ xong, anh điềm nhiên ra đứng trước tòa để tự bào chữa cho mình khiến các quan tòa phải cảm động. Nhưng cũng nhờ vào sự can đảm ấy mà cả bọn khỏi bị chết.

Tôi ngạc nhiên hỏi, quên cả sự dè dặt :

— Ừa, sao vậy ?

— Vì tối hôm đó các anh được thả ra khỏi khám thì sáng lại máy bay của Pháp quần đảo trên châu thành Sóc-trăng, những kẻ tình nghi tức thời bị hạ sát ngay. (Còn nữa)



# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ BẠCH-YẾN

★ **Bạn Trần-vân-Mộng** — học-sinh Kỹ-Thuật Chợ-lớn

Mụn cóc (verruës) — Nếu có 1 đến 4 mụn thì có thể chữa trị bằng :

a) bôi acide chromique pur trong 10 ngày, mỗi ngày 1 lần.

b) đốt mỗi mụn với Galvanocentère hay với Etincelaye — Hai phương-pháp này chỉ có bác-sĩ chuyên môn mới làm được.

2) Nếu mụn cóc nổi nhiều nơi, 10 mụn trở lên thì phải cần đến Bác-sĩ khám, chớ nên tự chữa trị lấy rất nguy-hiêm.

3) Tại sao sinh mụn cóc ?

Tây-y có rất nhiều giả-thuyết, chưa có thuyết nào đúng, chưa biết được căn bệnh.

Đông-y thì cho tại cơ-năng của tiêu-trường không được bình thường.

B.S. : HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

★ **Bạn Hoa-Ngô-Đồng** — Quảng-Nam — hỏi :

1) Trong kỳ thi Tú-Tài vừa qua, một đề Việt-Văn nói về vấn đề Thiên mệnh tuần hoàn. Nhưng tôi lại đọc nơi mục «Nói hay Đùng» nơi báo Tự-Do, do ông Hiếu-Chân phụ-trách thì ông cho rằng Thiên mệnh là cố định, vì vậy không có vấn đề Thiên-mệnh, tuần hoàn, theo ý Hiếu-Chân thì nên bảo là Thiên-vận mới đúng. Mong quý báo cho biết THIÊN-MỆNH CÓ THỂ TUẦN-HOÀN KHÔNG ? và THIÊN-VẬN CÓ ĐÚNG KHÔNG ?

ĐÁP : Thiên-mệnh là ý muốn của «Trời», mệnh-lệnh của «Trời», như vậy có thể nói rằng Thiên-mệnh là cố-định, Thiên-mệnh là bất di bất dịch. Có thể dịch Pháp văn là *la volonté de Dieu*. Trong Sách Đại-học không có chỗ nào nói đến «Thiên mệnh tuần hoàn». Nhưng có thể nói «Thiên-vận tuần hoàn» vì Thiên-vận có nghĩa là Vận-mệnh của Người, do «Trời» đã định (Fatalité, Destinée) tỏ ý tin tưởng rằng mọi hành động của người đều do Trời sắp đặt trước. Như người Pháp nói :

«L'homme propose, Dieu dispose».

2) HỎI.— Trong chuyện Kiều nơi đoạn Kim-Trọng và Kiều thề ước với nhau nơi câu 438, Nguyễn-Du viết : «Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần» thế rồi tiếp câu 449 Nguyễn-Du lại viết :

«Vầng trăng vắng-vặc giữa trời»

Sao có sự mâu-thuẫn như vậy được ? Khi Kiều vừa đến thì thời gian lúc này là «bóng trăng xế», sau khi trở chuyện đến lúc thề ước thì «vầng trăng vắng vặc giữa trời» ?

Mong quý báo cho biết ý kiến.

ĐÁP : Bạn nhận xét rất đúng. Cụ Nguyễn-Du cũng như hầu hết các thi-sĩ của ta hồi trước, hình như không chú trọng lắm đến quan điểm thời gian và không gian. Cũng như cụ Nguyễn-Du, tả hình dung Từ-Hải :

«Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao».

Thì chúng ta khó mà tưởng tượng đúng được cái hình vóc của Từ-Hải. Nhất là cái thước của ta hồi xưa và của Tàu ngắn hơn cái thước métre hiện nay, thì cứ đo theo 10 thước cao hồi đó gần bằng 13 mét bây giờ, nghĩa là Từ-Hải cao gấp 7 lần Đại-tướng De Gaulle. như vậy chắc cô Kiều chỉ đứng đến đầu gối Từ-Hải mà thôi !

HỎI:— Luôn dịp xin quý báo cho biết có phải Luật-Sư Vương quang Nhưông là rể (phò mã) của Cụ hoàng Thành-Thái không ?

ĐÁP : Phải.

★ **Cô Thanh-Thanh** — Sài-gon

Bài «Chiếc lá cuối cùng» đã đăng rồi trong PHỔ-THÔNG số 3 trang 68. Cô có thể viết bài khác.

★ **Bạn Diệp-Bích** — Trương-tấn-Bửu — Sài-gon

Trong bài nói về Lê-văn-Trương (P.T. số 18) trang 66, thay

vì câu: «*Một cái tát tai rất mạnh vào má*» Xin đọc là «*một cái tát rất mạnh vào má*». Ấn Công sắp dư chữ «*tai*», nhưng lúc sửa bài không thấy. Thành thực cảm ơn bạn đã chỉ cho.

★ **Bạn Phạm-Chu-Trình — Báo-Lộ**

Trong thư bạn nói bạn: «*Chỉ là một kẻ hậu sinh, học ít, tuổi nhỏ, không được hân hạnh chứng kiến một sự trạnh lịch sử văn học Việt-Nam thời Phong-Hóa và Tự-lực văn đoàn, nên không được cái diễm-phúc hiểu kỹ càng các chi-tiết của thời-đại đó...*» v.v...

Vậy, chúng tôi sợ rằng những nhận xét của bạn về văn học sử thời kỳ đó chưa được xác đáng lắm chăng? Muốn nhận xét về văn học sử, cần phải nhiều kinh-nghiệm văn-học, và hiểu biết thấu triệt các vấn-đề liên-quan đến văn học. Chúng ta chờ xem ý kiến của các nhà văn học sử có uy-tin thì có lẽ hơn. Thân chào bạn.

★ **Một bạn đọc ở Huế**

1) Hiện chúng tôi cũng không được rõ về cuộc đời và sự nghiệp của nữ sĩ T.T.KH.

2) Sau đây là bài «*Hai sắc hoa Ti-gôn*» của T.T.KH, mà bạn muốn biết:

*Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn.  
Nhật cánh hoa rơi, chẳng thấy buồn.  
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc.  
Tôi chờ người đến với yêu đương.*

★

*Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng.  
Giải đường xa vút bóng chiều phong.  
Và phương trời thăm mờ sương cát  
Tay vịn dây hoa trắng cạnh lòng.*

★

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi.  
Thờ dài trong lúc thấy tôi vui  
Bảo rằng: «*Hoa giống như tim vỡ*»  
Anh sợ tình ta cũng thế thôi!*

★

*Thuở ấy nào tôi có hiểu gì,  
Cánh hoa tan tác của sinh lý  
Cho nên cười đáp — «*Màu hoa trắng  
Là chút lòng trong chẳng bợn gì!*»*

★

*Đâu biết lần đi một lối-làng  
Dưới trời đau khổ giết yêu đương.  
Người xa xăm quá, tôi buồn lắm  
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường.*

★

*Từ ấy Thu rồi, Thu lại Thu,  
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.  
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ  
Người ấy cho nên vẫn hững hờ.*

★

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời?  
Ái ân lại lèo của chồng tôi  
Mà từng thu chết, từng thu chết  
Vẫn dấu trong tim bóng một người.*

★

*Buồn quá hôm nay xem tiểu thuyết  
Thấy ai cũng ví cánh hoa rơi  
Nhưng hồng trạ trái tim tan vỡ,  
Và đỏ như màu máu thấm phai.*

★

*Tôi nhớ lời người đã bảo tôi?  
Một mùa Thu củ rất xa xôi.  
Đến nay tôi hiểu thì lời đã  
Làm lỡ tình duyên củ mất rồi!*

★

*Tôi sợ chiều thu-nắng phớt mờ  
Chiều thu hoa đỏ rụng chiều thu*



*Gió về lạnh leo chân mây vắng,  
Người ấy bên sông đứng gọi đò.*

*Nếu biết rằng tôi đã có chồng  
Trời ơi ! người ấy có buồn không ?  
Có thăm nghĩ tới loài hoa vò.  
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ?*

★ **Em Vô Công Luận — Hà Tiên.**

Đã nhận được thơ của em. Vàng, chị cũng mong có dịp đi Hà Tiên, để ghé thăm em — Chúc em gặp nhiều may mắn trên đường học vấn.

★ **Bạn C.V.K — Nha trang.**

Bạn nên đem bài toán ấy đề nhờ các ông giáo sư của bạn giải hộ. Rất tiếc trong phạm-vi của mục này, chúng tôi không thể giảng rõ ràng được.

★ **Bạn Thiện Phúc — Bến Ngự — Huế**

1) Bạn xem lại PHỒ-THÔNG số 18 trang 122 có giảng nghĩa rõ ràng về chuyện « Chuồng ngựa của Augias »

2) Các nước theo đạo Hồi Giáo hoặc Phật Giáo tiêu thừa, như Ấn-Độ, Cao-Miên, Miến-Điện v.v., còn dùng lễ « hỏa thiêu » người chết.

★ **Cô Kim-Dung — nhà sách Rạng-Đông — Quảng-Trị**

Các nữ văn-thi-sĩ đã có tiếng tăm, hiện ở trong Nam có : Bà *Tương-Phổ* ở Nha-Trang, tác-giả « *Giọt lệ Thu* », người Bắc di cư vào Nam. Bà *Ngọc-Anh* tức là bà *Án-Sơn*, (vợ ông *Án-Sát* tỉnh Sơn-Tây hồi trước). Hai bà ấy đã già lắm. Người Nam có bà *Tùng-Long*, viết tiểu thuyết.

★ **Ông Trần-Minh — An-Giang.**

Các số báo cũ hiện ở tòa-soạn cũng không còn, khi nào còn chúng tôi sẽ loan tin trên báo.

★ **Bạn N.A.I. — Hội Tin lành — Vinh-Long.**

1) *Duy tâm luận* : luận thuyết chủ trương rằng tinh cảm (Tâm) chi phối mọi sự vật thực tại trên đời. Trong tinh cảm có bao gồm cả tinh thần, lý tưởng (Idéalisme — Spiritualisme)

*Duy vật luận* : Luận thuyết chủ trương rằng vật chất chi phối mọi sự vật thực tại trên đời. Tinh thần, tinh cảm, lý tưởng, đều chỉ là phụ thuộc của vật chất (matérialisme).

2) Quyển *Bonjour tristesse* của *FRANÇOISE SAGAN* hiện có bán ở các hiệu sách lớn Sài Gòn.

★ **Bạn Thanh Xuân — Sài Gòn**

Hình vẽ trong PHỒ-THÔNG số 18 trang 43 là vẽ theo lối trang hoàng (*Décor*) nghĩa là không theo một định luật nào cả, chứ không phải vẽ theo tự nhiên (*naturel*)

★ **Bạn Hồng Khuê — Nha Trang**

1) « *Xăng phủ* » là tiếng nói theo tiếng Pháp : *Je m'en fous, il s'en fout* ( Tôi không cần, nó không cần ).

2) « *Ba gai* » tức là *pagaie* ( cuộc hỗn độn, vô trật tự )

3) B.Y. cộng sự viên tạp chí PHỒ-THÔNG, không phải là cô Bạch-Yến nữ ca sĩ ở các trà thất,

★ **Bạn Lâm tăng Sơn — Qui Nhơn**

Những tạp báo ấy, hiện nay không có nơi nào bán cả.

★ **Em Lỗ thanh Sơn — Lâm Đồng**

1) Trước khi nhập học trường Sư Phạm, các giáo sinh phải qua một kỳ khám sức khỏe, nếu bệnh sẽ bị loại ra.

2) Em đến Nha học chánh hồi lại, có lẽ bằng tiêu học năm 1955 đã phát rồi.

3) Nam nữ học sinh không nên đeo nhẫn cưới (*alliance*). Chiếc nhẫn cưới chỉ dành riêng cho những người đã lập gia thất rồi, đeo ở ngón tay áp út. Em còn là một học sinh chưa lập gia thất, tốt hơn nên đeo nhẫn có hạt.

★ **Em Chung Thụy — Cholon**

Thi tứ của em rất dồi dào, em nên cẩn thận hơn về niêm luật, sẽ thành công. Thân mến.

★ **Bạn Nguyễn Hương Hòa — Sài Gòn**

1) Các văn nhân thi sĩ danh tiếng không có ai tên là Huy-Phương cả.

2) Các thư nào nhận trước chúng tôi trả lời trước. Mặc dầu thư từ nhiều, chúng tôi vẫn luôn luôn phúc đáp, sớm hay muộn.

★ **Bạn Hoàng Hải — Sài Gòn**

Câu chuyện giữa hai đứa bé cãi nhau về mặt trời gần, mặt trời

xa, chỉ là một giai thoại về Hạng Thác và Đức Không Tử thôi. Còn về khoa học, thì :

— Khoảng cách xa nhất từ địa cầu đến mặt trời (*aphélie*) ngày 1-7, là 151.996.000 km.

— Khoảng cách gần nhất từ địa cầu đến mặt trời (*périhélie*), ngày 1-1, là 146.993.000 km

— Khoảng cách trung bình là 149.504.000 km. Còn buổi sáng thấy mặt trời lớn, trưa thấy mặt trời nhỏ đó chỉ là một ảo tượng (*illusion optique*).

### ★ Bạn Huỳnh thanh Thoại — Huế

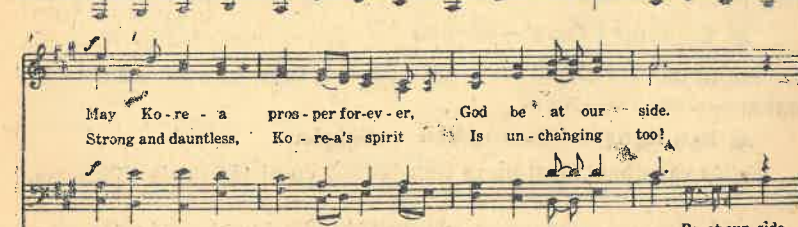
Sau đây là Nhạc Quốc Thiệu Triều Tiên.

*Andante maestoso*



1. Till Pak - doo Mountain<sup>1</sup> wears a - way, or East - ern Sea has dried  
2. As ar - moured, stand the Nam-san<sup>2</sup> Pines, changeless thru winds and dew

Sea has dried  
winds and dew,



May Ko - re - a pros - per for - ev - er, God be<sup>3</sup> at our side.  
Strong and dauntless, Ko - re - a's spirit Is un - changing too!

— Be at our side  
— Unchanging too!



CHORUS

Flow'r ing Moo Koong<sup>3</sup>, this our sym - bol o'er three thousand Ri<sup>4</sup>

We'll preserve our beau - ti - ful homeland, Thru ter - ni - ty.

## TRA LỜI NGÀY THÁNG AN VÀ DƯƠNG LỊCH

### ★ Ông Hoà Liên — Huế

Ngày 24 tháng hai là ngày Nhâm Tuất chứ không phải ngày Hợi mà bạn đã nói. Nếu Hợi thì là ngày 25 chứ không phải 24.

Năm Đinh Sửu tức là năm 1937 Dương lịch. Giờ Tuất vào lối 20 giờ đến 21 giờ,

### ★ Ông Hà văn Quan — đường Pasteur — Mỹ tho

Ngày 17-2 âm lịch năm Ất Dậu nhằm ngày Thứ sáu 30-3-1945, dương lịch.

### ★ Ông Biện ngọc Bái — k.b.c 4.128.

Ngày 14-7-1955 là ngày 25-5 năm Ất Vị, tháng Nhâm Ngọ, ngày Bình tý.

★ **Một độc giả ở Tourane.**

Ngày 15-8 Âm lịch (D.L 1932) là năm Thân chứ không phải năm Dậu.

15-8 Thân = Thứ năm 15-9-1932.

15-8 Dậu = Thứ tư 4-10-1933.

★ **Ông Ngô-Vinh-Hồi — k.b.c 4041**

Ngày 10-3-1943 Dương-lịch tức ngày 5-2 năm Quý-Vị, tháng Bình Thìn, ngày Đinh-Mão.

Ngày 1-1-44 Dương-lịch tức ngày 6 tháng chạp năm Quý-Vị tháng Ất-Sửu, ngày Giáp-Tý.

★ **Một độc giả ở Huế.**

1) Ngày 15 tháng 8 âm-lịch (1945) là ngày thứ năm 20-9-45 D.L

2) Ngày 15 tháng 8 âm lịch (1946) là ngày Thứ Ba 10-9-46 D.L.

★ **Ông Đỗ-Đức-Thuận — Đà-Nẵng.**

— Ngày 7-2-1930 Dương-lịch là ngày 9, tháng giêng năm Canh ngo, tháng Mậu-Dần, ngày Mậu-Tý,

— Ngày 2-7-1935 là ngày 2-6 năm Ất-Hợi, tháng Quý-Vị, ngày Kỹ-Mão âm-lịch.

★ **Cô Bùi thị Cẩm-Hà — Tuy-Hòa**

Ngày 21-2-1945 nhằm ngày mồng 9 tháng Giêng năm Ất-Dậu, ngày Tân-Dậu tháng Mậu-Dần.

★ **Bạn Nguyễn-phương-Hòa — học sinh Chu-văn-An — Sài Gòn**

Ngày 12-8-1941 là ngày 20-8 năm Tân-Tị, tháng Ất-Vị, ngày Nhâm-Thìn.

★ **Ông Nguyễn-phùng-Hiệp — Bến-Ngự — Huế**

Ngày 13-11-1938 nhằm ngày 22-9 năm Mậu-Dần, tháng Nhâm-Tuất, ngày Kỹ-Dậu.

★ **Ông Lưu-Hệ — Sài Gòn.**

Ngày 15-5 âm-lịch năm Tân-Dậu là ngày Thứ hai 20-6-1921 Dương lịch.

★ **Ông Phan công Tiếng xã Bình Phú**

Ngày năm 1877 là năm Đinh Sửu, 1878 : Mậu Dần, 1876 : Bình tý, 1874 : Giáp tuất và 1905 : Ất tý.

★ **Ông Nguyễn văn Lai — k.b.c. 6050**

Ngày lễ Toussaint 1936 DL, là ngày 18 tháng 9 năm Bình Tý âm lịch, tháng Mậu Tuất, ngày Đinh Hợi

★ **Trung Ủy Đoàn văn Lập — k.b.c. 4002**

Ngày 29 tháng 11 âm lịch năm Canh Ngọ (giờ Hợi) nhằm ngày Thứ bảy 17-1-1931 vào lối 22 giờ.

★ **Ông Pho thái Đa — đường Đoàn như Hải Saigon.**

Ngày 16-7-1920 là ngày mồng một tháng 6 âm lịch năm canh thân, tháng qui vị, ngày Ất Hợi.

★ **Cô Tuyết Nga — đường Nguyễn phi Khanh — Saigon**

— Ngày 20-5-1942 nhằm ngày 6 tháng 4 âm lịch năm nhâm ngo tháng Ất Ty, ngày Quý Dậu.

— Ngày 9-7-1940 nhằm ngày 5 tháng 6 âm lịch năm Canh Thìn tháng Quý Vị, ngày Quý Sửu.

★ **Ông Mai Liêm — Kiến Hòa**

Ngày 27-7-1938 là ngày mồng 1 tháng 7 âm lịch năm Mậu Dần tháng Canh Thân, ngày Canh Thân

★ **Cô Nguyễn thị Ngọc Cúc—đường Trần hưng Đạo—Saigon.**

Ngày 11-1-1938 nhằm ngày mồng 10 tháng chạp năm Đinh Sửu tháng Quý Sửu ngày Quý Mão,

★ **Ông Hồ ngọc Ân — An Giang**

— Ngày 26-6 âm lịch năm Ất Hợi ; 29-7-1935 D. L

— Ngày 15-7 âm lịch năm Mậu Dần ; 10-8-1938

— Ngày 5-11-35 ; mồng 10 tháng 10 âm lịch năm Ất Hợi tháng Đinh Hợi, ngày Ất Dậu.

★ **Bạn Ái Lan — Phan Rang**

Ngày 30-2 âm lịch 1941 : Mardi 27-3-1941 Dương lịch

★ **Bạn Văn duy Thảo**

— Ngày 15-7 âm lịch năm 1941 : Thứ bảy 6-9-1941

— Ngày 9-8 âm lịch năm 1946 : ngày Ất Mão tháng Bình Thân năm Bình Tuất.

NGUYỄN TRIỆU

## BẠN ĐỌC VIỆT

★ **Xã-giao.**

**Bạn Tạ Gia — Kiến Hòa**

« ... Cô Bình Minh viết trong Phở Thông :

« Nhiều người vô nhà người ta cứ để nón trên đầu. Đó cũng là một cách vô lễ... Nhưng còn một số các người « cô ăn học » hẳn hoi

*bước vô tiệm ăn, vô phòng xi-nê. Nghĩa là vô chỗ đông người, vô ai để mũ trên đầu, không chịu lấy xuống cầm tay... »*

Những người như thế thật đáng trách, tôi rất đồng ý. Như cô Bình Minh đã nói. Song tôi nhớ lại một chuyện để tức cười trước đây vừa được một năm.

Hôm ấy, tôi vô một tiệm nước, giở mũ cầm tay bất tiện, Vì hai tay tôi mắc « phục vụ », miếng ăn. Tôi để mũ trên bàn, Khi ăn xong, đi ra quên lửng cái mũ! Đi một quãng thật xa, sức nhớ cái mũ, vội trở lại kiểm, thì thấy cái mũ đã biến mất. Tôi hỏi ông chủ tiệm nước có thấy cái mũ của tôi đâu không, thì ông ấy bảo : « Huệ lai thộp vật, quý khách tự ly ». Đã vậy, mà về vợ tôi còn « phùng xoè » xô nho : « Minh sao không biết câu : « Vật bất ly thân ? »

Thưa cô, như thế phải áp dụng và chậm chước thế nào cho thích hợp trong thời buổi sinh hoạt chật vật, tiền khó kiếm mà lại nhiều kẻ tham lam ?.. »

XIN ĐÁP: Lần sau bạn ra về xin nhớ cái mũ, thế là khỏi mất mũ, mà lại còn giữ được phép lịch sự,

★ Hỏi ảnh của ông Tú, Bà Tú.

Của bạn Ngô-d-Mãng — k.b.c. 3072

«... Tôi rất mong được hân hạnh ông bà cho tôi một cái ảnh chụp chung\* nhỏ hay lớn cũng được để tôi làm kỷ niệm cho trang báo «Mình ơi» của ông bà từ lâu mà tôi quý nhất.

Cầu chúc ông bà nhiều sức khỏe, mong ảnh của ông bà gửi cho ...»

ĐÁP: Vàng, hôm nào chúng tôi có ảnh, sẽ xin kính gửi tặng ông bạn. Chào thân mến.

★ Vé số tombola

Của Ô. Đan-Thanh — Thủ-Thừa

Nhiều lần đến công sở xin phép v.v... chúng tôi được người ta gán cho nhiều giấy số Tombola. Đến ngày xổ, chúng tôi tìm khắp các nhật báo, nhưng không thấy gì cả! Vậy nên :

*Nhấn ai ? bày số Tôm-bô-la !*

*Đình ? xổ ! xin ai tuyên bố ra !*

*Nhật báo tên gì ? đăng kết quả !*

*Hoài công chúng tờ mai trông mà !*

ĐÁP:

*Ai bày xổ số tombola,*

*Thì bạn viết thư biểu nói ra !*

*Tap-chi Phô-Thông không xổ số,  
Hỏi chi tội-nghiệp thế ru mà !*

★ T.T.KH. ?

Nhân đọc Phô-Thông số 16, tôi được biết ông sắp cho phát hành số Phô-Thông đặc-biệt Trung-Thu, tôi mạo muội gửi đến ông bài thơ «Thụ ngục thất» sau đây.

Thưa ông,

Vì một lý do riêng, tôi không thể xưng tên và địa chỉ của tôi, nhưng xin ông tin tưởng rằng dù ở trong một hoàn cảnh chật hẹp, chúng tôi vẫn tìm hiểu ông qua báo Phô-Thông.

Chúng tôi sẽ tiếp tục gửi bài vở đến quý tòa-soạn, nếu được ông trả lời trên mặt báo Phô-Thông.

Nay kính

T.T.KH

**THU NGỤC THẤT**

GỎI TÂM

*Biệt-ly nào phải quơn hà.*

*Thu về nắng tắt, đã là biệt-ly,*

*Xuân tàn nhớ độ xuân thì.*

*Nắng tàn nhớ bóng tà huy cuối trời.*

*Thu về lá đỏ rơi... rơi.*

*Thu về ủ lạ men đời lòng tôi.*

*Nghẹn-ngào nói chẳng nên lời.*

*Ngại-ngùng thắm gửi một trời nhớ thương.*

*Thu đi trên vạn nẻo đường.*

*Tôi nhìn qua bốn bức tường tìm thu.*

*Tìm đâu trong cảnh thân tù.*

*Tìm đâu cánh nhạn mịt mù hoài mong.*

*Thu say cỏ nội hoa đồng.*

*Tôi ngồi bấm đốt đếm dòng thời-gian.*

*Gió thu trút ngọn lá vàng.*

*Mây thu từng lớp nhịp-nhàng về đầu.*

*Trời thu lê-tát một màu.*

*Trăng thu hồ-hững gọi sầu cô-miên.*

*Ngày thu ai để lỡ duyên.*

*Ý thu là nỗi ưu phiền đời tôi.*

*Tình thu nức nở thành lời.*

*Tiếng thu có thấu tai người hay chẳng !*

T.T.KH.

Lời tòa soạn: Chúng tôi đăng bức thư và bài thơ trên đây mà không biết «T.T.KH» là ai? Vậy chúng tôi yêu cầu tác giả cho bạn đọc biết xác thực hơn để tránh sự lầm lẫn với T.T.KH tác-giả bài thơ «Hai sắc hoa tigôn». Xin thành thật cảm ơn.

★ Của Bà X... Tự giáo huấn — Phước Tuy

Thưa ông, tôi rất lấy làm đau đớn khi nhận được tâm sự của ông giáo X. ở Kiến Hòa. Sau khi bàn cãi với một số giáo chức Tôi thấy có một lối thoát rất sáng để cho các ông bà giáo soi vào.

Một số học sinh bây giờ, từ thành thị cho đến thôn quê xa xôi hẻo lánh đều mắc phải bệnh: buồn bĩnh, lờn mặt và vô lễ đối với thầy và cô giáo. Nhưng thưa ông, chúng là những con chim non nớt, dễ điều khiển, rèn luyện nhờ bóp cách nào cũng được. Sao những giáo chức không biết sửa đổi chúng.

Trước hết muốn cho học trò kính nể: thầy giáo phải có uy tín (không phải bắt nạt hay đánh đập). Thầy phải công bình đừng thiên vị (thiên vị là một tai hại rất lớn) Thầy đừng giỡn với học trò chúng lờn mặt rồi thì khó sửa đổi được

Thầy phải đứng đầu: Đừng rượu chè ngã đường ngã sá. Có những ông giáo «trời đánh» cứ tối đánh bạc, ban ngày hết giờ học lại say sưa (Đó là sự thật chính mắt tôi đã thấy)

Có những ông lại chinh phục những quả tim non nớt của nữ sinh. Chừng lỡ rồi gia đình không cho. Và còn có nhiều chuyện tày trời. Họ đã vô tình bôi nhọ vào giáo giới chúng tôi, trong những kẻ bất lương ấy có cả Nam và Nữ giáo chức.

Thưa ông, tôi bị bệnh đau mắt, không thể viết nhiều nữa được.

Xin ông thêm hoặc bớt những ý-kiến đơn-sơ của chúng tôi, cho vào chỗ nổi lòng nhà giáo.

Tôi tin khi ông giáo Kiến-Hòa đọc được tin này, sẽ ngó ngoai bớt khổ tâm mình. Mà sốt-sắng rà kỹ lại lương tâm chức nghiệp của mình:

- 1.— Có thiên vị?
- 2.— Có làm cho học sinh lờn mặt?
- 3.— Mất uy-tin với học trò nhiều lần chăng?
- 4.— Đối với học sinh ông có cư xử tốt?

Nếu ông đừng dẫn, có đủ tư cách một nhà mô phạm mà học trò vô lễ thì đó là lỗi tại Phụ-Huynh không răn đe con vậy.



★ BA TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

- |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>2782.— Thương chồng nấu cháo<br/>le le<br/>Nấu canh bông bự nấu<br/>chè hột sen.</p> <p>2783.— Thiên duyên kỳ ngộ gặp<br/>chàng<br/>Khóc gì như thế phương<br/>hoàng gặp nhau<br/>Tiện đây ăn một miếng<br/>trầu<br/>Hỏi thăm quê quán ở<br/>đâu chẳng là<br/>Xin chàng quá bước về<br/>nhà<br/>Trước là trò chuyện<br/>sau là nghỉ chân,</p> <p>2784.— Trăm sông nước chảy</p> | <p>ngã nguồn,<br/>Không nơi nỉ thì nơi<br/>khác chớ buồn làm chi,</p> <p>2785.— Trăm năm dầu lồi hện<br/>hò<br/>Cây đa bến cũ con đò<br/>khác đưa<br/>— Cây đa bến cũ còn<br/>hư<br/>Con đò đã thác năm xưa<br/>đi rồi</p> <p>2786.— Trăm năm trăm năm<br/>trăm năm,<br/>Bắt rầu ông nọ đặt cầm<br/>mụ kia</p> <p>2787.— Trắng da vì bôi phấn<br/>đôi</p> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

- Đen da vì bởi em ngồi  
chợ trưa.
- 2788.— Ước gì sông hẹp bằng  
giang  
Bắc cầu già yếm cho  
chàng sang chơi
- 2789.— Uốn tay cho mềm, dặt  
cử cho ngoan  
Lấy tiền ta đóng việc  
quan cho chồng
- 2790.— Vai mang bị bạc lè kè  
Nói quấy nói quá chúng  
họ nghe râm râm.
- 2791.— Vàng sa xuống nước  
vàng chìm;  
Anh sai lời hẹn khó  
nhìn mặt nhau
- 2792.— Vắng mặt nhau ra một  
ngày chân đi không muốn  
bước, Hai ngày xuống  
nước không muốn lên.  
Đạo càng thường nhớ  
lắm không quên  
Em đây muốn họa hình  
bức tượng để treo  
phên giải buồn
- 2793.— Vì chàng thiếp phải bắt  
cua  
Nhưng như thần thiếp  
thiếp mua ba đồng
- 2794.— Vì ai nóng nổi sầu này  
Hái rau quýt nhủ sao  
đầy giỏ nghiêng
- 2795.— Vì ai cho thiếp vọ vàng  
Vì chàng tư lự hoa tàn  
nhị rơi  
Cực lòng thiếp lắm  
chàng ơi!  
Biết rằng lên ngược

- xuống xuôi đang nào ?
- 2796.— Vì ba hữu sắc vô hương,  
Bởi người quân-tử chưa  
từng vị-ba.
- 2797.— Vui thay vui thuở hội-  
đồng,  
Buồn thay buồn thuở có  
chồng đến nay
- 2798.— Việc gì mà lụt chi với  
phiên tâm,  
Dẫu có xa nơi hương-  
xa, gặp chỗ quê trâm  
cũng thơm danh.
- 2799.— Xin chàng kinh sử học  
hành,  
Đề em cây cày cửa canh  
kịp người.  
Mai sau xiêm áo thanh  
thời,  
On trời lộc nước đời  
đời hiền vinh,
- 2800.— Yển sa nhằm chốn bạch-  
sa.  
Lấy chi đèn nghĩa mẹ  
cha sinh thành
- ★ của THANH-TÂM
- 2801.— Không đi thiếp nhắc  
chàng trông,  
Có đi thì mắc cái sông  
Ngán-hà  
Không đi thì nhớ thì  
trông.  
Có đi thì mắc cái sông  
cái cầu.
- 2802.— Ngọn gió phất - phơ  
ngọn cờ phơ cất.  
Nồi đồng cũng sôi, nồi  
đất cũng sôi.
- 2803.— Anh ở làm sao cho vợ  
anh hồi.

- Bây giờ anh than đứng  
khóc ngồi với ai ?
- 2804.— Cây kiềng vàng đeo lâu  
còn đỏ.  
Đôi đũa mình còn nhỏ  
còn thương.  
Dầu mà cha mẹ không  
thương,  
Đôi đũa mình trải chiếu  
ngoài đường lay vô.
- 2805.— Con chim nhỏ nhỏ cái  
mỏ nó dài,  
Cái duyên nó đẹp, cái  
tài nó xinh.
- 2806.— Chim quýt ăn trái lúa  
chùm.  
Nào ai gá nghĩa bạn  
chỉ giùm làm ơn.  
Thương sao thương quá  
bất nhơn,  
Bữa này gặp mặt thương  
hơn bữa nào.
- 2807.— Ngọn đèn tia, ngọn đèn  
tia  
Ngọn lan dâm, ngọn  
mía cũng dâm  
Anh thấy em tốt quá  
anh làm  
Bao giờ anh rõ lại giận  
bầm lá gan
- 2808.— Tay em bưng bát nước  
dây  
Đồ đi hất lại sao dây  
duyên xưa  
Làm người sao khỏi  
nặng mưa  
Từ ta xa bạn tử như  
chưa mắc lòng
- 2809.— Đi dân đạo địa thanh tôn  
Về nhà cũng bưng bụi  
môn sau hè.

## ĐẠI-HỘI PHẬT-GIÁO toàn quốc lần thứ III

Đại-Hội Phật-Giáo toàn quốc  
lần thứ ba đã khai mạc tại  
Chùa Xá-Lợi đường Bà huyện  
Thanh-Quan, Sài Gòn, vào chiều  
Thứ Bảy ngày 5-9 lúc 15 giờ 45.

Buổi lễ khai-mạc dưới sự  
chủ-tọa của Thượng Tọa Tịnh  
Khiết, với sự hiện diện của Phó  
Tổng-Thống Nguyễn-ngọc-Thơ  
và nhiều vị Bộ-Trưởng, và số  
đông quan khách.

Sau lễ tụng kinh của các vị  
Hòa-Thượng trước bàn thờ  
Phật, Hòa-Thượng Thích Mật  
Nguyễn đại diện Thượng-Tọa  
Tịnh-Khiết đọc diễn-văn nói đến  
sự tiến-triển của Phật-Giáo tại  
Việt-Nam trong ba năm qua.

Trong phiên công-tác đầu  
tiên của Đại-Hội Phật-Giáo  
toàn quốc, ông Mai-thọ-Truyền  
Tổng thư-ký hội Phật Giáo Việt-  
Nam cho biết trong những năm  
qua nhiều phái đoàn Việt-  
Nam đã tham dự nhiều hội  
nghị Phật-Giáo Quốc-Tế. Nhiều  
vị Sư đã du học Ngoại-Quốc,  
ở Nhật, Ấn, Mỹ, Anh, đã đỗ  
bằng Tiến-Sĩ Triết-học, hoặc  
các bằng Phạn ngữ (sanskrit)  
và Ba-li. Ban Gia-đình Phật-Tử  
cũng đào tạo được một số rất  
đông thanh thiếu niên và nhi-  
đồng Phật-Tử, dưới khẩu hiệu  
BI, TRÍ, DŨNG.

Chúng tôi thành-kính chúc  
Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam  
thành công trong việc thống  
nhất Phật-Giáo toàn quốc và  
Phật sự tiến-triển mạnh mẽ.

P. T.

(Còn nữa)



# HAI CUỘC HỘI THƠ

RẤT HẢO HỨNG  
TRONG HAI ĐÊM

## TRUNG THU

ở SAIGON

I

✧ của TRƯƠNG-MỘNG-LAN

RƯỚC ngày Trung-Thu, một số đông các Thi-Văn Nghệ-sĩ ở Thủ-đô có nhận được thiệp mời duyên-dáng như sau đây :

**KÍNH THƯA ANH CHỊ,**

*Nhân dịp Trung-Thu, chúng tôi trân trọng kính mời anh chị đến 20 giờ ngày 18-9-1959 (16 tháng 8 ta), quá bộ lại dùng bánh tại nhà riêng chúng tôi số 38 Trú-Khu Cao-Thắng, để cùng một số thân hữu họp mặt, thưởng trăng.*

*Thân mến*

**TRẦN-THỨC-LINH**

Y phục : Áo chim cò

Ai cũng biết ông Trần-Thức-Linh là một vị Luật-khoa cử-nhân, cựu Tỉnh-Trưởng, cựu Quan-Tòa, và hiện nay là Tổng-Thư-Ký Bộ Thông-Tin và Thanh-niên. Nhưng người ký tấm thiệp - mời rất khả - ái này không phải là một trong ba bốn công-chức quan trọng kia đâu, mà chỉ là một Thi-sĩ. Vâng, trong giới Văn-ngệ Thủ-đô, ai mà không biết nhà Thơ tài-hoa duyên-dáng, yêu Thơ, yêu Trăng, yêu Hoa, yêu Mộng, lúc nào gặp Bạn cũng nhòe một nụ cười tươi thắm, diễm vài lời thơ thanh-tạo...

Cùng với nụ cười ấy, đêm 16

tháng vừa rồi, nở như hoa Cúc vàng, ông mặc áo sơ-mi cắt tay niềm nở đón tiếp các bạn Văn-ngệ, bên cạnh « Nàng Thơ » của ông, Trần-phu-nhân trẻ đẹp. Cảnh nhà nên thơ làm sao! Đèn-lồng Nhật-bồn dăng trước mái hiên rọi ánh sáng mát dịu trên những chậu hoa, lẫn với các ghế ngồi, các chiếc bàn nhỏ bày đầy bánh, kẹo... Tôi rón-rén bước vào trong lúc khách đã đông. Tôi rất tiếc chỉ được hân-hạnh biết mặt mấy Thi-sĩ : Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, Tchya, Nguyễn Vỹ, Đông Hồ, Đinh Hùng, Trần Đình Khải, Nguyễn Mạnh Côn, Phạm Tăng, nhạc-sĩ Thầm-Anh và bà, Hoạ-sĩ Tú-Duyên và bà, Thi-sĩ Đoàn-Thêm, Phó Đổng-lý Văn-phòng Tông - Thống - Phủ, và Nữ - sĩ Mai-Anh, các kiến-trúc sư Vĩnh Dự, Võ-đức-Diên, ông Nguyễn-Duy-Miến, Văn-hóa Vụ trưởng, các nhà Văn Phùng-tất-Đặc, Nguyễn - Doãn - Vương, v. v... Còn nhiều nữa, nhưng Xin các Quý Ngài tha lỗi cho, vì tôi không nhớ được hết. Tôi nghe lỏm nhà Thơ Tchya nói Thi-sĩ Vũ - Hoàng-Chương vì say rượu nên không đến được, và hình như còn một số Văn-ngệ sĩ nữa cũng không

đến được vì bận việc nhà. Hội Tao-dàn đêm nay hào-hứng vô-cùng, nhờ chủ và khách đều hân-hoan trong bầu không-khí thân-mật rất tự-nhiên, lại có một Nữ-Ca Sĩ lừng danh ở Bắc-Hà ngâm thơ rất du-dương, và một nhạc-sĩ thổi sáo, một nhạc-sĩ gảy đàn, đưa lời thơ bằng trầm réo-rất, kèm chỉ khúc nhạc Nghệ-thường!

Tôi chép lại được vài ba bài thơ trong số các bài ngâm đêm ấy, tất cả đều hay, như sau đây :

I) Mời anh chị em, Chủ nhân tuyên bố :

*Đã ý phùng hoan duy hữu tửu  
Cao ngâm giải muộn khởi vô tại  
Côi phù-sinh hạnh ngộ một đôi  
kht*

*Hãy tận hưởng nghiệp bầu cho  
phỉ chí-*

*Cũng đồng điệu, cũng giai nhân,  
cũng tri kỷ,*

*Sánh Lưu-Linh, Từ-Thức, há  
thua nào?*

*Gặp nhau đây, cười lớn, uống  
cho hào!*

II.— Chủ nhân đọc thơ của Dương-Chân **TRẦN-ĐÌNH-KHẢI** : Cung-Quang.

*Ở đây rồi gặp hết,  
Giai nhân với bạn thơ,  
Lưu-Linh cùng Lý-Bạch,*

*Thánh rượu với Tiên cô!*

.....

*Bởi thế rất lo ngại,*

*Hòa tiền chờ người đời*

*Len hết cung Trăng ở,*

*Lại bản như đây thôi!...*

### Bài của NGUYỄN-VỸ :

*Cốc-tên thường Nguyệt cũng  
vui trò,*

*Nhưng được thư mời, áy-náy  
lo...*

*Ta Bạn, ít nhiều thơ cốc nhát,  
Mừng Trăng, không có « áo  
chìm cò »!*

*Diệu-Huyền nghiệp Báo đương  
thai-nghén, (1)*

*Cao - Thắng đường Tiên cổ  
bước dò. (2)*

*Thương à Hằng - Nga cười  
khóc dở :*

*Kìa Nga, kìa Mỹ, rắp-ranh  
mò!*

(1) Hình như, theo chỗ tôi hiểu, thì cô Diệu-Huyền vẫn « thai nghén trong nghiệp Báo », chứ không thai-nghén thật. Xin lỗi Diệu-Huyền nếu em đoán lầm. Chỉ sợ có thai chẳng là cô Hằng - Nga, vì nghe đâu đã có chàng Nga nào đó « mò » đến á trong đêm Trung-Thu..

(2) Biệt-thự của Thi-sĩ Trần-thúc-Linh ở Trú-khu Cao-Thắng, một nơi thần-tiên tĩnh-mịch, khó tìm cũng như đường lên Tiên vậy.

Bài thơ của Nhạc sĩ **THẦM OÁNH** :

### NHẠC ĐÈ

*Phách đó, đàn đây, nhân thế  
ơ!*

*Tơ trùng, phim lỏng, giọng cầm  
hơi!*

*Cung xuân tích lệ-trần gian  
động,*

*Điều oán van sâu vạn cò khốt...  
Chót lở tơ vương buồn ngắt tỏa,*

*Mảng say tay nhỏ máu thắm rơi,  
Ai lên cung Quảng cho ta nhận,*

*Mượn họ đàn tiên gảy khúc  
đời!*

18-9-59

Bài thơ của Thi-sĩ **TCHYA ĐÁI ĐỨC TUẤN** :

**THIỆU NGUYỆT LÃO THI**

*Mưa gió lâu nay vẫn nấu hình,  
Trung tuần đôi lúm ngắm xinh*

*xinh!*  
*Màn mây hé vóc mặt cười gió,*



Thềm quế nghiêng mành liễu gọi  
oanh,  
Xuân trước đã từng sương tuyết  
lạnh,  
Thu này âu giải nước non xanh.  
Gương ai vắng vặc soi kìm cò  
Đem lại cho nhau một mảnh  
lĩnh!

(Saigon Trung Thu Kỳ Hội)

Bài của Thi sĩ **ĐÔNG-HỒ**  
(đề trên cái quạt giấy của ông) :

Tuổi xanh mười  
đã đẹp (1)  
Xuân thắm mới  
vừa sang  
Nền gấm ép mình  
ngọc,  
Tờ hoa ngỏ tiếng  
vàng.

Rách lòng lẽ giữ vẹn  
Dây mỏng nếp đoan trang  
Nghệ thuật tình khăng khít  
Văn chương nghĩa cũ càng  
Thánh hiền say gối mộng  
Kìm cò ngắm đài gương  
Mảnh quạt đề thơ tết  
Bên đình vương giả hương.

Và đây là bài của Thi sĩ  
**ĐÌNH-HÙNG** :

Ngươi đến làm quên mất chi  
Hằng

(1) Mộng-Lan xin thú thật là không hiểu câu mở đầu « tuổi xanh mười đã đẹp ». Không hiểu Thi sĩ Đông-Hồ muốn nói ý gì?

Chi Hằng chẳng biết có ghen  
chăng?

Một mùa thu biếc trên tà áo,  
Bao tấm lòng thơ dưới ánh  
trăng

Sóng mắt nhìn nghiêng cơn mộng  
áo

Còn thuyền trôi ngược ánh sao  
băng

Ai say ai tỉnh? Còn ai nữa?  
Say ngắt nhưng nào dám hé  
răng?

Và đây là bài  
thơ của nhà Văn  
**PHÙNG - TẮT-  
ĐẮC**, tác gia  
truyện « Trước  
đèn » :

Tiểu mới hai màu đã ngã dần  
Thu về, lòng tưởng vẫn như  
xuân!

Dặt đầu tiếng trúc, hoa kè rượu;  
Say đắm hơi oanh, bút này  
thần...

Di tản hồ quên mùi hân mặc,  
Phong tao thấy mến chốn  
phương lân,

Phải chăng thanh khí xưa nay  
cả :

Chẳng lọ là lâu mới gọi thân...

Cứ mỗi bài thơ ngâm xong,  
là cả phòng vỗ tay đom đốp.

Thi-sĩ **TCHYA** và một ông Văn-sĩ rất có duyên, kể những câu chuyện và đệm những câu thơ, rất lý-thú, về những chuyện « phạm luật gia-đình ngày nay », những chuyện đa-thê của mấy ông Thi-sĩ ngày xưa!

Hội Thơ kéo dài mãi đến 11 giờ khuya, mà lúc nào cũng hào-húng. Một số khá đông bạn gái cũng tham-gia vui-vẻ vào Tao-đàn.

Đủ các thứ bánh, quà, trà, rượu, rất trang-nhã và cả cháo gà nữa, còn nóng hổi, do Trần Tiên-sinh và Nàng thơ của ông niềm-nở thiết đãi đề Tao-nhân mặc khách nhấp-nhém vui miệng.

Chi thiếu có một thứ, mà lại rất tiếc, một thứ nên thơ nhất, là Mặt Trăng! Không biết có Hằng-Nga đêm nay trốn đi đâu, hay cô mắc-cở vì... động phòng hoa chúc?

11 giờ ra về, tôi tức cười thấy Nguyễn-Vỹ ngồi đằng sau chiếc xe Vespa do ông Văn-hóa vụ trường Nguyễn-đuy-Miền, chở chạy vùn-vụt qua đường Cao Thắng, như muốn bay

luôn lên Trăng!



★ Của **LÊ-LIÊU**, nữ ca-sĩ  
đài Phát-Thanh Sài Gòn

Tôi thật không ngờ được hân-hạnh mời dự buổi Tao-đàn của Nam-Phong Thi-xã, đêm Thứ Bảy, 17 tháng 8 ta vừa rồi. Tôi được biết Nam-phong Thi-xã nhóm mỗi tháng một lần, vào đêm Rằm, hoặc đêm 16, 17 âm-lịch. Nhưng tôi được tin buổi Hội Thơ của Nam-phong Thi-xã trong dịp Trung-Thu này có cả ông Giáo-sư Pháp, Gustave Meillon, đến dự. Ông Meillon là Tiến-sĩ Văn-chương Pháp, Giáo-sư Việt-ngữ ở Trường Đại-học Sinh-Ngữ Á-Đông Paris, và cũng là chủ-tịch Hội văn-hóa Việt — Pháp, Ba-lê, được chính phủ Pháp phái sang chủ-tọa cuộc thi Tú-Tài Pháp kỳ nhì ở Việt-nam, Cam-bốt, và Lào.

Do sự giới-Thiệu của ông Nguyễn-Vỹ, một nhà Thơ trong Thi-xã Nam-Phong, Giáo-sư G. Meillon đến dự buổi Tao-đàn Trung-Thu đêm nay với tư-cách một người bạn ngoại-quốc yêu Văn-Thơ Việt-Nam, vì ông Meillon nói tiếng Việt rất giỏi, và hiểu biết rất nhiều về Văn-học-

Sử Việt-nam. Chính tôi rất ngạc-nhiên nghe ông nói về TAO-ĐÀN NHỊ-THẬP BÁT TỬ của Vua Lê-thánh-Tôn !

Buổi họp bắt đầu từ 6 giờ chiều tại biệt-thự lộng-lẫy và rộng-rãi của ông bà Đốc-phủ Thanh-Trước, một nhà Thơ của Tao-đàn Nam-phong, ở Đakao. Tôi nhận thấy gần đủ mặt các Thi-sĩ của Tao-Đàn (9 vị) quý bà Thường-Lạc, Mộng-Hoa và quý ông Thường-Tiên, Thanh-Trước, Biền-ngũ-Nhy (Bác-sĩ Bính) Nguyễn-Vỹ, Thuần-Đức, Minh - Tài (Họa - sĩ kiêm Thi-sĩ) và Long - Giang, (Đông - Y sĩ Đờ-phòng-Thuần).

Chỉ thiếu ông Hi-Trà bận việc. Ông Meillon là vị quý khách. Còn tôi được hân-hạnh mời tham gia, đề ngâm các bài thơ của các Nam Nữ Thi-nhân. Ông ông Meillon nói tiếng Việt, và câu chuyện toàn về văn-chương Việt-Nam, trừ ra vài giai-thoại của Ông Meillon về đời sống của các Sinh-Viên Việt Nam tại các trường Đại-học Paris, mà ông giáo-sư quen nhiều. Ông cho biết Nguyễn Tiến-Lãng hiện giờ đi dạy học chút ít để sống. Trần-văn-Tùng viết vài quyển sách bằng Pháp-văn



nhưng không được các sinh-viên Việt-Nam ưa chuộng. Hoàng-xuân-Hãn vẫn nghiên cứu các tài liệu Văn-học và Sử học Việt-Nam v.v...

Câu chuyện trao đổi ý-kiến về Văn-chương Việt-Nam, giữa ông giáo-sư Pháp và các Thi-sĩ Việt, nghe thật là lý-thú. Tuy tôi không được hân hạnh là nữ-sĩ nhưng nghe cuộc đàm-luận rất tao-nhã bằng tiếng Việt, nói về văn thơ Việt và Quốc-tế giữa ông Meillon với các bà các ông Thi-sĩ của Tao-Đàn Nam-Phong, tôi cảm thấy một niềm thông cảm sâu đậm và dịu-hiền, thanh cao, của Văn-Hóa loài người.

Đến 8 giờ, ông bà Thanh-Trước mời dùng cơm. Một bữa cơm Việt-Nam rất tao-nhã và thân mật, do tự tay Thanh-Trước phu-nhân soạn rất khéo léo và tiếp đãi rất ân cần.

Câu chuyện trong bữa cơm

cũng toàn bằng tiếng Việt, rất thú-vị và vui-vẻ trong tình hữu-nghị thân-mật.

Xong, ông Thanh-Trước mời tất cả ra ngoài sân rộng, có cây cao mát mẻ và các bồn hoa tươi đẹp, dưới một ánh sáng huyền-mơ của một Hằng-Nga bên-lên lấp-ló sau mây...

Tôi hân-hạnh được ngâm các bài thơ diễm-tuyệt của các Thi-sĩ và Nữ-sĩ trong Tao-Đàn. Vừa ngâm hết một bài đầu :

*“Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?*  
thì tất cả ai nấy đều ngạc-nhiên, và ngó nhau mỉm cười, vì nghe phía bên kia bức tường cao những tiếng vỗ tay của mấy cô bạn láng-giềng ! Ngạc-nhiên nhất là ông Meillon...

Tôi xin thú thật rằng tôi vừa mới ốm dậy nhưng tôi đã ngâm được 12 bài với tất cả nhiệt-hứng rung-cam say sưa.

Giáo-sư ngô-ý với ông Nguyễn-Vỹ rằng ông muốn xin tất cả các bài thơ ấy với chữ ký của các Nam-Nữ thi-nhân trong Tao-đàn để ông giữ làm kỷ-niệm. Về Paris ông sẽ dịch ra Pháp văn và trình-bày trong các cuộc diễn-thuyết của Trường Đại-học sinh-ngữ Á-Đông. Hội Thơ của Nam-Phong Thi-xã kéo dài đến 10 giờ,

mọi người còn luyến-tiếc. Thật là một cuộc hội Thơ vô cùng hào-hứng sau đêm Trung-Thu.

Lạ-Liêu



Tin giờ chót của :

## TAO ĐÀN PHỒ-THÔNG

Chúng tôi vừa nhận được 2 bài thơ đặc-biệt. Một bài của vị Nữ-sĩ Lão-Thành có danh tiếng từ xưa ở Bắc-Việt, là cụ AN-Cao, tức là NGỌC-ANH Nữ-Sĩ, hiện ở Saigon.

Nữ-sĩ có viết dưới bài thơ, một câu sau đây :

“Xin quý vị Thi-hữu của Tao-Đàn Phồ-Thông phủ chính và họa nguyên vận” :

## Tết Trung-Thu

*Tết này tục gọi Tết chơi giăng,  
Có phải hay không hỏi chị hàng?  
Đánh chén, Thi ông ngồi ngất-  
nghe,*

*Múa đèn,*

*sur - lư*

*chạy lẳng*

*quăng !*

*Nhớ nhà*

*thêm ức*

*phương*

*vô-lại,*

*Thù nước*



khôn quên nổi bất bằng.  
Trông đợi mùa thu, thu thổng  
nhất.  
Vườn xưa cây cối nảy chồi  
măng!

**CAO-NGỌC-ANH**

Và một bài của Cụ UNG-BÌNH, Thúc-Gia-Thị, Hội-Chủ Hương-Bình Thi-Xã ở Huế, một Thi-sĩ lão-thành, nổi danh ở đất Thần-Kinh :

**TRĂNG RẪM THÁNG TÁM**

Trăng rằm tháng tám sáng  
như gương,  
Nhớ chuyện đêm trăng thuở  
Tống, Đường :  
Chén rượu Tao-ông miền Xích-Bích,

Tiếng đàn Ly-phụ cảnh Tâm-Dương  
Cuộc đời dâu bể năng thay  
mới.  
Bóng nguyệt xưa nay chẳng  
khác thường.  
Say lĩnh nổi kệ trong giấc  
mộng.  
Sang giàu mấy nổi thấy mà  
thương !

**UNG-BÌNH,  
THÚC - GIA - THỊ.**

Bài này, Cụ Thúc-Gia có nhã-ý để tặng ông Nguyễn-Vỹ, nhưng cũng xin mời các Quý vị Thi-hữu trong Tao-Đàn Phổ Thông họa nguyên-vận, cùng với bài trên của Cụ Cao Ngọc-Anh.



**ĐÍNH CHÁNH TRONG TAO ĐÀN PHỔ-THÔNG**

Về bài thơ số IV, có Nguyễn thị Mỹ Linh, Đà Nẵng, (Phổ Thông Trung Thu, trang 9) :

Bài thơ ấy có nhiều câu in lộn, không đúng với nguyên văn, vậy xin hủy bỏ.

Xin cáo lỗi cùng tác giả và Quý vị Thi hữu.

P. T.

**ĐÍNH CHÁNH MẤY CHỖ SƠ-SỐT TRONG P.T. SỐ 19  
(TRUNG-THU) :**

1) Trang 22, cột 1, từ cuối trang đếm ngược lên, giòng thứ sáu, in chữ xiêng : Thay vì : «Ngô đồng điệp lạc»  
Xin sửa lại : «Ngô đồng NHỨT điệp lạc», và câu kế :

Thay vì : «lá ngô đồng rụng», xin sửa : **MỘT** lá ngô đồng rụng».

2) Trang 75, bài «Minh ơi», cột một, câu chót, thay vì :  
Lucien de SANOSATE xin sửa lại : Lucien de SAMOSATE

5) Cũng bài ấy, trang 80, cột hai, giòng thứ tám từ trên đếm xuống, thay vì :  $12.000 + 2.000 = 24.000$  kí-lô-mét.

Xin sửa :  $12.000 + 12.000 = 24.000$  kí-lô-mét.

Xin Quý Bạn miễn thứ cho. Thâm tạ

P.T.

**PHỔ-THÔNG** số này 140 trang. Giá vẫn 10 \$

**THÂN NHẬN CÁC BẠN TẶNG QUÀ  
PHỔ-THÔNG TRUNG-THU**

Có tất cả trên 600 bạn nhờ tòa báo gửi Phổ-Thông số đặc biệt Trung-Thu tặng các bạn hữu xa gần trong Nước và Ngoại quốc. Chúng tôi đã gửi đủ tất cả các số báo trước ngày phát hành, trong 2 ngày 10 và 12 tháng 8, (12 và 14.9.59) để các bạn nhận quà biếu đúng ngày 14 và Rằm tháng 8. Nơi trang đầu mỗi quyển báo tặng đều có dán tấm giấy in màu vàng, đúng theo kiểu sau đây :

Số **PHỔ - THÔNG TRUNG - THU** này là  
món quà đặc biệt

của bạn . . . . .

ở \_\_\_\_\_

Thân tặng bạn. . . . .

ở . . . . .

. . . . .

do **PHỔ-THÔNG** tạp chí hoan hỷ  
chuyển giao trong dịp lễ Trung-Thu  
Kỷ-Hội (15.9.59)

(Con dấu  
của Chủ-Nhiệm)

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA  
NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KE  
ĐỒ THỊ

THÔNG CÁO

Trực-thuộc Phủ Tổng Thống

Sở Xổ - Số Kiến - Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG

|        |                            |             |
|--------|----------------------------|-------------|
| 1      | lô Đệc-Đặc trúng . . . . . | 1.000.000\$ |
| 5      | lô trúng . . . . .         | 100.000\$   |
| 5      | — . . . . .                | 50.000\$    |
| 5      | — . . . . .                | 10.000\$    |
| 60     | — . . . . .                | 5.000\$     |
| 200    | — . . . . .                | 1.000\$     |
| 1.000  | — . . . . .                | 500\$       |
| 1.000  | — . . . . .                | 100\$       |
| 10.000 | — . . . . .                | 2.000\$     |
| 55     | lô an ủi                   |             |

Tổng cộng : 12,326 lô trúng.

Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ.Số KIẾN-THIỆT